

HỒI KÝ SƠN NAM (Tập 1)

MỤC LỤC

TỪ U MINH ĐẾN CẦN THƠ.....	1
Chương 1. Tôi chào đời vào năm 1926 ở vùng U-Minh hạ.	3
Chương 2. đậu bằng sơ học.....	19
Chương 3. Vào trường công lập Cần-Thơ.....	28
Chương 4. NĂM TÔI 19 TUỔI	45
Phần 1.....	45
Phần 2.....	49
Phần 3.....	52

Nguồn: namkyluctinh.org

Trình bày LP: 8.5.2014

TỪ U MINH ĐẾN CẦN THƠ

Có những người nói tới nói lui có một chuyện, mãi đến khi người nghe lộ vẻ nhàm chán thì người nói vẫn nói, vì là “vốn quý” của mình. Thấy trẻ con trèo lên cây me để hái trái thì quát tháo : “Tụi bây là lũ bất hiếu, rùi té gãy tay, lòi chân, cha mẹ tốn kém tiền thuốc men. ” Rồi dạy miên man rằng trong các loại cây thì “ chùm ruột là thứ nhánh giòn nhất, dễ gãy.” Rồi cứ nói thêm rằng cây trứng cá một thời đã được mọi người ưa chuộng vì tăng trưởng nhanh, nhiều lá để tạo bóng mát, trái màu đỏ, trẻ con ưa thích nhưng coi chừng...rắn lục loại rắn con, vảy màu xanh dễ tiếp với màu lá cây lắm khi rình rập trẻ con, rắn lục có nọc độc, nếu có chữa.

Có ai nghe thì nói, lắm khi như nói một mình. Giới trẻ đứng giây lát rồi bỏ đi, gọi lão đó ăn nói nghe cũng hay nhưng dường như lắm cảm.Nhưng không nên cãi vã, lão ta rất tự ái, tự tôn.

Tự ái là phải. Vì lão ta không nói láo. Gần đất xa trời rồi ! Nói láo làm chi cho mang tội. Chẳng qua là kinh nghiệm trường đời có giới hạn, muốn truyền lại, già trẻ ai muốn nghe thì nghe. Và dường như ít ai nghe. Họa chẳng khi lão mất, người trẻ trở thành người già, nhớ lại bóng dáng lão, rồi đánh giá là người có tư cách. Theo ngôn ngữ xưa trước 1945, có tư cách là có đầu óc là người quan tâm ít nhiều đến chính trị, là người biết vinh biết nhục, có trách nhiệm.

Thời bắt đầu kháng Pháp, khoảng 1946-1947, chúng tôi đóng cơ quan ở phía ranh giới giữa Bạc Liêu và Kiên Giang ngày nay, đất thấp và phèn, xa biển, phía Ngan Dừa, Ninh Thạnh Lợi gì đó. Người dân làm chút ruộng và lập vườn ổi. Vườn lùn hồi suy thoái, phải chặt bỏ, trồng lúa khác để có trái to, ít hạt hơn. Nhà cửa lưa thưa, đồng bào nghèo rất tốt, cười vui khi gặp anh em cán bộ. Hôm ấy, một ông lão cho biết trong ngọn rạch còn một ngôi chùa, đứng ra là một cái am nhỏ với ông thầy trẻ và đôi ba đệ tử. Chùa lợp lá, nhưng thầy trò đều siêng năng tụng kinh, gõ

mỡ, tu hành kiểu quái lạ : “Ông thầy thỉnh thoảng uống rượu và làm “kinh tế tự túc”, tôi chưa rành, mình tới coi thử”. Tôi nhận lời, vì tò mò. Đến cho biết, với tâm trạng vô tư. Được giới thiệu trước là “cán bộ tới thăm”, thầy đón chào và mời vào căn nhà nhỏ bên hông chùa. Đôi ba chục con quốc (cuốc) bị trói chân, nằm chật chội trong cái rộng bằng tre, thỏn mỏn. Thầy giải thích đó là của đám đệ tử gài bẫy mấy ngày qua, chờ đủ trăm con mới đem ra chợ bán lấy tiền mua gạo cho chùa ăn qua ngày, đồng thời để tiếp tế cho “Xưởng”. Hỏi thì biết rõ hơn : Gần đó, hơn hai ngàn mét có một xưởng nhỏ chế tạo lựu đạn nội địa, cung cấp cho du kích. Bán hàng trăm con quốc, được thêm tiền mua chuối, đủ đủ cho anh em công nhân xưởng. Anh em sống bí mật lắm, không được phép đi dạo trong xóm, nói chi ra chợ làng.

Tu hành, không sát sanh, nhưng gài bẫy bán chim cho người khác mua về ăn thịt, rồi lấy tiền làm việc nghĩa. Cử chỉ ấy nói chung ai cũng khen, sát sinh nhưng nhà sư và số đệ tử đã làm điều phải, nhập thế, còn hơn là mãi tụng kinh sớm chiều. Lại nhớ năm xưa đó, lúc cơ quan đóng nơi heo hút, trời chuyển mưa nhanh chóng, sấm sét nổ lên, ai nấy giựt mình. Lát sau một thằng bé chạy hơi hải báo tin có đứa bé bị sét đánh chết, dường như nó là người của cơ quan. Anh em chạy ra ruộng, khiêng đứa bé vào, tên nó là X., cha mẹ xin cho nó từ hơn tháng qua làm liên lạc, chèo xuồng, nấu cơm và học chữ quốc ngữ. Một mặt, anh em báo tin cho cha nó biết, mặt khác cứ làm hô hấp nhân tạo, xoa bóp tay chân. Trăm y tế ở quá xa và ai cũng đoán chắc là nó đã chết, rồi cha nó đến, mặt mày hơi hải, khóc không ra nước mắt, ôm con giẫy lất nói nghẹn ngào : Anh em, thôi, được rồi. Tôi biết chắc con tôi hết phần phước rồi. Anh em cho tôi đem nó về tai nạn này, anh em không có gì đáng quở trách. Buồn là buồn cho thằng con tôi chưa làm được gì giúp đất nước”.

Anh em cử người tới dự buổi tổng táng đứa bé. Rồi hôm sau, lại dời nơi khác, ai nấy buồn và như hồi hận.

Cha đứa bé đứng nhìn theo, nói nghe tỏ rõ : “Phải chi ngày hôm qua tôi chết thế cho con tôi. Tôi già rồi. Nó còn trẻ.”

Nhìn lại ông, rồi anh em cán bộ cúi mặt. Ông đang ở trần, dưới cơn mưa lất phất. Bấy giờ, ai cũng thiếu áo. Thằng bé mất hôm qua mình mấy ướt mem, áo rách. Nghi ngờ gì nữa, ông đã cởi chiếc áo của mình ra mà đắp cho thằng bé được ấm áp hơn, khi nó từ già cuộc đời này.

Mới đây, đọc báo thấy tả những cái khạp, được neo lại không xa nhà cho lắm. Nạn nhân vụ lũ lụt to lớn của đồng bằng. Chết giữa cảnh trời nước bao la, trong phạm vi đôi ba cây số ngàn mới gặp mười căn chòi hoặc năm bảy cây gáo cổ thụ, rải rác vác chòm cây điên điển tạp nhạp chỉ dùng làm chắt đốt, nhưng được ca ngợi vì gần như không trồng mà cứ mọc lan tràn, trái khô rụng xuống là mọc trở bông tươi ăn khá ngon, màu vàng rực rỡ trong khoảng thời gian ngắn. Vài đứa bé vô ý rơi xuống, nước đang ngập vào nhà, lập tức bị cuốn trôi giữa khu vực trước kia là đồng ruộng nhưng lũ đã phủ lên đôi ba mét, chảy cuồn cuộn. Chọn cái khạp đựng gạo hoặc cái lu (chum, vại to) liếm với quần áo, chiếu. Nạn nhân dĩ nhiên gần như ngồi trong khạp, co chân lại, hai tay khó thẳng. Rồi đập nắp lại trét xi măng. Đặt cái khạp ấy không xa nhà cho lắm để dễ bề canh chừng, sợ nó trôi mất, và cha mẹ cũng chẳng muốn rời đứa con đã mất nhưng còn đó. Tìm bốn năm cây tràm nhỏ cắm chung quanh để rào cái khạp với mớ dây kẽm, nhờ vậy cái quan tài tròn, ngộ nghĩnh nổi lên rồi hạ thấp xuống tùy theo mưa nhiều ít từ thượng nguồn không bao giờ chao đảo lắc lư, hy vọng rằng đứa bé được yên thân, không trần trở, “nghiên mình” tức là không giữ được “tư cách” vì người chết vẫn là người sống. “Lòng đây tưởng đó mất như còn”(Đồ Chiểu), mặc dầu lúc sống chưa làm được điều gì đáng kể. Nạn nhân của lũ lụt nếu lớn tuổi hơn

thì chôn trong cái quan tài, gọi là như vậy cho khỏi tủi thân, chỉ là mấy tấm ván mỏng ghép lại. Người chết mặc nhiên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo, mặc quần áo thơm mát, nằm với tư thế đứng đắn nhất là xuôi tay, xuôi chân, mặt nhìn ngửa lên trời, phải phun rượu để uồn nắn lại trong trường hợp tay chân co quắp. Ngày có những loại bao ny-lông to và dài theo ni tắc của người lớn, bỏ vào bao, g in giữ được mùi hôi rữa, đặt vào quan tài, thêm nhiều mảnh ni-lông rồi đưa ra khỏi nhà, không quá xa để canh chừng. Giữa trời nước bao la, sóng trào nước xoáy, cứ xốc bón cây chổi như hình chữ X, treo lên cao ; bên dưới, làm thêm một cái sào để quan tài dứ vào, để phòng khi giông gió khiến quan tài rơi xuống đáy nước. Trên nóc quan tài, làm kiểu mái nhà, bằng vải nhựa dẻo. Chưa hết. Ngày nay lấm nơi bố trí hai cái ống tre, hoặc ống nhựa cắm bên quan tài, đựng gạo và muối, tượng trưng cho lương thực, thực phẩm cần yếu cho người quá cố, vì còn bối rối, thân nhân không thể nào cúng đường dịp cho tuần đầu, hai tuần đầu và cúng 100 ngày. Như việc tống táng với lương thực của người dân tộc trên Cao nguyên.

Nhắc lại đông dài để nhớ mãi “tư cách” của con người. Sống hay chết, già hay trẻ đều là con người, phải giữ tư cách.

Xác cháu bé khi nước giựt xuống, cha mẹ sẽ đem chôn kín dưới đất. Rồi mùa nắng, rồi mùa nước lụt năm sau, bông điên điển hoang dã sẽ trở vàng ngời soi bóng nước từ đầu nguồn tuôn về. “Chúc hồn em mãi tiêu dao. Về trần tìm lại chiêm bao thuở nào”.(Kiên Giang)

Chương 1. Tôi chào đời vào năm 1926 ở vùng U-Minh hạ.

Tôi chào đời vào năm 1926 ở vùng U Minh Hạ, thuộc khu vực rừng tràm tràm thủy ven vịnh Xiêm La mà Pháp khoanh vùng để bảo quản và quản lý khá chặt chẽ, tuy nhiên người dân địa phương có thể đốn cây tươi để bán lẻ tẻ hoặc dùng trong gia đình. Đây là khu vực thuộc huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, với con rạch Thứ Sáu, hệ thống rạch mà Gia Định Thành Thông Chí đời Gia Long đã mô tả. Hơn chục con rạch ngắn, cong queo, bắt nguồn từ giữa rừng chảy ra biển, từ Đông sang Tây, chẳng dính dấp gì đến con sông Hậu Giang. Mùa mưa, nước tràn vùng trũng, chịu ảnh hưởng hải triều, 24 giờ có hai lần lớn ròng, vì vậy, nước dưới rạch như mãi lưu thông. Tóm lại, nước dưới rạch không chảy từ đất cao, xuống hạ lưu đất thấp. Bờ biển là bãi bùn phù sa, đầy cây mắm, cây giá không có giá trị kinh tế như cây đước. Nhà ở bờ rạch, ra biển khoảng 4 kilômét, ấy thế mà từ thuở lọt lòng đến hơn 10 mét, đầy cây mắm, cây giá, muối mỏng bay ào ào ngày như đêm, bước xuống thì lún ngang đầu gối. Rừng cũng vậy, mần năm sinh lầy, dưới bùn ló nhô những gốc cây đã chết hoặc cây sậy, đề, khá bén nhọn. Ấy thế mà người dân đi chân đất, gần như chẳng bao giờ bị thương tích đáng kể. Lớn lên, được dịp đi tận Hà Tiên rồi Vũng Tàu hoặc Nha Trang, tôi vui sướng vô cùng. Rõ ràng là biển của xứ người trông thơ mộng, sạch sẽ với bãi cát trắng hoặc vàng, nước biển xanh đậm không như phía vịnh Xiêm La toàn là phù sa màu vàng sậm, màu nâu. Khác hẳn rừng miền Đông nơi có suối, có hốc đá, nơi con nai ngơ ngác uống ánh trăng vàng. Chung quanh nhà, nơi tôi chào đời, đầy lau sậy, luôn luôn có muỗi lại còn ong rừng (gọi ong mật).

Hừng sáng, trẻ con dễ đói bụng, thường đi tìm đám lau sậy hoặc cây tạp mà gắp tổ ong mật, ỏ còn nhỏ ni tắc cỡ cái bánh tráng (bánh đa). Vắt mật ong, uống tại chỗ gọi là ăn điểm tâm, lát sau ra về, lừng khừng như kẻ say rượu vì mật ong có rượu, gây khó chịu lúc đói bụng. Lắm khi trẻ con đi dạo trong đồng cỏ, thu hoạch được chút ít mật ong, đem lại tiệm quán đổi lấy vài viên

kẹo. Mật ong quá ít, bán chẳng ai mua, muốn bán thì phải có số lượng vài chục lít, đem ra tỉnh lỵ. Cũng như cá lóc, cá trê, muốn thu hoạch khối lượng to cần có thương lái giúp vốn sắm xường, sắm câu, lưới để sống tạm qua ngày. Xóm tôi hồi đó còn vài mươi gia đình người Khome, người lớn tuổi bảo rằng họ tản cư đến khi Pháp đánh chiếm hồi cuối thế kỷ 19, dân số Khome dường như không tăng không giảm vì trẻ con kém săn sóc dễ bị đào thải từ tấm bé. Gần xóm, vài ao nước tương đối ngọt với thềm cao. Thỉnh thoảng, dân bắt rắn, bắt lươn dùng chữa mà xom, phát hiện vài lỗ trống, bên dưới đầy lươn và xương người nát bấy, nhưng tóc còn nguyên vẹn. Mộ của người đến U Minh, sống nghèo túng rồi mất từ xa xưa. Ông nội tôi chào đời ở cù lao Ông Chưởng (An Giang) khoảng 1840, ông cố tôi cũng ở đây, từ xưa. Ông nội tôi chạy giặc Pháp, qua Rạch Giá, đến Cù Là rồi xuống U Minh. Bấy giờ Pháp cho trưng khản đất tự do, nhưng ai cũng chán chê vì đất quá úng, chưa có dân lưu tán đến, họ chờ mãi vẫn không thấy người Pháp cho đào kinh thủy lợi. Đất hoang ấy phải trả lại cho nhà nước để khởi đóng thuế, chỉ giữ chút ít diện tích để đào địa (ao nuôi cá) hoặc chờ mùa nắng cá tự động gom vào trũng. Hồi mới đến định cư, thử trồng một cây khế, nay đã còi cọc, trông khô héo nhưng có giá trị vì lớn tuổi hơn tôi. Bác hai của tôi phá rừng, trồng vài mươi cây dừa nơi đất úng, về sau, trồng một cây mai vàng, gần Tết cũng trổ vài bông. Bác tôi giữ búi tóc, thích giao thiệp với xóm người Khome nói trên, ông rành tiếng Khome, lại có khả năng kể chuyện cổ tích Khome cho trẻ con nghe, và thích lên đồng bóng (gọi xây Á-rặc) mời thần thánh địa phương người Khome nhập vào. Lúc ấy, ông uống rượu, xem bói tướng cho người địa phương. Ông kể chuyện xưa ngày khản hoang, không cường điệu, tôi còn giữ được vài ấn tượng sâu sắc, nhờ vậy mà sau này tôi viết quyển **Lịch sử khản hoang miền Nam** với thái độ tự tin. Hồi Diệm còn cai trị, khủng bố ác liệt, tôi cố gắng viết những truyện ngắn, sau này gom lại lấy nhan đề **Hương Rừng Cà Mau**. Người khen kẻ chê nhưng nên nhớ rằng chế độ kiểm duyệt của Diệm tinh tế lắm. Tôi gửi một quyển về cho bác Hai tôi, ông không biết chữ Hán chữ Quốc ngữ gì cả, nhờ đứa cháu ngoại đọc lại, năm ấy bác đã khoảng 90 tuổi. Đứa cháu ấy viết lá thư ngắn gửi lên Sài Gòn, tóm tắt ý kiến của bác mà tôi vô cùng trân trọng : “Thằng này nói dóc, nghe được quá. Nói dóc mà có căn cứ”. Phải rồi, truyện ngắn, truyện kể gì gì đều là loại hư cấu. Nhưng hư cấu phải có căn. Có căn tức là mang cốt lõi hiện thực. Lời nhận xét của bác Hai khiến tôi hãnh diện với thâm tâm.

Lớn lên, đầu khoảng tôi 6 tuổi, cha tôi là con út trong gia đình bèn rời bỏ quê hương đi khản đất, lên phía Bắc, ven vịnh Thái Lan, cách thị xã Rạch Giá chừng 15 kilômét phía Hà Tiên (nay gọi là vùng ven khu Tứ Giác). Bấy giờ con kinh Rạch Giá-Hà Tiên vừa đào xong nhưng chưa được sử dụng vì bên bờ thưa thớt dân cư, nước phèn mặn. Dọc theo mé biển nhiều giồng cát cao ráo đã có người Khome định cư, co cụm trên cao, ven giồng là đất thấp, úng lụt. Thêm vài ngọn đồi thơ mộng, dính vào đất liền, gọi là vùng Hòn Chông, Ba Hòn với hai cột đá cao, nằm nghiêng một chiều, gọi hòn Phụ Tử rồi lên Hà Tiên gặp nhiều hòn đá vôi (xi măng Hà Tiên). Ăn đến biên giới là những thắng cảnh như Tô Châu, đồng Hồ, Thạch Động, gần xa ngoài biển là hàng chục đảo lớn nhỏ, khi trời quang mây tạnh, nhìn thấy dạng đảo Phú Quốc khá cao và dài. Không khí u buồn nhưng chưa quá ảm đạm. Còn đâu thời Mạc Thiên Tứ với Chiêu Anh Các !

Phía đông của toàn dải đất bao la, trông nhàm chán này là dãy Thất Sơn dọc theo biên giới, phía Tây Bắc rồi xuống phía Nam là sông Hậu khá rộng (nhánh của sông Tiền, tức sông Cù Long). Giống hệt như phía Đồng Tháp Mười với cỏ bàng, và hàng trăm thứ cỏ cao, cỏ thấp chẳng có giá trị kinh tế. Có thể nói nơi tiếp giáp với nước Cam Bốt là Đồng Tháp Mười và khu vực Tứ Giác nói trên, riêng khu Tứ Giác đã được Thoại Ngọc Hầu từ cuối đời Gia Long khoanh

vùng với kinh Vĩnh Tế và kinh Thoại Hà (Long Xuyên). Giữa biển cỏ hoang vắng này, nhô lên núi Ba Thê với di chỉ quan trọng của nước Phù Nam xa xưa hồi đầu Tây lịch. Khu Tứ Giác, kể luôn Đồng Tháp Mười là đất khắc nghiệt, đã nhận chìm nước Phù Nam nay ít ai biết. Và các nhà khảo cứu còn đang mò mẫm tìm hiểu : Dân Phù Nam từ đâu đến và họ đã đi về đâu ? Cánh đồng cỏ bao la này được người Việt trở lại khai phá, tuy phải đối đầu với môi trường xa lạ, nhất là về thủy văn. Khác hẳn cánh đồng của sông Hương, sông Thu Bồn hoặc có qui mô như sông Đồng Nai. Những cơn lụt thường niên xuất phát từ Tây Tạng, Lào, Cam Bốt nhưng Thoại Ngọc Hầu đã phân vùng khá chính xác với hai con kinh phía Bắc và phía Nam, nhờ vậy mà tên tuổi của ông được hậu thế mãi ghi nhớ.

Nếu vùng U Minh phía Nam ven biển vịnh Xiêm La, nơi tôi chào đời (xã Đông Thái, ấp Giữa) còn khó tìm trên bản đồ thì xóm Sóc Xoài, nơi cha tôi đến khẩn hoang đợt sau khó tìm hơn, thuộc xã Sóc Sơn, ngay rạch Tà Lúa. Đất phèn và mặn, phải đào ao, uống tạm, nấu cơm. Ít ai bệnh hoạn vì loại nước ao này, vài người cho rằng bấy giờ ta chưa dùng thuốc trừ sâu. Núi thấp ngoài biển rải rác nhiều đảo nhỏ, gần bờ là những bãi quạ đen hoặc bãi ó. Hình dáng con ó được tả lại qua câu thai đồ : “mình dà (đà) mặc áo cũng dà. Tay xách con gà, đầu đội thúng bông.” Ó đáp xuống, xót gà con rồi bay lên cao, đầu ó mang chòm lông trắng ...

Chân trời rộng, bên kia vịnh là các nước Thái, Mã Lai nhưng ít giao lưu vì thiếu hàng hóa và khả năng mua sắm. Về đâu ? Về đâu ? Chỉ biết nhìn lên trời, tìm hướng siêu thoát, nương vào mây bay.

Vào mùa mưa, gió Tây Nam của gió mùa đen kịt, từng nhà như sống cô lập, thôi thì ăn tạm chén cơm, chút nước mắm rồi ngủ, đầu đèn không có để mà thắp, chẳng còn chuyện gì để cho người trong nhà bàn bạc với nhau. Cọp beo từ lâu rồi không ai thấy, cường hào ác bá chẳng muốn lần hiếp kẻ tay trơn, ma quỷ có lẽ đã mất dạng, đến như bầy muỗi lừng danh kêu “như sáo thổi” cũng lần trốn khó khăn trong tấm vách lá đang run phần phật. “Thương thay, thập loại chúng sinh !”

Lớn lên, càng già tôi càng hiểu rằng những ấn tượng đầu tiên khi mình còn bé vừa tiếp xúc với cuộc đời cứ theo thời gian mà khắc càng sâu trong tâm thức, không tài nào diễn tả được, khi ẩn khi hiện. Cũng như khi vào trường làng ở vùng này, tôi học chung với vài cậu bé Việt lai Hoa, Hoa lai Khơme. Học trò không mấy đứa có khai sinh, tên nghe ngộ nghĩnh như thằng Túng, thằng Khung, thằng Xa Đơn. Lắm đứa ở trần mặc quần cụt vào lớp, thỉnh thoảng lén ra ngoài sân rồi trở về nhà. Thầy giáo đành chịu vậy, gắt gỏng quá thì lớp học khó tìm được mười học trò, chưa nói đến mùa mưa, làm ruộng, vài đứa giúp cha mẹ trong việc đồng áng, hoặc lên cơn sốt rét. Thầy giáo do làng hoặc tổng tuyển chọn, ăn lương khoán. Ngành giáo dục tỉnh thỉnh thoảng gởi đến vài xấp tư liệu, kiểu giáo án, khá tươm tất như là nội san định kỳ, gọi Sư Phạm Học Khóa. Vì vậy, tuy có ít nhiều sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư từ Hà Nội gởi vào, nhưng trường ở xa xôi vẫn dạy theo tư liệu riêng, không sát theo chương trình nhưng gợi cảm hơn. Thí dụ như bài học thuộc lòng :

*Đêm khuya, nhà, vắng, tờ đang sâu,
Lũ ếch sao bây dám bảo nhau
Kêu khắp bốn phương nhà tớ ở ?
-Này im, nghe tớ hỏi vài câu.
Bây giện chi mà kêu ếch ộp
Hay bây có cái thú riêng gì ?*

*Thú gì, rủ tớ đi theo với,
Rủ tớ đi đâu tớ cũng đi !*

Học trò đọc lên, lúc được thầy giáo gọi “trả bài” lấy làm thích thú, dễ nhớ, như quen thuộc với môi trường đồng không mông quạnh. Lũ trẻ chắc cũng hiểu đại khái nội dung nên cười tùm tùm ; thầy giáo vừa rời quê xứ, đến khu Tứ Giác này để dạy học với đồng lương vô nghĩa cũng có đôi phút chạnh lòng nhớ ruộng, vườn, bờ cỏ hoang vắng, từ thuở ông bà. Kỷ niệm thời thơ ấu bất diệt, mặc dầu đã lớn tuổi. Học vỡ lòng một đôi năm, cha đưa tôi từ xóm Cù Là, xem như cỏ kính, gần thị xã Rạch Giá, trên giồng đất cao ráo cũng nhiều người Khome ở lâu đời, nhưng ruộng tốt, lại có ngã ba sông rạch. Mấy bô lão cho rằng Cù Là là cái xứ bán thứ cao xoa bóp trị bá chứng, do người Cù Là đưa tới, hiểu là người Miến Điện (nay Myanmar). Vịnh Xiêm la quả là nơi hội tụ nhỏ bé của vài nước Đông Nam châu Á. Gần Cù Là nay còn tên đất Xà Xiêm (Sre Xiêm), nơi người Xiêm đến làm ruộng (thời Nguyễn Ánh-Tây Sơn chăng?). Nhưng sôi động nhất là sự hiện diện của người Hoa, phần lớn là Triều Châu, họ mua bán sỉ lẻ, đặc biệt là tổ chức sòng bạc ngày đêm, gần như là công khai. Thanh niên phần đông là lai tạp, chiều chiều đến học võ và trình diễn nào võ Khome, võ Việt Nam (?), võ Triều Châu, võ Lào, võ Xiêm (nhất là dịp lễ hội ở chùa Phật người Khome). Được ở trọ nhà người bác ruột, ông có trưng khăn vài mươi mẫu đất khá tốt, nhà lợp ngói, vách ván, nền lót gạch tàu, rõ là tiêu biểu cho văn minh Việt ở vùng đất tụ hội, giao lưu này. Trước sân, nhờ rạch Cù Là được nguồn nước ngọt đưa vào nên trồng khá nhiều cây cảnh như nguyệt quới (quí), ngâu, lài, đặc biệt là hai cội mai vàng. Tết về vàng rực hoa to ; hoa còn búp, lại còn bàn thờ ông bà, lư hương, nhà hơi thấp, bảo rằng trong nhà phải tối nhá nhem, ông bà phải chịu về với con cháu. Bàn thờ luôn thấp ngọn đèn trứng vịt, đó là lửa thiêng, lửa hương hỏa. Con cháu ưa thức đêm phải ngủ nhà dưới, phía trước nơi nấu bếp. Học hành ngày hai buổi, ngày chủ nhật mới rảnh rang, dạo chơi sau hè cách nhà chừng 100 mét, đã đắp vùng đất khá rộng và cao, gọi thổ mộ, hiểu là nơi chôn cất của riêng dòng họ. Phần mộ ông nội tôi ở đó, mặt bằng, thọ hơn 80 tuổi, mất năm “ Bảo Đại tam niên”1929.

Tuy ở xứ Nam Kỳ thuộc địa, niên hiệu Bảo Đại của Trung Kỳ vẫn được mên mộ, nhắc nhở văn hóa Việt Nam. Ở thổ mộ, còn giữ được một cây rừng, mọc sẵn, cây chồi mồi, thân không to, cho từng chùm trái nhỏ như hạt tiêu, ăn chua. Năm ấy, cả xóm náo động lên : Cây “muồng giề” có trái. Tới mà coi ! Muồng giề là loại cây rừng, xóm Cù Là còn sót một cây cao cỡ cây dừa lão, thân to và thẳng, lá như lá cây cọ, mọc trơ giữa đất ruộng, sau chùa. Lại bảo rằng cây này trăm năm mới có trái một lần, điềm may mắn của cả khu vực. Hằng trăm người bao vây gốc cây, từng chùm trái được thông xuống. Dân trong xóm mang rổ, thúng đến chia phần xem nó là tài sản công cộng. Trái nó to như trái nhãn, đem về luộc ăn, bên trong có chất bột màu tím dợt, thơm tho. Vài người bảo nếu đem trái ấy mà chà ra bột, làm bánh ăn, ngon như bột hoành tinh. Tôi được ăn thử, để hưởng “lộc nước, ơn trời”. Quả thật là ngon. Từ đấy đến nay, ngao du tận Sài Gòn, miền Đông Nam Bộ, tôi chỉ nghe văng vẳng tên giống cây này, chưa được ăn lần thứ nhì.

Nhờ đi học ở trường làng chính qui, tôi được tiếp xúc với sách giáo khoa do Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc soạn, quen với văn hoá sông Hồng, thí dụ như những câu ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen”, “Con cò mà đi ăn đêm”, thêm chuyện phương Đông như “Đạo bằng hữu phải có thủy chung”, “Lý Mật nuôi bà” hoặc chuyện cổ Tây phương như “Cái lưỡi” của Ê-sôp. Vài đoạn ngắn khá thơ mộng, đầy tính nhân bản, đọc qua là thuộc lòng ngay như “Ai bảo chăn trâu là khổ”. Lần đầu tiên học chung với học trò chính qui, có khai sinh, tên cha mẹ. Trong lớp treo

bảng Danh dự ghi tên mấy học sinh đứng đầu về điểm trong tháng, lại còn bảng ghi danh sách học sinh thay phiên nhau quét lớp.

Năm học ở Cù Là, tôi được sắp vào hạng giỏi. Học sinh phần lớn siêng năng, rất sợ thầy giáo, quê thầy ở tận Cao Lãnh. Hôm nọ điểm danh thấy vắng một đứa, tên là Mì. Học sinh vắng mặt, có hoặc không xin phép trước là bình thường nhưng chưa chi học sinh nhón nháo lên. Thầy Mì đến cổng trường, đứng lại chờ mẹ nó nắm tay dắt vào lớp. Mẹ và con bịt khăn tang, đứng do dự trong khi thầy giáo bước tới. Mẹ nó khóc. Thầy giáo nói lắm bầm, rồi mẹ nó bước ra về. Thầy bảo rằng hôm nay thầy Mì nghỉ học vì cha nó bị giết tại nhà. Học trò im lặng rồi bàn tán xì xào, thầy giáo như bản thần, không giảng bài tiếng nào cả. Lát sau, trống đánh tan buổi học. Nhà thầy Mì cách nhà trường khoảng 3 cây số ngàn, nếu đi tắt qua ruộng. Tuy là chuyện của người lớn, học trò như buồn lây, lui thủi ra về, không ồn ào trước sân như thường lệ. Và ngày hôm sau, lúc đầu giờ mẹ thầy Mì lại dắt nó đến, cũng mặc tang phục, gặp thầy giáo rồi dạy về phía học sinh, ngỏ lời cảm ơn nhà trường, thầy giáo, các bạn bè học sinh rồi tạm biệt với lý do là sau đám tang, hai mẹ con phải đi về quê, không xa, ở kinh Nước Mặn, bà con dòng họ sẽ giúp đỡ.

Cha thầy Mì chết trong trường hợp nào ? Mười năm sau, thời kháng Pháp, tình cờ tôi theo chân anh em Vệ Quốc Đoàn đến đóng tại khu vực trường học xưa ; Vài người lớn tuổi cho biết mẹ thầy Mì có đời chồng trước, ly thân rồi gặp người chồng sau, sanh ra nó. Người chồng trước trở về đánh ghen, và cha ruột thầy Mì bị chém lúc cãi vã. Người chồng trước bị bắt tại trận, đưa lên tòa đại hình Cần Thơ xử đầu năm năm khổ sai, đầy biệt xứ. Thầy Mì tham gia dân quân du kích địa phương, can đảm lắm, đã hy sinh, đồng bạn đã làm lễ truy điệu long trọng. Còn mẹ nó thì nghe đâu đã xuất gia, đi tu đâu phía Cần Thơ. Ông lão kể chuyện rồi chỉ ra phía đồng trống: Mộ nó ngoài kia, xa đường, sinh lầy, muốn thăm có người dẫn đường cho. Bốn góc mộ, có chôn bốn cái ve chai để đánh dấu sợ thất lạc nhưng chưa thấy ai đến tìm cả.

Tôi ngao ngán, nhớ đến gương mặt nó lúc vào lớp tạm biệt anh em, khi rời quê xứ, năm ấy. Và nhớ đến mẹ nó, tuy buổi ấy cô đơn, chịu đựng búa rìu dư luận nhưng giữ tư cách đối với thầy giáo, với bạn học của con mình. Điều mà gần như ít thấy. Ngày nay, tuy lượng thông tin dồi dào hơn, nhưng cuộc sống càng làm cho con người thêm cô đơn. Bởi vậy, để bớt cô đơn, bức xúc vô lý, con người cần có những gì sót dẻo gây ấn tượng, nhưng ấn tượng nhiều khi quá nhảm, chỉ làm khuây khỏa tạm thời mà thôi. Thời xưa cái bịnh bức xúc (stress) không ai nghe nói và quả thật thời xưa là cô đơn kiểu khác, vì cô độc cá nhân, nhưng ngày nay lại xảy ra kiểu cô đơn giữa đám đông, khi chen chúc dạo phố, hoặc có khi nhiều tiền nhưng thấy tiền chẳng giải quyết dứt khoát được chuyện gì cả. Thiếu ấn tượng sâu đậm.

Đến xứ Cù Là, tôi đã rời vùng U Minh. Xứ lạ, nước dưới rạch chảy thao thao, gần biển, lục bình trôi từng giề, riu ríu, vào mùa thu thì đơm bông màu tím dợt, khá xinh đẹp nhưng loại bông này quá mềm yếu, cắt đem chung vào bình chừng mười phút đã héo ử rũ, đem luộc ăn thì chẳng thoảng mùi vị gì cả. Ở xa, xem đẹp, thân thương vì nó như quanh quẩn bên cuộc sống của ta nhưng người lớn tuổi luôn căn dặn trẻ con đừng bơi lội lại gần: giữa rạch, nước sâu, chảy mạnh, làm đuối trẻ con. Những giề lục bình to thường làm ồ cho loại rắn nước, khá độc hại, tùy con. Nói để răn đe nhưng tôi chưa thấy người nào bị rắn cắn từ giề lục bình trôi cả. Xóm Cù Là vào buổi ấy (1935-1936) được tạm gọi là đô thị hóa nhờ cao ráo, lại gần thị xã Rạch Giá, cách khoảng 12 kilômét với con lộ xe hơi (ô tô) nhỏ. Vì dễ giao lưu với tỉnh lỵ, thêm màu mỡ, thích hợp với lúa đặc sản, ngon cơm (đất có chân nước mặn thích hợp với lúa ngon cơm). Hơn nữa, từ

thời Gia Long, đã có dân cư trú khá đông. Giới điền chủ người Việt đến trung khẩn, một héc-ta giá gấp năm hoặc 10 lần đất úng của vùng U Minh. Vì ở gần thị xã, như một ốc đảo riêng biệt nên giới điền chủ ưa tụ họp để cò bạc, đá gà qua những sông lớn, sông nhỏ, lây lan đến xóm lân cận, hấp dẫn luôn cả người nghèo túng. Chủ chứa đã ăn chịu với quan làng nên vùng Cù Là là thế giới riêng, nuôi sống giới chủ quán; ăn uống sang trọng, với đặc sản Tàu, Việt. Thêm tiệm hút thuốc phiện, trên gác xép, giới tiên ông đi mây về gió; tầng trệt là nơi hút tóc có bán thêm các loại thuốc trị bệnh phong tình, bệnh đàn bà, đại khái thời xưa khó trị, mãi sau này dùng thuốc trụ sinh đem lại hiệu quả nhanh chóng hơn. Thợ hút tóc nói chung là khi lớn tuổi (khoảng 50) mới được tin cậy, một tỷ lệ không nhỏ của giới thợ là nghiện thuốc phiện nặng, nhẹ, họ biết đàn kim (đàn nguyệt). Người thợ phụ hoặc người hàng xóm nào thích đàn ca thì kết thân, hết đàn thì đánh cò tướng. Bản Vọng cổ đang triển khai, sau khi thành hình từ non 20 năm trước, có thừa tính thuyết phục. Người ca Vọng cổ thường bắt chước hơi hướm, cách xếp chữ theo đĩa hát (bây giờ giá khá cao, còn phổ biến hạn chế). Đi đâu cũng nghe văng vẳng: “Ác ngâm non đoài, ngọn gió Đông Nam (nó) thổi đưa mặt nhựt hồi về nơi Tây Bắc. Nhựt dĩ hoàng hôn, tai tôi nghe tiếng con chim oanh (nó) ríu rít dường như rủ bạn về non. Ngửa mặt nhìn, ngơ ngẩn tấm lòng son.” Lời ca lãng mạn băng quơ, hợp với tâm trạng người nghe, một sự giải đáp không khó khăn cho lắm. Trên sông nước, tiếng hò tiếng hát của giới thương hồ còn văng vẳng, bấy giờ ghe gấn động cơ gần như không có, họa chăng trên tuyến đường thủy nào đó, nơi các chợ làng, chợ quận giao lưu. Văn minh gọi là thính-thị chưa gây được uy thế...vài phóng viên hoặc đặc phái viên của vài tuần báo ở Sài Gòn đăng tải cũng như phát xít Đức chuẩn bị thế chiến thứ 2, họa chăng ở xóm Cù Là này một đôi thầy giáo lớn tuổi lưu ý suy gẫm.

Vài người khách vãng lai dạy lời bản Tây Thi về sự gan lì của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, bọn thanh niên ghi chép, phổ biến. Lòng yêu nước của người phía Tây Nam bấy giờ vẫn bông bột. Ở Tà Niên, làng Vĩnh Hòa Hiệp, sát bên chợ Cù Là, dân làng thờ ông Nguyễn Trung Trực, vị anh hùng kháng Pháp, khởi nghĩa rồi bị giết bắt, chém đầu năm 1868. Bảo rằng đình ấy thiêng lắm, thờ Nguyễn Trung Trực nhưng đình có trước cuộc khởi nghĩa cũng như sắc phong đã ban từ trước cho một vị Thành hoàng Bồn cảnh. Xem Nguyễn Trung Trực như vị thần là do lòng dân, những người thân Pháp chẳng ai dám cãi lại, truy từ chữ nghĩa ghi trong sắc thần! Lòng dân đã phong là chân lý tuyệt đối, đủ tính thuyết phục về tâm linh.

Những chiếc xuồng bé nhỏ vào buổi ấy (nay không còn), hừng đông là xuất hiện gần như đúng giờ đúng khắc, bán món ăn sáng với giá cực kỳ rẻ. Bắp già, hiểu là bắp khô, xay cho nát sơ sài rồi đem hầm, trắng nõn, ăn với dừa khô nạo, thêm tí muối mè. Hoặc bắp nấu, hiểu là trái bắp tươi xanh, đem luộc chín ngon ngọt, lột vài lớp bẹ ra, tha hồ lựa chọn, nào trái quá già, quá non. Lại còn xôi nước dừa, xôi nghệ. Muốn ăn thì xuống gọi là xuống ghé lại. Người bán ở chợ nhà quê luôn tươi cười, sạch sẽ, áo trắng, quần đen, đầu đội khăn bàn trắng (kiểu khăn lông lau mặt ngày nay, nhập từ bên Pháp). Thức ăn được phủ với miếng vải trắng mỏng, che bụi, che mưa, đựng trong thau sắt tráng kẽm, nhập từ Singapo. Người bán không tranh dành, ai đi giờ khắc nấy, với tiếng rao dễ phân biệt, gọn gàng không kéo dài như tiếng rao chè ở đường phố Sài Gòn. Thời thịnh của văn minh sông nước. Những cô Khùng, cô Láng, cô Xứng, nghe tên là biết người Việt lai Hoa từ một hai đời. Còn đâu các cô ấy, nay đã hơn trăm tuổi, nhà nghèo mà lạc quan đã giúp gia đình, giúp đời!

Là đất xưa, xóm Cù Là qui tụ một số người dân tộc Khome khá thuần thực, với đôi ba sào đất tốt, có thể sống được, thêm cá ngoài ruộng, dưới rạch. Khi cực thì ăn cơm trắng, gạo ngon, với

trái me xanh, đâm muối tạm gọi là thức ăn. Ông sãi hàng ngày đi khát thực, vui vẻ. Ngày lễ hội, cũng tung bừng múa hát. Họ thích uống rượu đế, trưa mùa nắng, đôi ba người ra bụi tre sau hè, uống lai rai, thấy giải khát ngay, đôi khi, họ ra quán uống tách cà-phê, thế là đủ. Thỉnh thoảng, bán vài con vịt hoặc con heo, ra tận ngoài thị xã, mua cho được cây đèn “pin”, ban đêm đem rọi lên ngọn tre, dùng cây sào dài mà đập vài con cò đang say ngủ. Gần như họ không dời chỗ ở. Những ngày sau giải phóng 1975, tôi được cơ hội về xóm cũ, viếng phần mộ cha. Hơn ba mươi năm qua, chưa bao giờ gặp mặt, ấy thế mà khi tôi về với mái tóc hoa râm, họ nhận ra ngay, phần tôi thì chỉ nhớ mang máng. Đó là những cô gái già nua, xưa tên là Cà Na, Cà Nữ ở xóm. Họ kêu tên tôi và đưa tôi đến phần mộ cha. Mộ trông như hoang vu, cỏ mọc phủ đầy. Họ kể lại vài chi tiết của đám tang đơn giản năm nào. Họ bảo rằng: Phần mộ còn ở đây thì mãi mãi ở đây, họ hứa chăm sóc giùm, đại khái, vì theo người Khome thì người chết cần được hỏa thiêu đưa vào chùa, còn phần mộ cha tôi thì họ khuyên để cỏ mọc đầy cho nó lần hồi mất dạng !

Buổi ấy hằng năm trường ở tỉnh lỵ đã bày ra cuộc thi tuyển lên lớp trên, sau lớp sơ đẳng, nhờ đậu cao, tôi được trợ cấp học bổng, hằng tháng đâu chừng 4 đồng bạc. Một số tiền khá to. Rời xóm Cù Là, tôi ra chợ Rạch Giá, một thị xã sát bờ biển, khá xưa, đã sung túc từ thời Mạc Thiên Tứ (con Mạc Cửu). Tôi ở trọ nhà ông Sáu Thuyền, rạch Vàm Trư. Đại Nam Nhất Thống Chí đã ghi tên con rạch này, hiểu Trư là con heo. Thời trước đất đai hoang vu, lau sậy non là thức ăn lý tưởng của heo rừng, người dân địa phương còn kể lại chuyện xưa rằng heo rừng sống lâu năm có thể chống lại cọp dữ. Rạch nhỏ chảy cong queo ra biển, bờ rạch tràn lan lá dừa nước. Sau này đọc sử thấy Mạc Thiên Tứ đã mở mang vùng Rạch Giá, ta nên hiểu đó là qui tụ dân cư ở vài điểm để mua bán, làm trạm trung chuyển hải sản đưa lên Trung Hoa hoặc xuống phía Xiêm, Mã Lai. Tôi ở trọ nhà ông Sáu Thuyền, ăn cơm chung, ông ít nói, thỉnh thoảng thốt vài câu bằng quơ. Nhìn ra khoảng đất trống vắng sau hè nhà, quanh năm chỉ thấy mưa nắng, vài người nhổ mạ, cấy lúa, cày ruộng khi vào mùa mưa. Nói cho tôi nghe, nhưng là ông nói với trời, với đất, cây cỏ ; tôi chỉ là thằng bé khép nép, năm ấy mới 11 tuổi, tự thấy mình không đủ tư thế để hỏi han, chất vấn hoặc trả lời. Ấy thế mà lớn lên, khi ông mất, tôi vẫn nhớ vài mảnh nhỏ. Nguyễn Trung Trực năm ấy tuổi non 30 đã đưa quân du kích từ U Minh, từ xóm Cù Là mà tôi vừa rời chân lên ngồi quanh đôn Pháp, trong cỏ cây um tùm, nhờ có sóng biển ào ạt nên giấc không hay biết. Hừng đông, nghĩa quân xông vào đôn, đốt phá, giết trọn bọn giặc, ngoại trừ đôi tên đã lén ra ngoài chơi; nghe tiếng hò hét, thấy đôn đã cháy, chúng không dám trở về. Cha ruột ông Sáu Thuyền đã tham gia nghĩa quân, khi về nhà đã kể lại rằng khi vào đôn, lục soát thấy những cục gì mềm ở nhà bếp, ngỡ là thứ thực phẩm lạ của Pháp, bèn chụp lấy, về nhà ăn thử thấy cay cay, mặn mặn nên ngỡ là món mà Pháp dùng để ăn với cháo trắng cho dễ nuốt. Vài người ăn thử, mang bệnh thổ tả, sau này chợt hiểu đó là xà phòng!

Về già, ông Sáu cứ lắm cẩm về chuyện cục xà phòng ấy, không cần ai nghe, không cần ai tin là chuyện có thật. Một hôm, khoảng xế chiều, tôi ngồi học bài, cứ suy nghĩ bằng quơ về mấy điệu kèn lanh lảnh lặp đi lặp lại “tò te tí te” mà lúc trước khi mới đến ở trọ tôi không chú ý cho lắm. Lại phải hỏi khéo léo, ông gật gù, buồn thiu :

-Mai hay chiều, tao nói rõ cho mày nghe !

Vài hôm sau, khi tiếng kèn của lính mã tà thổi, ông đến ngồi bên tôi, rất thân mật, hút điều thuốc vẫn khá to:

-Linh hồn của binh sĩ ông Nguyễn (Nguyễn Trung Trực) linh thiêng lắm, lúc đánh chiếm lại đôn Rạch Giá, lính của mình chết khá nhiều. Kẻ chết không ai chôn cất vì thời xưa đất gần đôn là

rừng rậm, dân cư gần như không có. Oan hồn cứ hiện. Nhà ông Chánh (Chánh chủ tỉnh) nghe kêu rú, khi thì lúc nửa đêm, khi hùng sáng, cây to bỗng tróc lên ngã xuống ầm ầm. Bởi vậy, Tây cho bọn lính tới thổi kèn “tò te” để đuổi ma quỷ, buổi chiều.

Và ông Sáu Thuyền cho biết gần khu vực thổi kèn, Tây có xây cái khám kiên cố để nhốt những người dân “An Nam” cứng đầu, ương ngạnh. Kế bên khám có cái tháp to và cao lắm, nơi chôn mấy người lính Tây bị mình giết hồi 70 năm trước. Tháp ghi tên họ tụi Tây, còn người An Nam mình chết, coi như là mất cây, không bà con họ hàng gì ở đây, phần lớn từ Tân An, Hà Tiên, Hòn Chông, Phú Quốc tới, theo ông Nguyễn.

“Tò tí te...” Tiếng kèn đồng của nhà binh Pháp cứ ám ảnh tôi, gần như suốt đời. Vài năm sau, lên Trung học, được học Việt văn về bài thơ Vịnh chùa Cây Mai của Tôn Thọ Tường. Pháp đóng đồn ở gò Cây Mai (Chợ Lớn), mãi sau này tôi mới đến tận nơi tham quan một cách khó khăn. Gò này là nơi tiền trạm mà Pháp trú quân để đánh lên Chí Hòa, năm 1861. Sử chép từ trước đời Gia Long, trên gò đất cao ráo này có ngôi chùa Việt cất trên nền cũ của chùa Khơme, sẵn có vài cội bạch mai, cao và to ; giống như loại mai mù u, bông nhỏ, thơm mùi trầm hương (không phải là loại mai chiếu thủy nay quá phổ biến để trồng làm cây cảnh).

Từ trên đồi cây mai nhìn xuống, thấy về phía Bắc là vùng Hóc Môn với ruộng và vườn tược. Phía rạch Bến Nghé là phố xá với ghe thuyền đi hoặc về đồng bằng sông Cửu Long. Sát chân gò có vùng hoang dại, ảm thấp đầy sen. Tao nhân mặc khách đến nướng bóng cội mai già mà ngâm thơ vịnh phú, thú vui ấy mặc nhiên không còn, khi Pháp xâm chiếm, đóng đồn, lấn qua các tỉnh phía đồng bằng.

Giặc đóng đồn nhỏ ở chân đồi. “Tò le kèn lạ mặt trời chiều” sau câu “Lặng lẽ chuông quen con bóng xế”. Vùng Cây Mai có chiều chùa xưa, nay hãy còn. Hồi học lớp Năm, lớp Tư, được học thuộc lòng bài Vịnh Chùa Cây Mai của Tôn Thọ Tường, lòng tôi thấy ngậm ngùi, với chuyện Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá. Nỗi buồn bao la, không rõ nét cụ thể. Phải chăng đó là lòng yêu quê hương ? Ông Sáu Thuyền thỉnh thoảng khẳng định với tôi rằng trong cái kèn đồng của lính Tây đem tới thổi có gắn cục “vàng găm”, loại kim khí này có tác dụng đuổi ma quỷ. Nhưng kèn đồng của Tây cứ thổi, nước vẫn mất kẻ thù của Nguyễn Trung Trực phải chờ đến Cách mạng tháng tám 1945 mới bị xua đuổi ! Lên bậc Trung học, ở chợ Cần Thơ phồn thịnh, được cơ hội đọc nhiều tư liệu về chữ Việt tiệm sách khá nhiều, tôi hiểu Tôn Thọ Tường là dạng sĩ phu sớm theo Pháp, gọi là “ quân bán nước”, “Việt gian”. Đối nghịch với ông là Cử Trị đầy đủ tiết tháo, về già dưỡng nhàn ở Phong Điền (Cần Thơ); đành vậy, nhưng ấn tượng đầu tiên của tôi về câu thơ “Tò te kèn lạ mặt trời chiều” ngày càng sâu đậm. Tôn Thọ Tường đã diễn đạt tâm trạng mình một cách thật thà, vì thật thà mà lương tri bộc lộ rõ nét ? Theo giặc Pháp nhưng biết hối tiếc, biết mình là nhu nhược khi hưởng bổng lộc của Pháp, khi làm phủ rồi lên đến chức đốc phủ sứ. Về sau này, vài nhà nghiên cứu cho rằng “Tò le kèn lạ mặt trời chiều” là câu thơ hay, nhưng họ Tôn sáng tác trong lúc còn chút lương tri, chưa hư hỏng !

Giải thích thế cũng đúng. Về phê bình văn học, với thời gian, ta thấy khi xảy ra nhiều biến cố dồn dập, về chính trị chẳng lẽ ở mỗi bài phê bình nên ghi ngày tháng ? Về lâu về dài, ta thấy nên tránh thái độ quá khích. Tôn Thọ Tường vì thiếu bản lĩnh nên hội nhập quá sớm. Phải chờ vài thế hệ kế tiếp. Như ở Rạch Giá, có ông Trần Chánh Chiêu, theo Tây học rất sớm làm quen với thực dân, xin khẩn đất ruộng, trở thành điền chủ lớn, nhập quốc tịch Pháp, xin theo đạo Thiên Chúa, qua Nhật gặp Hoàng thân Cường Để với cao vọng sẽ Duy Tân nước nhà với công nghiệp. Một nhà yêu nước.

Rạch Giá là cảng biển. Hàng ngày, cấp sách đi học, tôi ở bên này con rạch nên phải qua cây cầu quay để đến trường, phía bên kia bờ. Mỗi tháng một đôi lần, đến trường trễ giờ vì cầu đang quay, đưa thớt giữa lên cao, dành khoảng trống cho tàu Hải Nam qua. Cảng biển Rạch Giá mở ra vịnh Xiêm La đã có từ thời Mạc Thiên Tứ, sau đó giao cho chính quyền Việt Nam cai quản. Đây là loại tàu buôn viễn dương từ đảo Hải Nam, với 3 cột to, cánh buồm như rẽ quạt, theo sự ước lượng của tôi, thân tàu chừng 5 căn phố, trên 20 mét, chạy sức gió, thủy thủ khoảng 20 người. Ngoài cửa Rạch Giá, Pháp bố trí suốt đêm một ngọn đèn thường trực, đặt trên cao để khi ở ngoài khơi tàu có thể định hướng. Biển cạn, nhưng có một lòng lạch, hai bên lạch đóng cừ khá cao để tàu noi theo vào bờ mà không mắc cạn. Tàu ghé vào bờ biển, làm thủ tục kê khai, đưa một số hàng hóa lên bờ, đại đa số là thảo dược, nhiều nhất là cam thảo, bánh ngọt Singapo, bánh bích qui khô, dụng cụ nhà bếp như thau, chén bằng sắt tráng men cũng từ Singapo, thêm vải đen thô, vải may mùng, diêm quẹt (từ Thụy Điển), dầu cù là (kiểu thuốc cao) hiệu con Cọp lưng danh...

Ngày thường, khi đến trường, học trò ngồi trên lề đường mà chờ giờ vào lớp, ai có tiền thì ăn nữa xu xôi nước dừa hoặc chén mì ngọt, mì nấu với đường.

Độc học là người Pháp, về sau là người Việt. Trường gần mé biển, nơi âm u, rác rến, bãi bùn, cây bần mọc um tùm ; một ngôi nhà dưỡng lão, nửa đóng nửa mở, mặt tiền day ra biển. Mấy năm rông rãi, hằng ngày tôi thấy một ông lão hiền lành không nói chuyện, miệng cười tươi đi qua đi lại trước cổng trường, quần áo xơ xác, đeo một xâu dài chừng vài chục chiếc guốc phế thải, từ cổ lòng thông xuống tận gối, học trò gọi ông là già Khá, tên của ông. Ai cười, ông cũng cười theo.

Ở trường tỉnh, đã thấy sự phân hóa rõ rệt giữa học trò giàu và học trò nghèo. Đứa giàu mặc sạch sẽ, lắm khi mặc kiểu Âu phục, lại đi chiếc xe đạp nhỏ, ít thấy, từ Pháp nhập qua. Thầy giáo cũng đủ hạng: Vài thầy mặc áo dài đen, quần trắng, trông nho nhã ; có thầy mặc áo sơ mi tươm tất, cổ tay gài với kiểu nút rời màu vàng, đồng hồ quả quít bỏ túi quần. Lại còn vài thầy mặc bèo nhèo, hút thuốc, chiếc xe đạp rỉ sét. Bất cứ thầy nào đi ngang qua đều được học trò chào kính cẩn.

Phân đông các thầy từ Long Xuyên, từ Sa Đéc đến. Một thầy ngày thứ năm đến dạy chữ Nho (chữ Hán) cho một khóa riêng, không bắt buộc. Tội nghiệp thầy này, nghèo quá mức, hằng ngày đôi khi học trò thấy thầy làm phu xe kéo, đội nón lá. Thầy từ Bình Định đến, ăn nói giọng hơi khó nghe đối với trẻ con. Học sách Hán Văn Giáo Khoa Thư do ông Lê Thuộc và vài bạn biên soạn, từ Hà Nội gửi vào. Tôi đi học, nay còn nhớ câu ở bài đầu : “Gia môn tiền cao đáo ngã hà”. Học trò vài đứa nhại lại, lúc ra sân : Môn là cái “cựa”, cái “cựa” đi ra đi vào. Cửa, nhưng thầy phát âm là cựa. Có đứa ác miệng hơn, nói một câu rất chối tai, chẳng biết từ kẻ nào đặt ra: “Nào có ra gì cái chữ Nho, Cu li xe kéo dạy học trò”. Vào lớp thầy đi guốc, mặc chiếc áo dài đen rách, vá đôi ba chỗ.

Chợ Rạch Giá như là ốc đảo thành hình trên giồng đất cao ráo sát biển, cũng là một góc của khu vực lớn nay gọi là khu Tứ Giác. Chung quanh ốc đảo là đất thấp, đầy lau sậy, điển hình là rạch Láng Tượng, xưa kia voi rừng đi từng bầy tìm nước uống, cứ giữ lộ trình cũ, lâu ngày đất lún xuống, tạo ra con rạch cạn rồi sâu thêm lần hồi. Voi ăn cỏ và uống nước rất nhiều, lại còn phải tắm dây dừa. Nhưng nhờ vị trí cảng biển mà thị xã Rạch Giá khởi sắc, từ hơn hai trăm năm qua. Bị đầy ải đến nơi xa xôi, công chức Pháp vẫn sống cuộc đời sang trọng, trái cây được tiếp tế

từ Sà Gòn, thậm chí từ Pháp. Vài người thử trồng dây nho ; xem xinh đẹp, nhưng trái quá chua. Có câu lạc bộ đọc sách báo dành riêng cho người Âu, thêm sân quần vợt. Vài người da màu từng học hành đỗ đạt ở thuộc địa Pháp bên châu Phi được đưa sang, làm lục sự, biện lý tại Tòa án tỉnh, học vị được tin cậy, lại có quốc tịch Pháp. Rạch Giá bấy giờ được phổ biến loại hoa nay gọi bông giấy (móc điều). Khi tôi còn nhỏ nghe gọi đó là bông biện lý; buổi đầu, các vị biện lý, thẩm phán da màu về thăm quê, mang trở lại thứ hoa khá xinh đẹp ấy, cùng một khí hậu nhiệt đới, màu tím sậm, (nay lại tạo ra nhiều màu), trong một chùm).

Chân trời quê hương tôi thời thơ ấu quả là hạn hẹp. Trong sách địa dư (địa lý) dạy Việt Nam ta dài, với hình cong chữ S, còn xứ Rạch Giá-U Minh này là nơi tận cùng của thuộc địa Nam Kỳ, khác với phía Bắc, ngoài Trung là xứ bảo hộ. Nam Kỳ có dòng Cửu Long với sông Tiền và nhánh là sông Hậu khá to rộng, với mùa lụt mà vùng Rạch Giá-U Minh chịu ảnh hưởng không đáng kể. Nhưng thực dân ở đây áp bức dân ta chỉ với non mười tên Pháp với tiếng kèn “Tò le kèn lạ mặt trời chiều” của lính mã tà. Hằng tháng, tôi lên Tòa Bó (dinh chủ tỉnh Pháp, được so sánh với dinh quan bố chánh thời xưa) chỉ thấy sự canh phòng lơ là, quan Tây ở trong phòng riêng, trên lầu. Cơ quan này xây từ xưa, vách bằng đá xanh, đề phòng những cuộc khởi nghĩa kiểu Nguyễn Trung Trực mà mấy chục năm qua chưa thấy tái diễn ! Chỗ tôi lãnh tiền trợ cấp học bổng có tấm bảng khá to, bằng đá cẩm thạch ghi danh sách những viên chủ tỉnh Pháp kể vị từ khi chiếm tỉnh Rạch Giá. Chỉ thấy những vị sau năm 1868, điều ấy chứng tỏ khi Nguyễn Trung Trực đánh chiếm đồn Rạch Giá có lẽ Pháp không rõ tên của trưởng đồn, lúc ấy còn kiểu quân quân.

Trong túi gần như không tiền, ốm yếu về thân xác lại nhút nhát, tôi là đứa bé ở ngoại ô nên chỉ biết dạo chơi ngoài hè phố. Bên kia rạch là khu vực thương mại đối diện với khu vực phía tôi cư ngụ là khu hành chánh và quân sự. Lăn hồi ; dạn dĩ hơn là vì học sinh giỏi, tôi dạo khu vực của nhà giàu. Nhiều nhà to cất kiểu Pháp, sân rộng trồng cây cảnh, giăng đèn điện để giới điền chủ ăn nhậu rồi bày cuộc khiêu vũ, máy hát vang lên. Trẻ con leo rào, bị đuổi xuống, nhưng rồi lại bám vào rào để xem lén: cô gái mặc đầm đang đánh đàn kiểu lạ (dương cầm) bên cạnh là chàng trai kéo đàn cò Tây (vĩ cầm). Cạnh biệt thự ấy còn vài ngôi nhà xưa, tủ thờ cần xà cừ, có chó lớn xác canh giữ, hòn non bộ to ngự trị giữa sân, thêm những chậu cây cảnh. Sau này tôi mới hiểu giới điền chủ ở Rạch Giá cũng như ở Bạc Liêu-Cà Mau chẳng bao giờ đến thăm ruộng đất tận “vùng sâu vùng xa”. Họ cho bà con quản lý với số địa tô khoáng, gọi là cho “bao quá” (tôi hiểu quá, là thông qua nơi trung chuyển). Bởi vậy, họ không đối phó trực tiếp với đám tá điền ở chốn muỗi mòng đĩa vắt. Ở tỉnh hoặc ở Sài Gòn, sanh trọng hơn, rảnh rang hơn. Qua khỏi khu vực nói trên là đến cây cầu sắt nhỏ, qua cầu, gặp “Xóm nhà máy xay lúa”, người làm chủ nổi danh nhất gốc là thợ giỏi, bấy giờ chỉ huy đến 7 nhà máy, khá nổi danh vì thông thường chỉ có người Hoa mới đủ vốn làm ăn lớn. Ông đi tới đi lui chăm sóc trực tiếp, tôi không biết mặt ông. Gần xóm “Nhà máy chày” đánh dấu giai đoạn đầu thế kỷ, khi máy xay còn chạy với nổi sôt de chum lò bằng trâu. Dọc theo bờ rạch, nhiều ghe tải hạng to đậu sẵn. Phu khuân vác lên bờ rồi trở xuống chạy thoăn thoắt trên tấm ván nhỏ bé, vác hàng trăm kilô trên vai mà không bao giờ té, ở trần, mồ hôi lênh láng, đi chân đất. Hàng dãy chành lúa (nhà kho), mỗi chành dài hơn 30 mét. Dưới mé rạch, nhiều nông dân chở lúa tới bán, trên chiếc xuồng nhỏ, thuận giá thì đưa lên bờ, từng đồng nhỏ cỡ 20 gia (400 kilô), trông bé bỏng. Tôi chợt nhận rằng hàng ngàn tá điền làm lụng cực khổ, nếu không mất mùa thì mới đủ khả năng đưa lúa vào dự trữ chỉ trong chành! Và đây chẳng phải là dân của vùng U Minh, sinh quán của tôi ! Tỉnh Rạch Giá to rộng, ngoài rừng U Minh còn nhiều vùng đất bao la ở phía Đông, ăn qua sông Hậu, đất tốt, cao ráo tương đối, nhờ

đào kinh thủy lợi ngang dọc nên trở thành vừa lúa phì nhiêu, nuôi giới điền chủ Pháp và Việt, ở tỉnh nhà và các tỉnh khác, con cái họ du học bên Pháp là phải. Chưa kể đến những điền chủ các tỉnh lân cận như Sóc Trăng, Bạc Liêu. Điền chủ hạng sang từ chợ quận ra tỉnh cứ dạo tới lui ngắm nghía mấy kiểu nón nỉ chũm bầy trong cửa hiệu, nào nón hiệu Fléchet, Borsalino bằng nỉ, vành nón bê xuống hạ thấp một bên. Có tàu kéo dất ghe lúa đi Sài Gòn, nhỏ thó nhưng kéo nhanh những ghe tải chở gạo, khăm lừ, ghe loại to, phía sau lái làm nơi cư trú với tủ thờ ông bà, thờ Thủy Long, trên mũi còn nuôi chó, gà chọi, lại còn chậu cây cảnh, hoặc trồng hành ớt...Con rạch trở nên nhỏ bé, bên bờ nào người bán chè, cháo...chen chúc với ghe xuồng nhỏ của người từ miền quê lên, chèo chống khó khăn, giữa bầy ngỗng kêu oang oác. Bên kia bờ là trại cưa xẻ ván, cột gỗ, trại bán quan tài. Nhìn về phía sông Hậu, thấy đất bao la, Sài Gòn ở phía Đông Bắc, xa hơn 200 kilômét, mỗi ngày có 4 chuyến xe khách khá to đi và về, mỗi chiếc chở hơn 40 người, thêm người ngồi trên mũi và vô số hàng hóa, vun lên.

Tiếng tù và trời từng chập như tiếng thời gian từ kiếp nào vọng về tương lai. Những chiếc ghe khá to, không mũi, chở đầy nước ngọt từ phía sông Hậu chảy về. Nước ngọt được chuyển đến vùng quê, rừng rậm phía Nam của tỉnh để “đổi” cho dân làm nước uống, nấu cơm, nơi nước phèn mặn, đào giếng chỉ gặp toàn nước lợ. Họ làm nghề “đổi nước”, dùng tiếng đổi để tránh cái tiếng “bán nước”. Nước đổi từng thùng 20 lít, (loại thùng đựng dầu lửa) với giá khá cao vì đường xa, chèo chống nặng nhọc, chậm chạp. Người dân mãi nhớ ơn Thoại Ngọc Hầu, công thần nhà Nguyễn để khởi xướng việc dùng sức của dân phu mà đào kinh. Nước ngọt tới đâu, dân khẩn hoang tới đó. Con người có thể nhịn ăn một ngày một buổi nhưng không thể nào nhịn khát. Nước ngọt rất cần để nấu cơm, canh. Sau này người Pháp vẫn theo định hướng ấy mà đào kinh Cái Sắn đưa nước ngọt đến ngọn sông Cái Lớn. Đã xây cất ngôi chùa Tam Bảo, tương truyền do một bà lão từ thiện, khá giả nhờ mua bán lúa gạo ở địa phương, đã cống hiến cho chúa Nguyễn – lúc bại vong vì Tây Sơn truy nã - những cuộn tơ tằm quý giá để làm quai chèo thắt bằng gai, bằng bố (đay). Nhắc lại kéo quên, qua nhiều đời hòa thượng trụ trì là Nguyễn Văn Đồng chứa chấp, đã chế tạo kiểu tạc đạn thủ công nhằm chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, trong phong trào Nam Kỳ 1940. Cơ mưu bị tiết lộ từ phía Sa Đéc, bọn mật thám bao vây chùa vào quá nửa đêm. Một cán bộ gốc là tu sĩ Thiện Ân bị địch bắt treo lên xà của nhà chùa để tra tấn, trong khi phía dưới chân là cái bàn, nơi giặt gom lại kiểm kê số tạc đạn đã chế biến. Thầy Thích Thiện Ân hai cườm tay bị trói phía sau lưng treo lên đã can đảm thò chân xuống mà đập một góc bàn, bàn ngã xuống, tạc đạn rơi vãi, nổ ầm lên gây thương tích cho tội mật thám. Thầy bị xử tử, hòa thượng Nguyễn Văn Đồng bình tĩnh nhận tội, bị đày ra Côn Đảo, chết ngoài ấy vì bệnh. Cách mạng tháng tám thành công, vài cán phạm trong vụ này được đưa trở về đất liền, thuật lại rằng khi hòa thượng Nguyễn Văn Đồng bị áp tải đến Côn Đảo, anh em tù phạm đã công kênh, tán thưởng công đức người tu hành.

Chùa ở ngoài ven khu vực nhà máy và chành lúa lớn như là sự cổ vũ cho phong trào cách mạng tận nơi xa xôi, lúc mà đa số dân lao động chỉ nghe chớ chưa biết sơ qua chủ nghĩa cộng sản là gì. Cách xa chùa Tam Bảo một đôi, còn ngôi chùa xưa của người dân tộc Khmer rộng lớn và khang trang, người Khmer ở chung quanh, khu vực ấy gọi là Láng Cát, vùng cát đỏ màu mỡ, thấp, gần vùng ruộng phì nhiêu. Lại còn mảnh đất cao ráo với mạch giếng nước ngọt mà người Hoa trồng rau cải, ngoài ven thì trồng khoai lang. Họ kiên nhẫn và chịu cực hơn người Việt. Làm việc không nghĩ trưa, ở trần dưới cơn nắng lửa, húp tô cháo nóng hoặc ăn khoai lang luộc cho

gọn và không mất thời gian làm việc, họ gánh hai cần xé đựng đầy khoai, với cây đòn thẳng, bằng cây danh mộc, tương đối to, như ngọn roi của võ sĩ, không làm bằng tre với hai đầu cong cong.

Vì cha mẹ và ông nội ở tận miền quê từ xưa nên tôi chẳng có người bà con nào gần xa ở chợ. Tôi được tha hồ rong chơi. Tại tỉnh lỵ, mấy năm ấy thường tổ chức Hội chợ triển lãm với nhiều tiết mục giải trí. Điền chủ Rạch Giá thường đóng vai bảo trợ (gọi là Mạnh Thường Quân) cho nhiều võ sĩ tiếng tăm, thí dụ như Lê Hữu Vĩnh người quê U Minh. Người vùng lân cận đến tranh tài. Năm ấy, tại Hội chợ bày ra cuộc đánh võ khiêu khích. Võ sĩ quyền Anh, người da màu là Kid Chocolat đánh với võ sĩ ta là Sáu Cường của Trà Vinh. Kid Chocolat tìm cách nhập nội cho gần để đánh những đòn móc quai hàm rất lợi hại, nhưng Sáu Cường đã dùng ngón đá ngăn cân, phòng thủ từ xa. Kid Chocolat té lăn cù nhưng ngồi dậy nhanh chóng, xốc tới. Rốt cuộc, Sáu Cường thắng điểm rồi đi một đường quyền khá đẹp, Sáu Cường cao ráo, tay chân khá dài, thỉnh thoảng nhảy cao như con chim đại bàng ! Tôi lấy làm hãnh diện cho dân tộc, cũng như bao nhiêu khán giả. Mặt bằng của Hội chợ là vùng đất quá thấp, trên bãi biển còn nhiều gốc bần hoang vu, nơi Nguyễn Trung Trực cho mai phục nghĩa quân hồi mấy mươi năm trước. Bần thuở ấy đã già nua, ngã xuống vì phù sa quá mềm, thêm sóng gió triều miền. Ngôi đình thờ Nguyễn Trung Trực vẫn còn đó, trừ ngày kỳ yên, còn bình thường thì mở cửa he hé, đến chạng vạng, ông từ đốt nhang le lói. Đất Rạch Giá khá xưa, ngay cửu biến sẵn có ngôi miếu thờ cá ông (cá voi) và sắc thần, sau khi họ Nguyễn mất, dân làng và nhân sĩ tự động tôn vinh Nguyễn Trung Trực làm người đại diện cho “ông bà đất nước”.

Nghe người lớn bảo như vậy, ban đêm tôi chẳng dám đi ngang qua đình một mình vì sợ ma nhác. Vào xem Hội chợ, may mắn gặp gian hàng trưng bày bán “sữa đặc có đường” hiệu con Chim (Nestlé). Một người Pháp đứng gần hàng trăm hộp sữa nhìn tôi rồi gật đầu chào. Nhờ đã học đôi tiếng Pháp, tôi ngó lời đáp lễ. Ông trao cho tôi một xấp giấy quảng cáo, khổ nhỏ, bảo đem phân phát cho người đi Hội chợ, và đưa lập tức cho tôi một hộp sữa nhỏ bé, như bù lại công lao. Mừng quýnh bèn phân phát, làm xong công việc một cách tắc trách, tôi trở lại, xòe hai tay trắng. Ông ta thích chí, tặng tôi một hộp sữa thứ nhì... Tôi về nhà, cất kỹ lưỡng, chờ gởi về U Minh cho mẹ, gọi là báo đáp công ơn dưỡng dục. Đây là lần đầu tiên mà tôi thấy mình quá ư là có ích lợi cho gia đình.

Cứ chiều chiều, dọc theo bờ Rạch Giá, tôi lưu ý đến số người ngồi trên bờ có kè đá, đờn ca Vọng cổ trông tao nhã lắm, đôi ba người đàn, thêm vài cô ca hát. Đây là kiểu măng cầm (mandoline) mà hồi mấy năm trước đó, thầy giáo Tiên (con điền chủ) thử nghiệm đổi dây, gọi dây Tổ Lan để đàn Vọng Cổ thay vì đàn Tân nhạc. Sau đó mới có người dùng đàn ghi-ta. Trên đường đến lớp học, hằng ngày đi ngang tiệm bán bazar (hàng tiêu dùng cao cấp) cũng là nơi bán sỉ các loại máy hát nổi danh Columbia, Pathé, nghe mấy đĩa hát Vọng Cổ đã kéo dài từ nhịp tư, lên 16, khá lắng mạn. Lúc rảnh rang tôi đi chơi về phía Bắc thị xã, lên hướng Hà Tiên có con kênh do xáng đào, khoảng 80 kilômét bắt đầu con kinh này là kinh Núi Sập khá xưa, lừng danh, do Thoại Ngọc Hầu mở ra. Nước ngọt chảy từ rạch Long Xuyên đến rạch Sóc Suông (sử ghi Khe Sông, Suông). Nơi đây ruộng tốt, nước ngọt quanh năm với ngôi chùa Thập Phương. Theo bờ kinh, nhà cửa rải rác, sau nhà là vùng nay gọi là Tứ giác, hoang vắng và thấp. Vài vùng trũng nổi danh tên là Lung cá bông, Dầy heo (heo rừng). Bầu không khí hoang vắng, với chim cò bay rải rác trên đồng cỏ ngút ngàn, thấy vui mắt, không như vùng rừng U Minh phía Nam. Ở đâu cũng là đất, cũng là trời, nhưng chân trời phía sông Cửu Long quả là mở rộng, đầy ánh nắng. Phía U

Minh Cà Mau rừng rậm cũng là chân trời, giáp mí giữa ngọn cây tràm và trời cao, nhưng phía Sài Gòn, Long Xuyên, sông Cửu Long mà tôi học sơ sài trên bản đồ nhà trường, vùng đồng cỏ quá thấp, thấy rõ chân trời là một đường thấp với bầu trời cao. Phía đồng cỏ này, khi mới đào những con kênh nhỏ, người đi khẩn hoang nghe đâu đã bố trí vài trận xung đột, trang bị với phảng phác cỏ, giáo mác chống bọn tay sai, của giới điền chủ đang ăn chơi ở Sài Gòn. Chợ Rạch Giá quả là một ốc đảo tương đối phồn thịnh nhờ lúa gạo tập trung và cá biển. Pháp mở con lộ xe đi Sài Gòn trễ nải nhất so với các tỉnh ly ở Nam Bộ, đâu vào khoảng trước năm 1930. Vài đứa học trò từ vùng hoang này đến ở trọ nhà bà con tại chợ, cùng học một lớp với tôi. Thỉnh thoảng chúng nó rủ tôi đến thăm nhà cha mẹ, ăn cá nướng vào mùa lụt. Trời biển mênh mông, lác đác vài ngọn lau sậy nhô lên mặt nước, còn loại cỏ bình thường thì vươn lên rồi sập ngã theo ngọn sóng để tìm khí trời. Mùa ấy, chuột thỉnh thoảng xuất hiện từng bầy, lội loi choi, con này cắn đuôi con kia, tiến tới chậm chạp vì chân chuột quá nhỏ, không đủ sức quạt nước. Đoàn kết tạo ra sức mạnh. Từ trời cao, vài con ó biển bay lượn, đáp xuống, dùng móng sắt quắp vài con chuột và bay lên cao. Thế là sợi dây của đàn chuột bị cắt đứt tạm thời, nhưng lát sau chúng nổi lại tiếp tục hành trình, chẳng ai biết chúng xuất phát từ đâu và sẽ đến đâu. Chuột ăn cỏ non và phải ngủ trên đất cao ráo. Vài rặng cây ở xa xa, đáng dấu bờ con rạch nhỏ nào đó, dường như có người ở, đơn chiếc giữa những ngọn sóng to dồi dập. Bà con chỉ cho tôi :

– Cháu thấy ở đằng xa cái gì đen đen đó không ?

Quả thật ở phía chân trời, phía Đông, dường như có chiếc thuyền nào đó, một vệt nhỏ và dài.

– Đó là người chết, không đất mà chôn, vùng này nước sâu không đều, có nơi đến 4 thước. Chết thì nhờ mấy nhà ở gần bó cây lại với chiếc chiếu rách, cái nóp bàng. Rồi xóc cây dưới nước, xóc treó, treo cái xác lên cao. Mấy ngày đầu còn thấp một ngọn đèn dầu lửa bên cạnh, để cho kẻ nào đến gần thì tránh xa và để nhớ vong hồn người chết. Lâu ngày, hết tiền mua dầu lửa. Quạ điều bu lại, đậu trên cây mà rìa, mà xia xói. Rồi thì cây ma chảy nước, cá trê bu lại từng bầy mà uống ;Tới mùa nắng sẽ tính chuyện đem chôn đâu đó. Buồn lắm! Năm ngoái, vài con sấu cá, nhỏ con, tới lui gần nhà này. Minh đuổi, nó chạy trốn nơi khác. Xứ của “rắn độc, thuồn luồng” mà.

Về đêm, lắm khi nhìn thấy khói lửa bốc lên từng cụm phía kinh Rạch Giá – Hà Tiên. Tàu kéo dòng rheo phía sau hàng chục ghe tải thứ to, chở đầy củi tràm đốn ở mé biển, đưa về chợ Cần Thơ, bờ sông Hậu, để phân phát cho các tàu thủy, chum nồi hơi nước chạy khắp miền Hậu Giang và những chiếc tàu lớn nghe đâu chạy tới Cao Miên, tận Biển Hồ. Trên ấy nhiều người Việt làm “bạn biển”, tức là làm công cho bọn thầu huê lợi cá tôm, tiền thì khá, nhưng rủi đau ốm, chết chóc thì cũng treo xác, lắm khi chẳng ai trở lại chôn xuống đất.

-Chim bay về núi tối rồi,

Sao không lo liệu, còn ngồi chi đây ?

Về sau, có câu hát :

-Chị em lo liệu lấy nồi nấu cơm.

Có lẽ xuất phát từ miền Trung, là câu ca dao một thời khá phổ biến ở vùng Tứ giác này, khá hiện thực vì ở chân trời, phía biên giới có dãy đồi lấy tên Thất Sơn, thêm hai tiếng “huyền bí”. Rồi dãy đồi lại dính dấp đến ven biển vịnh Xiêm La với đảo Phú Quốc và nhiều đảo nhỏ, ngoạn mục nhất là hai viên đá nghiêng nghiêng được đặt tên Hòn Phụ Tử, cha con xa nhau, đến đây lại trùng phùng vĩnh viễn. Nơi chân trời góc biển với đồng cỏ hoang vu mãi đến nay khai thác chưa xong (phần mặn, úng quá sâu) các nghĩa quân thời “đảng cự” hồi thế kỷ 19 gom về, suy nghĩ bao la nhưng bế tắc. Họ chỉ thấy chốn “địa linh nhân kiệt” này là tương lai của Việt Nam (có lẽ

họ chưa bao giờ được đến tận Sài Gòn) càng nhìn lên cao, càng thoát tục, họ tin rằng cuộc đời Nghiêu Thuấn sẽ trở lại, sau ngày tận thế gần kề, hội Long Hoa sẽ mở ra, chốn này sẽ là thủ đô của ...toàn thể địa cầu vì ngọn sông Cửu Long ở Tây Tạng là nơi cao nhất của toàn cầu, chư tiên chư phật và các đạo sĩ từ lâu đã quyết định rồi ! “Lo liệu”, còn ngồi chi đây ? Ngu ý nên dựa vào thần quyền. Đất sẽ lở, núi lửa sẽ dậy lên. Ai lo tu hành thì được cứu rỗi. Cuộc đời sắp xảy ra trong vài con giáp (một con giáp là 12 năm) hoặc trong giây lát nữa biết đâu chừng, vì Tiên Phật dùng thứ lịch riêng, không như lịch củ người đời. Hai tiếng “đổi đời” là kiểu “tâm lý chiến” được lan rộng, đánh vào tâm linh, tiềm thức của nông dân vùng biên giới ít ai biết này, gợi ý nghĩa thay đổi cuộc đời, đời là sự thống trị của thực dân với chế độ hà khắc. Thực dân đã thay đổi “cuộc đất” tức là phá hại phong thủy, chúng mở lộ xe bắc cầu, đào kinh. Tàu thủy buổi đầu được xem như những con thú dữ thời cổ sơ hiện về. Ông lão chủ nhà cứ hút thuốc liên tục, cánh tay để trần thấy xăm con số 1912 (phải chăng ông bị cầm tù vào năm đó ?). Biết tôi là học trò bèn kể đông dài chuyện liệt sĩ Nguyễn Trung Trực đột kích tỉnh lỵ Rạch Giá năm 1868. Bấy giờ 2 tên lính Pháp chạy thoát ra ngoài vòng rào rồi len lỏi đến tận nơi đây. Xóm thưa thớt, đôi ba căn nhà xa nhau, người làm nghề bắt cá, đánh lưới, gặp căn nhà nọ tương đối rộng rãi, chuyên bán tạp hóa, chủ là người Hoa lai Khơme, ông chủ này lúng túng khi thấy vào hừng sáng có hai tên Pháp chạy đến, đành chấp nhận cho tá túc ở nhà bếp. Hai hôm sau Pháp tái chiếm tỉnh lỵ Nguyễn Trung Trực chạy ra đảo Phú Quốc. Ông chủ tiệm tạp hóa đến gặp quân Pháp, đưa hai tên lính Pháp trở về, hai người Pháp duy nhất còn sống sót. Thế là khen thưởng, chủ tiệm tạp hóa được phong chức cai tổng, tha hồ khoát nạt dân, xin trưng khẩn những phần đất tốt trong tỉnh, mãi đến cháu nội cũng còn làm giàu, có đưa du học bên Pháp, mang bệnh chết bên ấy. Và mấy đứa cháu ở thế hệ sau tích cực ủng hộ cuộc tái chiếm tỉnh Rạch Giá sau Cách Mạng Tháng Tám, lập công lớn với thực dân.

“Tò le kèn lạ mặt trời chiều”. Tiếng kèn tự nó vô tội nhưng đối với người năm sáu mươi tuổi vào buổi ấy, tự trong tiềm thức vẫn man mác nỗi nhức mắt nước thời xưa, do cha mẹ, chòm xóm nhắc lại. Lần hồi thấy thực dân Tây Phương quá mạnh, quá giàu, sự bi thảm của những thế hệ trước chỉ còn lằng lằng. Phải hội nhập dầu sớm hay muộn vào bộ máy kinh tế, thương mại của thực dân để tạo ra một cuộc sống bình thường, nhưng ray rứt khi thấy ông Cử Trị còn đó, nghĩ già ở Phong Điền (Cần Thơ), hiền lành, than thở: “lên đênh bèo nước biết về đâu” ? Đây là giai đoạn mà bài thơ Từ Thứ Qui Tào của Tôn Thọ Tường lại được phổ biến! « Hiều đâu dám sánh kẻ cày voi. Muối sát lòng ai nẩy mận mời »... “Chẳng đặng khôn Lưu đành đại Ngụy”.

Các vị điền chủ và công chức Tây học thi nhau họa vận, lấy vận oi, thoi, rồi, còi voi, rung đùi hãnh diện. “Tân này xin gác ngoại vòng thoi” (Tôn Thọ Tường). Làm công chức, điền chủ thì ung dung, đúng cơ hội, không theo Tây phương quá sớm như Tôn Thọ Tường, và vẫn kính nể cụ Đồ Chiểu xa xưa qua Lục Vân Tiên. Lần hồi, kinh tế phát triển, họ thấy chân trời rộng hơn. Phải Duy Tân, phải Đông Du rồi học bài học chưa cay.

Bản Dạ cổ hoài lang xuất hiện và phát triển hàng đôi chục năm mới tạm định hình. Thoạt tiên, người chưa hội nhập với khung cảnh đặc thù của đồng bằng Nam Bộ thấy như lạ tai, ngoại lai, nhưng lần hồi nhiều người nhìn nhận nó. Có lẽ hơi hướm đầu tiên của nó là bản Hành Vân ngắn gọn, từ Huế đưa vào một khu vực có cổ nhạc thịnh hành ở Long An. Rồi nhạc sĩ Cao Văn Lầu gặp hoàn cảnh buồn bực của gia đình, vì nghèo túng phải tha phương xuống tận mũi Cà Mau, với tay nghề, với tâm hồn mở rộng, ông hội nhập dễ dàng với người Hoa (triều Châu) đang chiếm tỷ lệ đáng kể tại Bạc Liêu. Nhờ học thêm nhạc lễ với ông Nhạc Khị (Khởi), ông hoà đàn cùng bạn

bè, hành nghề nhạc lễ để mưu sinh. Nhớ đến người vợ mà cha mẹ không hài lòng vì không sinh con nối dõi, ông đau khổ vô cùng thử soạn ra bản Dạ cổ hoài lang để giải sầu. Đó là lời suy luận có cơ sở nhất. Hồi trước 1975, tôi nhiều lần gặp ông cùng trò chuyện vui vẻ. Bấy giờ ông đã già, lên Sài Gòn theo lời yêu cầu của một số nghệ sĩ cải lương. Anh em bày một buổi ra mắt giới thiệu ông là người đầu tiên sáng tác bản Dạ cổ hoài lang. Lên khán đài, anh em hoan hô nhiệt liệt, ông mặc quần áo bà ba bằng lãnh đen, đòn bản Vọng cổ với cây đàn cò. Về nhà trọ, ở Thủ Thiêm (bấy giờ thi sĩ Kiêng Giang Hà Huy Hà cất sẵn căn chòi cùng tá túc trong thời gian không dài). Tôi tò mò hỏi cho rõ, ông bảo là người đời muốn sửa như thế nào tùy ý, riêng ông thấy ngạc nhiên, không dè mình đã dựng được “một cái sườn nhà đơn sơ nhưng vững chắc”. Ông bảo đó là ít nhiều ảnh hưởng của nhạc Triều Châu. Buổi xưa ấy, người nông dân nghèo gốc Triều Châu đến vùng Bạc Liêu khá đông. Cứ mỗi chiều, họ tụ tập từng nhóm hòa nhạc, thỉnh thoảng có hát. Buổi đầu, bản Vọng cổ chưa được phổ biến, vì câu ngắn gọn quá. Đến khi có Năm Nghĩa (Lư Hoà Nghĩa) hát với câu dài, phóng khoáng hơn, làn hơi muối... đồ hột, thí dụ như ơ ơ ơ thì thiên hạ hoan nghinh rồi phong cách ấy được tán thưởng tận Sài Gòn, nghe du dương, man mác hơn. Lư Hoà Nghĩa là người gốc Hoa, nghệ danh là Năm Nghĩa, hỏi về cái tên Dạ cổ đổi ra Vọng cổ, ông Sáu Lầu cứ cười, có người bạn đáng tin cậy cho rằng đôi Dạ cổ ra Vọng cổ, gọi Vọng cổ Bạc Liêu – là Mộng Trần Lê Chân Tâm, từng làm thơ, làm báo (báo nhỏ, Sống Chung) quê ở Long Mỹ (Rạch Giá, Kiêng Giang) thì ông Sáu Lầu bảo rằng “có lẽ như vậy”. Từ khi bản nhạc nói trên phổ biến, ông Cao Văn Lầu ít giao thiệp ngoài tỉnh Bạc Liêu.

Đời Đường thi hào Bạch Cư Dị, lúc bị đày đến quận Cửu Giang, sông Bồn, đã sống buồn bã giữa dân quê mùa, nơi chẳng nghe những bản nhạc sang trọng ở kinh kỳ. Đây là chốn “lau lách đìu hiu”, lau vàng, tre trúc khô cằn, sớm tối chỉ nghe cuộc kêu sào, vượn hót nỉ non, nhạc dân gian có lẽ của người dân tộc thiểu số ở địa phương chỉ là “ca rừng địch nội, giọng líu lo nhiều nỗi khó nghe”. Ở khu Tứ giác Long Xuyên-Rạch Giá mà tôi đã tham gia tuy có người dân tộc Khơme nhưng người Việt tha phương cầu thực vẫn cảm thông nhau qua tiếng đàn cò, đàn độc huyền, điệu lý, điệu hò nhất là những câu hát đối đáp của ghe thương buôn qua lại, thời buổi giao lưu thị trường Pháp đến, tổ chức hệ thống kinh tế hàng hoá, kênh rạch nối liền từ Cà Mau lên Chợ Lớn, Sài Gòn. Ca nhạc Huế du nhập buổi đầu dường như chỉ có sự sâu lắng nhưng thiếu chiều dài, man mác đến chân trời, nhất là sự nhẹ nhàng. Bản Tứ Đại Oán được lưu ý trong những buổi gặp gỡ để trình diễn nhạc tài tử phía ven bờ sông Cửu Long trù phú, có tàu thủy giao lưu trực tiếp với Sài Gòn. Phía Hậu Giang, Cà Mau tuy thông vận tải khá xa, phiền phức nước ngược nước xuôi nhưng nhiều người chấp nhận, hợp tình hợp cảnh. Được đi đến tỉnh lỵ Bạc Liêu hoặc Rạch Giá là điều ao ước lớn, may ra một đôi năm được đôi lần. Đối với người dân lam lũ xứ U Minh, kẻ có oai quyền lớn nhất chỉ là vài vị hương chức hội tề, điền chủ, nhân viên kiểm lâm. Phải chèo ghe, che tạm cái mui giả kết sườn tre hình vòng cung, trên sườn chải chiếc chiếu rách, phía sau lúi trủ củi, gạo, thức ăn, trước mũi là bếp đun khói để xua bầy muỗi rừng ào tới từ hoàng hôn cho đến sáng ! Xuồng chèo tắt ngang sông Cái Lớn, lúc qua vàm, chợt giật mình vì mặt biển Vịnh Xiêm La ngoài kia quá bao la, cao hơn mặt đất, hơn mặt bờ sông trong này. Sóng đánh bờ vôi, xuống ghe bé bỏng, đành chờ đợi nhau để vượt qua một lượt, xuất phát thì mạnh ai nấy cố gắng, chẳng ai chờ đợi để tiếp cứu nhau. Vài phen ngọn sóng tạt vào xuống ghe nhưng không sao, chỉ sợ khi nào gần tới bờ bên kia lại gặp những lượn sóng cồn, cao ghê, xuống ghe gần nhau mà không thấy nhau. Vào bờ bên kia, gặp con rạch ngắn nhưng đầy sóng gió, gọi Tắc Cậu, bên bờ là miếu thờ Cậu (con bà chúa Xứ) nghe đồn rằng trước cửa miếu là nơi thỉnh thoảng hai

con ngỗng thần nổi lên, báo hiệu sóng lười búa sáp nhận chìm ghe xuống qua lại. Phía sau miếu, mấy năm trước dân làm rẫy đã sẵn được con cộp. Dân cất nhà xúm xít, hàng cây bần cổ thụ gốc to, nghiêng ngả trên đất bồi, bấy khi rừng qui tụ, miệng la chót chét, hái trái bần còn xanh ném xuống mấy chiếc ghe đang đậu lại nấu cơm.

Chợ Rạch Giá hiện ra dần dần nhiều xuồng nhỏ bơi tới bơi lui, sát bên ghe khách vắng lai để mời mọc ăn chè, ăn bánh canh ngọt, bánh canh mặn, nước ngọt (gọi là rượu bột bỏ ve, hoặc xá xị). Ghe xuồng giảm tốc độ di chuyển để tránh đụng chạm nhau. Người trong ghe ngóng cổ ra ngoài xem cảnh chợ náo nhiệt trên bờ, rồi nhanh nhẹn vào mui thay quần áo, bộ quần áo đã giặt kỹ, xếp ngay ngắn, dẫn dưới chiếu, hăng đem ngủ lên trên cho thẳng thớm. Miền quê thuở ấy chưa ai xài bàn ủi (bàn là) họa chăng vài nhà điền chủ lớn mà thôi. Cha mạnh dạn đi trước, khép nép sát bên lề, hai đứa con trai theo sau, còn nắm tay nhau, sợ đi lạc, nhưng mười bước sau thấy dạn dĩ. Chỉ phiên cho đôi guốc gỗ, đứa anh thì đi được, tuy đau nhói vì đôi quai hàm làm bằng da heo (thuộc cho cứng ở Chợ Lớn), làm phòng da, đứa em thì cứ xách đôi guốc vào tay, đi chân đất, gọi thế nhưng là đi trên đường tráng đá, tuy nóng nhưng dễ chịu. Lần hồi, hai cậu bé (bóng dáng của người viết hồi ký này) thấy dạn dĩ hơn vì chung quanh tuy có người giàu nhưng còn quá nhiều đứa bé lam lũ, lặn hụp dưới con rạch mà nước dơ đổi ra màu đen. Bóng dáng của những người vác lúa. Họ còng lưng, mồ hôi chảy ròng ròng. Sát bên lề đường là quán nhỏ, che lá rách, bán thức ăn, thức uống cho dân lao động. Đến nhà quen, tạm trú một đêm ; Đêm ở chợ, náo nhiệt quá, trẻ con đùa giỡn đầy ngõ hẻm, nhà chật, cứ ngồi co rút trong nhà. Vài đứa trẻ rủ đi chơi, ra đường cái. Đến mé rạch, bờ kè đá, thấy nhóm người dục lại đờn ca. Ai cũng biết đờn ca Vọng cổ, với đàn kim, đàn cò...

Họ thay phiên nhau hát, điệu nhạc buồn nhưng nghe cũng vui vui, nhờ điệu bộ diễn xuất, vụng về nhưng như thật, gương mặt của kẻ bị phụ tình...Cử tọa mỉm cười. Cử tọa là đám bình dân, quần áo vừa chỉnh tề vừa buông thả, nút áo ở cổ không gài, áo bà ba, họ là phu vác lúa, có người là phu xé (gọi là lơ xe dò, xe khách) có kẻ hút thuốc liên miên. Họ hứa lần sau sẽ đem thêm rượu và thức ăn nhậu. Vài người qua lại đứng nhìn, dường như chê bĩu. Nhưng Vọng cổ đem lại cho họ niềm tự tin về nhạc Việt Nam. Lớn lên, tôi mới hiểu thêm đây là sức mạnh của vô thức, tiềm thức. Ai mà biết hơi hướm của bản nhạc còn thô kệch này đã có từ buổi người xứ Huế than thở cho số phận của công chúa Huyền Trân “mượn màu son phấn, đền nợ Ô Ly”qua nhip phách khoan thai, rồi đến đá Vọng Phu, Phú Yên. Bấy lâu nay, ở vùng sông nước chẳng chịt với chợ làng, chợ nổi ven sông, đêm thanh vắng những câu hò, câu lý xen nhau dài theo con rạch, con kênh gần như vô tận, qua khúc lồi khúc vịnh, về đêm, trên nhánh “bần gie có đóm đậu sáng ngời”. Lấy nỗi buồn sâu kín của kẻ chịu đi xa, thật xa để làm ruộng gần như không ngày về, để làm vui! Bản Vọng cổ nhờ nhiều địa phương, nhiều giọng hát điều chỉnh lại hơn 10 năm sau mới tạm định hình, để lần chiếm từ từ bản Tứ Đại Oán. Sáng tạo là mở rộng, ai hay đó là nhạc Việt Nam hội nhập với hơi hướm nhạc Đông Nam Á của khối Ấn Độ, Chiêm Thành để nhận ra tuy đã nhuần nhuyễn, trở thành một thứ dân ca cao cấp của vùng đồng bằng và cả Nam Bộ. Giọng ca phải “muỗi mẫn”, theo nghĩa là lảnh mạn, buông thả tự do nhưng giữ chắc nhip.

Người ca ở mức trung bình có thể tự nhận là kẻ tài tử, để rồi rèn luyện kỹ thuật, giữ “điệu nghệ” tức là kỷ luật nội bộ lúc giao du với các bạn tài tử khác. Ca không phải để kiếm tiền nhưng là để “di dưỡng tánh tình”, theo nghĩa thư giãn, giải tỏa những bức xúc vì sinh kế làm ăn tư bản thực dân đang chế ngự. “Thiếp tâm cổ tỉnh thủy”. Câu thơ Đường mà sau này tôi đọc được nhắc nhở mãi một điều quan trọng. Lòng dạ người thiếu phụ giữ chung thủy với người yêu, sống thắm

lặng như nước giếng mát lạnh, không nhớ bọn, ở đáy một giếng xưa, vô danh, qua sự thử thách của thời gian. Một thái độ bảo thủ quý giá, danh khiếm tốn. “Ếch ngồi đáy giếng, thấy bao lăm trời”. Ra khỏi miệng giếng để mở rộng tâm hồn nhưng nên nhớ mãi những gì quý giá mà mình đã hấp thụ được ở đáy giếng. Để lần hồi thấy “chôn quê hương hơn cả.” Đáy giếng xưa xem như chẳng có giá trị, nhưng lắm người không có được cái giếng ấy để làm chuẩn, đối chiếu với những gì rạn vỡ, mà lắm khi phù phiếm trên bầu trời, đó đây. Vùng nông thôn quê mùa lắm khi là khởi hứng của người làm văn chương thi phú. Và đối với đứa học trò nhỏ, sinh trưởng ở thành thị thì cái thành thị buổi xưa vẫn là nơi quê mùa, một thứ “thiên đường thơ ấu”.

Rạch Giá, xứ quê của tôi là con rạch mà nơi cửa biển mọc nhiều cây giá nguyên sinh, không có cây đước với rễ chằng chịt từ trên cao mọc tua tủa, cắm xuống bãi như ở Cà Mau. Nước biển tại Rạch Giá thiếu độ mặn để làm ruộng muối. Cây giá ấy gần như không còn, họa chăng ở mạn Nam bờ Rạch Giá, ăn xuống phía Cà Mau. Rải rác vài cây khá to, lá xanh và lá mà máu chen nhau trên một cành, về già, lá giá đổi ra màu đỏ, tươi mát chứ không đổi ra lá vàng. Rễ cây giá không to, cứ chằng chịt quấn vào nhau theo vòng tròn, trông như ở dưới gốc có mang theo một cái lốp xe ô tô, sóng đánh mạnh, gió thổi to thì thân cây cứ lúc lắc qua phải, qua trái, rễ không ăn chặt vào đất bùn. Mủ cây giá khá độc, nếu rui dính vào mắt.

Chương 2. đậu bằng sơ học.

Sau 3 năm học bổng ở trường tỉnh, lớp nhì 1, lớp nhì 2 rồi lớp nhất, tôi thi đậu bằng Sơ học (CEPFI). Rất mừng và rất lo. Nhà nghèo, không thể tự túc đi học tiếp theo ở tận Cần Thơ, cách xa Rạch Giá 120 cây số, nơi xa lạ, chẳng bà con quen thuộc. Chuyện này do cha mẹ tôi quyết định, hai vị đáng kính ấy tin tưởng rằng tôi là đứa học trò giỏi. Dầu gì đi nữa, tôi cũng phải rời bỏ cái tỉnh lỵ này để ra đi, về đâu thì chưa biết. Tỉnh lỵ cô đơn ở ven biển này là nơi anh hùng Nguyễn Trung Trực bị đưa ra pháp trường, hằng ngày đi học sớm chiều tôi qua lại 4 lần. Người địa phương cứ tên, quen gọi là ông Nguyễn. Trước khi tạm biệt chợ, tôi thấy nôn nao khó tả. Ở đây mấy năm qua cũng buồn mà chỉ nhớ cái vui. Và cái buồn cũng thành cái vui. Đi ngang qua tiệm Nguyễn Ngọc Thái, cứ khen ngợi vì ông chủ này nấu loại xà bông thơm, giá rẻ, có chất lượng nhưng không phát triển cơ ngơi được, thất bại rồi tàn lụi về sau vì kém tiếp thị qua các tỉnh lân cận. Lại có một hiệu thuốc Tân dược, (gọi tiệm thuốc Tây) do một dược sĩ người Huế là Nguyễn Khoa Dai làm chủ, cô vợ đảm trông mạnh khỏe và sang trọng. Trong tiệm chung loại cân hễ có người lên đứng trên bàn thì cây kim chạy, ghi rõ sức nặng. Nhiều lần qua lại, tôi tò mò nhưng không dám vào, e bị rầy rà. Ở sát nội thành là khu vực nghĩa địa, dành cho người Hoa, nhiều kiểu trông rất đẹp mắt, nắm mộ là mộ đất, trồng cỏ xinh xắn, dịp Thanh minh, người Hoa đến bày tiệc trước mộ. So với vùng U Minh, sinh quán của tôi, quả thật chợ Rạch Giá có nhiều điều lạ.

Lại phải đi thi tuyển để vào trường Trung học công lập duy nhất phía Hậu Giang. Khó thi lắm, các tỉnh miền Tây kể luôn vài tỉnh phía Sa Đéc, Vĩnh Long cũng kéo đến dự thi, thí sinh non 500 nhưng chỉ chấp nhận học bổng khoảng 10 đứa. Tôi thi đậu hạng 25. Đáng ghi nhớ là khi

đi thi, lại được dịp biết sơ qua tình lý Cần Thơ, xem như thủ đô của miền Tây. Phố lâu hai tầng thêm tầng trệt cát san sát... Sông Hậu to rộng mát rượi. Lại có nhà máy điện khá to, cung cấp cho vài tỉnh, thêm nhà máy nước đá, rượu bia và các tổng đại lý về thuốc lá diêm quẹt. Chi nhánh của Đông Dương ngân hàng to rộng, với cái mặt tiền đầy vẻ bí hiểm. Thực dân là đây chẳng ? Lại thấy vài văn phòng luật sư của người Pháp. Lại thấy trụ sở của Đoàn điền Hậu Giang. Vào quán ăn bình dân ở mé sông, cứ mãi mê xem cái bồn nhỏ, nuôi con cá tai tượng khá to. Lại còn hiệu sách Văn Nhiều chung bày báo Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san, thêm sách của Tự Lực Văn Đoàn. Thêm hiệu sách khá to của Trần Đất Nghĩa chuyên sách báo chữ Pháp, bảy giờ chương trình trung học dành cho người Việt vẫn nặng về Pháp ngữ nên đọc được sách giải trí phổ thông, hoặc sách văn học cổ điển trong chương trình giáo khoa. Các bài giảng trong lớp đều dùng tiếng Pháp. Người anh chú bác ruột của tôi đã tận tình giúp đỡ, dẫn dắt tôi đi chơi, lần dò địa chỉ những người nấu cơm tháng cho học sinh ngoại trú. Bấy giờ, ở Cần Thơ ngoài trường trung học tư Nam Hưng, vừa mở ra thêm trường Bassac, do ông Phạm Văn Bạch làm hiệu trưởng. Nhiều điểm dành cho học sinh ở tỉnh khác đến ở, nhà trọ mở ra, cạnh tranh nhau về giá cả. Gặp một địa chỉ giá rẻ, thật may mắn cho tôi. Đó là ông Lư Bảo Mỹ, chuyên nấu bếp cho học sinh nội trú, vì vậy hằng ngày ông được ưu tiên đem thức ăn dư về nhà, nuôi thêm học sinh nghèo. Nhà lợp lá, trong con hẻm lầy lội nhưng đối với tôi là đầy đủ tiện nghi. Thấy tôi ốm yếu, hiền lành, ông nhận nửa giá, so với học sinh lớn sức vóc. Thế là cha mẹ tôi đành cố gắng vay nợ, sắm cho tôi hai bộ quần áo bà ba vải trắng, tạm gọi là đồng phục, thêm hai đôi guốc bằng cây vông cho nhẹ. Lại mua một cái rương đan bằng mây.

Quần áo được mẹ tôi may tay cho rẻ hơn mướn may bằng máy. Trước khi đi học xa, mỗi năm về được có mấy tháng hè, mẹ tôi buồn buồn nhìn đứa con yêu quý là tôi, căn dặn nhiều lần. Bấy giờ đâu vào khoảng 1937, đại khái tôi còn nhớ như sau:

- Ráng mà học cho vẻ vang dòng họ, mình là dân U Minh, ai cũng chê là dốt nát, quê mùa, áo mốc, chân phèn. Áo đen giặt vài lần thì bay màu, chân đi đất thì phèn đóng đen thui ở móng chân. Người An Nam mình sao lạ quá, bày đặt phân chia...giai cấp (?), cho rằng dân xứ U Minh này là hạng “trôi sông lạc chợ”. Quê nội của con, đời ông cố ở cù lao Ông Chưởng, bên Long Xuyên, kêu là xứ Hai Huyện. Ông cố ngoại của con xứ Bò Hút, gần xứ Ô Môn, bên kia bờ sông Lớn. Xứ đó “đỉnh” lắm, ai dám nói là quê.

-Thêm một điều mẹ muốn nhắc con là hồi mới sanh con, mẹ đau nặng, không sữa cho bú, trong xóm có một người đàn bà Miên, mới chết chồng, có con nhỏ đang bú. Người này thấy mẹ bệnh, liền nhận lãnh trách nhiệm cho con bú mấy tháng trời. Sau đó, mẹ hết bệnh, bà ta cũng tới thăm và tập cho con ăn cơm. Bà ta đưa cơm vô miệng nhai, sau đó nhả trên tay mà đút cho con. Con ăn coi bộ ngon lắm. Rồi bà ta lấy chồng khác mà vẫn lui tới bông con đi chơi. Hồi học lớp Năm (lớp một), bà ta đưa con đi học, qua cầu khỉ, hoặc chỗ nào thì bông qua. Năm đó, ở chùa Khơme xứ Sóc Xoài, chùa linh lắm, bày ra lễ Chô Thơ Mo, trước bệ Phật, tại chánh điện, người ta đào một lỗ khá to, nói là trẻ con muốn điều gì thì cha mẹ nên bỏ xuống lỗ những món có ý nghĩa, như cây kim, sợi chỉ để con gái may vá giỏi, khi lớn lên. Người giàu sang thì bỏ xuống đó vài lượng vàng, vài chiếc cà rá, kiếp sau sẽ giàu hơn kiếp này. Bữa đó má bắt chước, nhờ con Cà Xúc, (tên của bà ta) mua cây viết, bình đựng mực, cái tập giấy để cho con tới đó bỏ xuống, trước bàn Phật, lấy phước trong cõi đời này. Người ta đi chùa, đông lắm, ai tin trời Phật thì má cũng tin.

Lời dặn sau cùng mà mẹ tôi nhắc đôi ba lần là nên nhường nhịn bất cứ ai. Mình yếu đuối, ốm o thì nên tránh chuyện nổi nóng, chửi thề, đánh đấm. Đi học nơi xứ lạ quê người, rủi xảy ra bề gì, không ai bênh vực.

Xứ Cần Thơ vui lắm, vui gấp mười lần xứ Rạch Giá. Đường phố to rộng, đèn điện sáng choang, người ăn uống tấp nập. Có hai hãng xe đồ đưa khách đi Sài Gòn do người Việt làm chủ. Đôi ba ngày một lần, tàu Nam Vang chạy ngang, ghé lại khá lâu, hành khách, hàng hóa lên xuống rộn rịp, thêm người trên bờ xuống tàu rao thức ăn uống...Tàu của công ty người Pháp ở Sài Gòn, chạy khỏi Nông Pênh, quẹo qua Biển Hồ. Chợ Cần Thơ nằm ở ngã ba sông, con rạch ăn từ sông lớn (Hậu Giang) chảy về phía Tây gọi Rạch Cần Thơ, khá rộng, đưa nước ngọt về phía vịnh Xiêm La, xưa kia ách tắc, chảy vào vùng đầm lầy. Hồi đầu thế kỷ 20, người Pháp cho đào con kinh chiến lược (kinh Xà No) nối ngọn rạch Cần Thơ qua sông Cái Lớn, thông tới biển. Nhờ vậy mà có nguồn nước ngọt rửa sạch phèn vùng đất rộng lớn, trung tâm của vùng là chợ Vị Thanh, điền chủ Pháp và Việt tha hồ giành nhau phần đất hai bên kinh xáng này. Có câu hát :

- *Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Phong Điền,*

Anh có thương em thì cho bạc cho tiền.

Đừng cho lúa gạo, xóm riêng họ hay.

Hay, tức là hay biết, kinh tế thị trường phát triển, có tiền mặt mang theo, nhẹ nhàng, gọn gàng, thì sẽ mua được tất cả.

- *Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng Xà No,*

Anh thương em, sắm một chiếc đồ.

Để anh qua lại mua cò gởi thơ.

- *Xứ đâu thị tứ bằng xứ Kinh Cùng,*

Tràm xanh cũ lứt, anh hùng thiếu chi ?

Ca dao mô tả đi khăn hoang, nhưng khăn chưa xong là phần đất ấy thuộc về chủ quyền của người khác. Biết vậy nhưng cứ chịu cực.

-*Ra đi gắp vịt cũng lừa,*

Gắp duyên cũng kết, gắp chùa cũng tu.

Đi khăn hoang là theo nếp sống tùy tiện. Thấy bầy vịt của ai đó lội trên sông, cứ bắt một con mà ăn thịt, nếu chủ hay được thì cứ xin lỗi là yên vui. Gặp ai yêu mình, mình cứ yêu trở lại, muốn kết nghĩa vợ chồng thì tùy hoàn cảnh. Gặp ai rao giảng đạo lý nào thì cũng noi theo, gẫm lại có từ bi bác ái, làm lành lánh dữ là được.

Chợ Cần Thơ quả là thành tựu về kinh tế thị trường, hồi đầu thế kỷ. Lúa gạo, sản phẩm gom về để phân phối cho các vùng lân cận, lên Sài Gòn.Ngã Bảy - Phụng Hiệp là trục giao thông lớn của các tỉnh phía Nam vùng Hậu Giang, nơi đất thịt (hiều là phù sa tương đối định hình, pha ít nhiều đất sét). Nước ngọt thì do sông rạch cung cấp hoặc nhờ “nước trời”. Khoai lang, lò nấu bếp, củi, bắp, đậu, trái cây chờ tới lui trên sông rạch. Tại Ngã Bảy này ghe thuyền, tàu thủy ngày đêm rộn rịp. Có bán đủ thức ăn, thức uống cho ghe thuyền, bán không sợ ế, vì giới tiểu thương dám ăn xài, tương lai đang mở rộng trước mắt, sung sướng hơn người nông dân dãi nắng dầm mưa, trực tiếp sản xuất.

-*Đạo nào vui cho bằng cái đạo đi buôn,*

Xuống biển lên nguồn, gạo chợ nước sông.

Lần hồi, làm quen với sông Cửu Long, tôi thấy nó khác hẳn những con sông nhỏ bé nhưng hùng tợn của phía Cà Mau, đổ ra vịnh Xiêm La. Mặt nước như chảy chậm, nhưng kỳ thật chảy mạnh ở dưới đáy sông, những cây sào cắm gần bờ vẫn rung rinh khi nước như đứng lại. Cá ở sông lớn này được gọi là “cá trắng”, trong khi cá ở rừng tràm Cà Mau, U Minh gọi là “cá đen”, dựa vào màu sắc bên ngoài. Cá tra, cá vồ, cá bông đều to con và bụng có mỡ, nấu canh chua khá ngon. Lại còn loại cá nóc, nhiều thứ cá nóc, tôi bắt chước các bạn xuống tắm ở sông lớn, tắm nước ngọt mát mẻ không như ở nước mặn nước phèn, nước lợ phía U Minh... Tôi mặc quần cụt, tắm rồi lên bờ chợt đưa bạn phát hiện : “Cá nóc đó, tỉnh táo, đừng sợ”. Trong lúc tôi ngơ ngác, đưa bạn chỉ ngay đầu gối tôi. Máu chảy ròng ròng, xem lại thì quả là một vết thương lạ lùng. Nơi cá cắn, một màu trắng, màu trắng của mỡ, rồi thì lắt sau máu chảy ra, không biết làm thế nào ngăn lại, điều ấy chứng tỏ bộ răng cá nóc quá bén, bị nó khoét mà mình chưa hay biết gì cả. Vết thương ấy ở gần đầu gối, hơn 60 mươi năm sau mà sẹo vẫn còn. Gọi vùng Hậu Giang, nhưng gồm nhiều tiểu hình thể, từng mảng khác nhau. Gần ven sông, ven biển, nhiều gân đất cao ráo, người Hoa kiều từ lâu rồi biết khai thác để trồng nhãn. Dịp tựu trường tha hồ ăn nhãn, bây giờ chỉ có loại nhãn lớn hột. Thơm tho ngọt ngào, đối với người ở U Minh, xứ không bao giờ thấy cây nhãn. Lại còn các loại chim ở đồng lúa vùng nước ngọt, nay hãy còn như ốc cao, vỏ vè, chẳng nghịt, cuốc. Dân miền quê dùng lưới mà chụp, vật lông, chiên, gọi món “chim rô ti”. Theo thời trang, giàu nghèo gì đều vừa đi vừa ăn, hãnh diện đến các điểm thụ bì da, vừa xem vừa ăn...Bây giờ rộ lên phong trào thụ bì da, mỗi hiệu chứa chấp một tay thụ nhà nghề. Họ trình diễn những kiểu đánh đẹp mắt. Loại bì da Pháp, lắm khi họ thụ đựng trái banh thứ nhất, dội qua cạnh thứ nhì, tạt qua cạnh thứ ba, dội lại, đựng vào mé của trái banh còn lại. Tôi hiểu họ quen tay, dùng trực giác mà suy luận. Vài người bạn bảo đó là lượng giác học. Và thụ bì da là môn thể thao, suốt buổi, họ đi quanh bàn hàng đôi ba kilômét, khi thẳng lưng khi khom lưng, xem yếu điệu.

So với thị xã Rạch Giá thì Cần Thơ sang trọng vượt bậc. Đầu từ năm 1920 về sau, đã có rạp chiếu bóng, chiếu hàng đêm, phần lớn là phim Pháp, mỗi ngày có chiếc xe ngựa đánh trống rao mời, hai bên hông xe treo bảng quảng cáo với ảnh tài tử, có đưa bé phân phát chương trình, in chữ Pháp, chữ Việt. Bây giờ nhiều người ghiền xi nê lo sưu tập các chương trình này, đóng từng xấp, lâu ngày thấy đẹp mắt và quý giá. Bây giờ là phong trào của loại phim lực sĩ Tạc dẫn người tình xinh đẹp, cũng ăn mặt hờ hang nhưng so với ngày nay thì ít khiêu gợi, tương đối lành mạnh. Nhưng bối cảnh buổi ấy quả là táo bạo, làm cho nhiều khán giả mất ăn, mất ngủ. Lại còn cô đào trẻ Shirley Temple, đầu cỡ 10 tuổi lanh lẹn, vui tươi. Đôi ba tháng lại xuất hiện một bộ phim màu, xem như đỉnh cao về kỹ thuật. Bây giờ không có thuyết minh hoặc phụ đề Việt ngữ gì cả.

Nhiều thanh niên đạo phổ cao hứng; rút trong túi cây kèn thổi, nay gọi là khẩu cầm, thổi giọng cao, giọng thấp lại có đánh nhịp. Câu lạc bộ đi trượt trên kiểu giày có bánh xe (patins) uốn lượn, trai gái dìu tay nhau, khá đẹp. Lại còn nơi biểu diễn thiết hài, kiểu giày ở gót có bộ phận bằng sắt gõ nhịp. Vài ba quán nhậu trỗi lên những bản nhạc thời thượng bên Pháp, đại khái “Nếu bạn trở lại” như lời hứa (si tu reviens) hoặc “Bài tặng em Nina”(Chanson pour Nina), hoặc “Tôi có hai mối tình”, thứ nhất là quê xứ của tôi, còn mối tình thứ nhì là thành phố Paris ! Nói chung, khu vực này tụ tập con ông cháu cha, cụ thể là con cháu của giới điền chủ lớn nhỏ, lúa vẫn bán có giá trên thị trường quốc tế. Một số cô cậu đang đòi đi học ở Sài Gòn, Huế Hà Nội,

nếu không có hoàn cảnh sang Pháp. Nhiều cậu ở tỉnh gần, thỉnh thoảng cha anh lái ô tô nhỏ lên thăm, sắm cho giày da, hoặc bộ Âu phục bằng tuyết so, hiểu là tơ dũi, loại tơ kéo từng sợi to.

Hằng đêm vì ở ngoại trú, lại có trí nhớ nên tôi học bài rất nhanh, sau đó, lại dạo chơi xứ người, kiểu dạo chơi không tốn tiền. Thích nhất là đến bến xe đò. Từng đoàn người ngồi tràn lề đường thích thú với việc đàn ca Vọng cổ, phần lớn là dân lao động, thêm số người lanh lẹn là lơ xe đò (phụ xế), họ đi về tận Sài Gòn, Cà Mau, Sóc Trăng. Đàn kim (nguyệt), thêm đàn ghita, loại đàn Tây Ban Nha này cải tiến chút ít, khoét phím, lên dây lại, dường như “hội nhập” được với hơi hướm, hò, xự, xang, xê, cồng, nghe khá du dương; Trong giới mộ điệu, có vài người ăn mặc sang trọng, nghe giới thiệu thì đó là vị Mạnh Thường Quân, sẵn sàng chi tiền cho anh em phát triển “nhạc tài tử”, thí dụ như mua gà vịt, thêm chút ít rượu. Anh em đàn ca bảo rằng “cái nghề này rất ít lợi”, chứng tỏ nhạc tài tử của người Việt dễ lọt vào lòng người hơn là nhạc Tây. Và bảo rằng ngoài việc “chơi cho vui”, ai giỏi nghề thì cả nước ái mộ, kẻ xuất sắc đi theo gánh hát cải lương, quần áo sang trọng, đến đâu cũng có người đón rước, lương bổng cao hơn công chức, lại được phụ nữ...mến chuộng ! Kẻ khác cải lại rằng phải có tài và có thời, bằng không thì hát ở nhà lồng chợ, rồi ngủ ở đình làng. Sớm chiều rảnh rang dạo phố. Phải lấy cái biệt danh nghe cho hay...Rồi vài bạn đờn ca đứng lên hát, mặt đỏ kè, phải cháng rượu đem cho con người sức tự tin và tâm trạng lãng mạn ? Lại tạm nghỉ để tranh luận về nguồn gốc bản Vọng cổ. Từ Huế là bản Hành Vân nhưng ông Sáu Lầu ở Bạc Liêu dựa theo mà đặt bài ca mới, tả nỗi buồn của người đi làm ăn xa xứ. Vài năm trước, bản Vọng cổ được Năm Nghĩa ở Bạc Liêu cải cách, nâng thêm nhịp, từ nhịp tư lên nhịp tám. Thấy còn hạn chế nên Mộng Vân cũng ở Bạc Liêu mở thêm nhịp cho câu hát ngân nga và dài hơn, mỗi câu 16 nhịp. Gánh hát Cải Lương rước đào kép ca Vọng cổ thì khán giả mới mua vé vào xem, ở Sài Gòn và đâu đâu cũng thế. Phải mùi mẫn hơn, lừng lẫy hơn cho thiên hạ nghe, chứ không còn hát co ro, cúm rúm.

Như vậy là giữ nguyên gốc thì...làm ăn không khá, lỗi thời ! Tôi mừng thầm, cảm ơn cha mẹ đã chịu cực cho tôi đi xa để thấy chuyện đời. Nếu cứ ở U Minh đá cá thia thia, ăn cá lóc nướng thì vui nhưng u mê, sống ngoài thời cuộc. Rốt lại, gần mười năm học ở trường Bassac, tôi thuộc vào hạng khá, nhờ... nhớ dai, giỏi về Việt văn và Pháp ngữ. Bây giờ, Việt văn không được chú ý, nhưng tôi mãi mê vì ông thầy Phan Quốc Quang (biệt hiệu Thượng Tân Thị) quả là giàu tâm huyết. Dạy bậc trung học, trong khi các giáo sư mặc Âu phục, mang giày, thắt cà vạt thì ông thủ phạm khăn đen áo dài, nói ròng tiếng Việt, không xen tiếng Pháp nào hết (vì ông không rành). Riêng về Hán học, dường như ông chẳng đậu tú tài, cử nhân gì cả. Học trò nhiều đứa đã vắng mặt liên tục, lắm khi ngồi nghe, vụt đứng dậy ra sân mà nô đùa ! Người thích văn chương, ngoài đời, mến mộ ông qua 10 bài Khuê phụ thán. Đạo ấy vài người viết bài cho rằng Thượng Tân Thị là kẻ đạo văn, chẳng bao giờ ông đủ tài năng để làm 10 bài ấy. Khuê phụ thán là tâm sự của bà hoàng hậu, vợ vua Thành Thái, qua lời thơ đã than thở “Chồng hỡi chồng, con hỡi con”, chồng và con đều bị đầy. Có vài câu tuyệt diệu như:

-Con ơi, ruột mẹ nguơu như tương,
Bảy nổi ba chìm rất thảm thương.
Khô héo lá gan, cây đình Ngự,
Đầy voi giọt lệ, nước sông Hương.
Quê người đành gởi thân trăm tuổi,
Cuộc thế mong gì nợ bốn phương...

Thượng Tân Thị đã can đảm ca ngợi hai vị vua nhà Nguyễn. Về sau có người bênh vực Thượng Tân Thị, cho rằng ông không đạo văn của ai hết, bằng cứ là trong bài Thập thủ liên hoàn Khuê phụ thân ấy có vài câu trùng ý, thí dụ như:

-Mộng điệp khéo vì ai lẽo đẽo

Rồi lại cũng ý ấy:

-Chiêm bao lần quần theo hồn bướm...

Sự việc ấy chứng tỏ tác giả là một thi sĩ đuổi hơi, và tâm cỡ của Thượng Tân Thị chỉ như vậy thôi.

Thượng Tân Thị không buồn, ung dung dạy chữ Việt.

Chưa hết chuyện mới lạ ở Cần Thơ.

Ven bờ sông, mỗi buổi sáng, vài thanh niên say mê tập thể dục theo phương pháp Tây Âu, họ cử những quả tạ gồm hai cục sắt nặng như nhau, khoảng 5 kilô...bụng họ thon lại, nổi lên 6 cục thịt, vai thì u lên, ngực to, vừa tập vừa đếm. Họ hít bằng phổi, nhưng thở ra bằng miệng, nghe khá to. Hỏi lại thì đó là tập để trở thành “ắc-lét” (athlète) tức là lực sĩ. Chuyện lạ, đối với tôi bấy lâu chỉ thấy biểu diễn võ Việt Nam. Hùng sáng, vài thanh niên xuống sông, bơi lội chuyển đi và về suốt 10 kilômét, tận chợ Cái Răng, tư thế nằm thẳng, hai tay quạt đều và chân đạp theo một động tác như máy chạy. Họ bảo đó là kiểu bơi lội quốc tế. Tôi nghĩ rằng cứ mỗi sáng mình ra ven sông, hít không khí trong lành và ngắm xem mấy người vãi chài bắt cá cũng đủ rồi. Một thanh niên đen đúa, ốm tong, cao ráo đã bơi lội, nhưng lội theo kiểu người Việt từ xưa, theo tư thế dân chài Việt Nam, ngực và đầu nổi lên, thân như hơi nghiêng nghiêng, chỉ thấy hai tay quạt nước. Chàng thanh niên này mặt quần cụt dài, vải đen, trông thô sơ, không có quần cụt bó sát mông kiểu Tây. Khi lên bờ chàng ta đến gần tôi mà phân trần :

-Mình là dân nghèo, cha mẹ chài lưới ở tận Ngã Bảy - Phụng Hiệp, ráng lên đây học, sáng ăn xôi. Chán quá ! Nhưng lên Cần Thơ này cũng có nhiều điều hay. Thích đọc sách báo không ? Tôi có quen một người tốt lắm, cho tôi ở trọ gần như miễn phí. Nghèo, anh chủ này làm thợ máy ở bắc (phà) Cần thơ, qua bên kia bờ sông Hậu.

“Phải qua bên kia sông Hậu, rồi qua sông Tiền để lên Sài Gòn”? Nghĩ thâm như vậy, tôi hẹn với anh bạn trong như mộc mạc này, đến căn nhà ở ngoại ô, đường vào quanh co, lầy lội vì bấy giờ là mùa mưa. Từng xấp báo, cắt ra những bài quan trọng, dán lại, thoạt trông qua, tôi mừng rỡ, vì chỉ cắt ra những bài liên quan đến lịch sử Việt Nam, Nam Bộ và văn học. Nằm trên võng, gần vũng nước, bất chấp bày muỗi bao quanh, tôi đọc một trích đoạn của Đạo Nam Kinh. Anh bạn này tự giới thiệu là Hai, bảo là cùng học với tôi, khác lớp bên A, bên B.

Đạo Nam Kinh có lẽ là kinh do vì tiên, vì Phật nào đó hiện về trần gian, qua việc cầu cơ bút ở ngoài Bắc Kỳ từ lâu rồi, khuyên dạy người dân nên giữ lòng yêu nước, so sánh tổ quốc ta như cái đòn gánh, miền Trung là dây Trường Sơn, hai đầu là hai gánh lúa của đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long.

-Đạo Nam ơi, Đạo Nam ơi,

Trần nằm còn lại mấy lời thơ đây

Ai đưa mình đến chốn này ?

Cho đêm mỗi hạc, cho ngày một loạn.

Xót thân vợ vẫn canh tàn.

Máu đông nên chữ, lệ tràn ra thơ.

Rồi anh bạn giải thích đó là kinh của đạo Minh Sư, do chư tiên truyền xuống trần gian, ngày đêm, đau xót. Hồi mấy năm xưa, chùa Nam Nhã tại Bình Thủy, ngoại ô Cần Thơ, đã xuất bản tập Đạo Nam Kinh, phổ biến tận các tỉnh, sau đó thực dân ra lệnh tịch thu. Trong mớ bài báo cắt dán, gặp bài thơ của J.Leiba, chưa ngâm nga lên mà đã thấy thích thú, nhớ ngay, không cần học cũng thuộc. Bài nhan đề Thụy Hoa Lầu :

-Sân quanh rêu phong sâu liễu úa,
Lầu không người vắng bóng hoa sầu.
Hoa xưa ngủ lệ năm canh nguyệt,
Người trước mơ hồ một nắm khâu.
-Ngây ngất gió hiu hắt bốn mặt,
Mịt mờ mây trắng cuốn ngan sầu
Cỏ non đâu vết giày du tử ?
Ánh lạt Tà dương dãi góc lầu.

Lời lẽ khách sáo, theo công thức xưa nhưng nhạc điệu ở đâu đó, từ chân trời xa và từ trong lòng mình ngân lên, hoà điệu. Cái đẹp Á Đông, của thơ ca đời Đường. J.Leiba chợt hứng, mô phỏng khéo léo, gợi không khí đẹp, ngàn xưa. Trong phút giây, tôi như quên cả thực tế nghèo túng của mình, của cha mẹ. Nếu không đi Cần Thơ, lòng yêu Tổ quốc của tôi chỉ là mong manh, quanh quẩn mấy gốc tràm với con cá lóc nướng trui và vài câu hát. Phải đi xa. “Thượng phải chí. Hạ phải đáo”. Trong mấy bài báo cắt dán, tôi chú ý bài của Nguyễn Vũ, lúc còn trẻ đã đến Bến Ngự ở Huế để phỏng vấn một chí sĩ bị thực dân lên án tử hình, rồi ân xá, bị quản thúc, nghèo, sống trong chiếc thuyền bé, có mui. Sự giúp đỡ của địa phương bị giới hạn. Ông đang ăn cơm với mắm ruốc, chuối chát, trong tuổi già. Đâu phải ai ở xứ Huế cũng thảnh thơi được nếm món ăn thanh cảnh. Lúc gặp nhà văn, cụ Phan Bội Châu ung dung ngâm nga:

-Râu mài tro trên với non sông,
Thật phải mình chăng, lòng hỡi lòng,

Bấy giờ, đứa con của cụ đang giã gạo. Cụ Phan còn gọi hoàn cảnh giam lỏng của mình qua câu ca dao đã có từ xưa:

-Ăn sung nằm gốc cây sung,
Lấy anh thì lấy, nằm chung không nằm !

Quả là một phương châm để sống và tranh đấu trong lòng địch. Bài báo cũ dán trong nhiều tập. Nôn nóng nhất, lúc bấy giờ tôi ao ước được qua phà, bên bờ là tả ngạn sông Hậu, về phía Sài Gòn hằng mơ ước ; U Minh là đất mới, theo nghĩa là chưa khai khẩn đúng mức, xóm làng chưa thành hình, nhiều người đến vài năm rồi dời đi xứ khác. Trên này, có đình làng, có chùa. Nhà nghèo ở ngoại ô Cần Thơ cũng trồng cây cảnh, tạo hòn non bộ, định hình thôn xóm.

Nhờ anh bạn giới thiệu sơ qua, ông thợ máy dưới phà Cần Thơ –ông Bảy Ngân đưa tôi xuống, khỏi mua vé, cứ ở dưới phà mà ngắm cảnh, chiều về, hoặc ở tối cũng được, họ chỉ soát vé người xuống phà chở người đi lên thì tự do. Đến bờ sông, ngay bên phà, tôi chú ý ngôi miếu nhỏ, thờ Thủy Long. Người coi lái phà ngồi trên mui cao, còn ông Bảy thì xuống hầm máy, chập chội, tôi om om, bóng đèn đỏ soi mờ mờ cũng một trang thờ nhỏ, ghi chữ Thủy Long. Thời đại khoa học mà con người vẫn tin sống mạng mau rủi, sợ tai nạn ? Ông Bảy Ngân giải thích từ hồi nào đã thấy bàn thờ, mình nên để vậy, ai tin thì tin, nhưng riêng ông thì tin. Bảy năm trước, một lần nọ chiếc ghe to chở củi đống vào phà, đống bên hông, phà suýt chìm, ban sáng. Ông Bảy lắng tai

nghe tiếng keng hiệu lệnh do người tài công (hoa tiêu) trên nóc phà ban xuống. Đoạn sông Hậu này dài hơn 1 kilômét, ra gần giữa sông, phà chạy ngon trớn, êm đềm. Ông Bảy vụt nắm cây cần điều khiển, giảm tốc độ trước khi nghe hiệu lệnh, gần vào bờ. Hai bên là lộ xe, nhà cửa san sát, nhiều quán, tiệm bán trái cây ngon, thêm cơm, cá kho tộ, canh chua ; Đất quá tốt, chuối mọc bên nhà xanh tươi, mấy giàn khổ qua, bầu mướp tươi tốt, nước dưới rạch dâng lên, không cao không thấp, rõ ràng cây cỏ mạnh khỏe, không cần chăm sóc. Trời đổ bóng chiều, ăn khúc bánh mì dòn thịt, uống thêm ly nước hột é khá ngọt, tôi thấy xứ này mát mẻ, người dân vui vẻ, ham sống theo một kiểu khác hơn ở rừng U Minh, quê tôi. Trong quán, có giảng võng, một phụ nữ luống tuổi hát ru, đứa con đang thức, trố mắt :

-Đèn tạ đăng để trước bàn thờ,
Vặn lên nó tỏ,
Vặn xuống nó mờ...
Xuống sông hỏi cá, lên bờ hỏi chim.
Trách ai làm cho thổ nọ xa tiềm,
Em xa người nghĩa mà nằm điềm chiêm bao...

Rất tiếc là không mang giấy bút để ghi lại, câu này ở quê tôi làm sao có được. Tôi bèn yêu cầu bà nọ hát trở lại, bà tươi cười:

-Nhớ làm gì ? Cậu nghe vài lần nữa, có người khác hát thì nhớ. Câu hát là để hát chứ không phải để ghi vô cuốn sổ mà học thuộc lòng. Muốn học thì nhờ người nào hát lại. Cậu là học trò ?

-Dạ, phải. Muốn ghi lại để nhớ mà làm bài sau này.

-Thì nhớ thêm câu này, nghe ngộ lắm ! Tôi chưa hiểu hết. Nghe đầu của xứ Huế:

Cầu cao ba mươi sáu nhịp,
Em theo không kịp
Nhấn lại cùng chàng.
Cái nợ tào khang, sao chàng vội dứt ?
Để nằm thao thức, tưởng đó với đây.
Biết khi nào cho phượng gặp bầy
Cho le gặp nhận.
Ruột đau từng đoạn,
Gan thất chín tàng.
Anh với em như chanh với khế,
Như Quế với gừng,
Dầu xa nhau nữa cũng đừng tiếng chi...

Bóng chiều đổ xuống, tôi vội kiệu từ. Một quãng đường, một sàng khôn. Dường như dân mình chuộng ca hát, làm thơ hơn chuộng đọc sách, tiểu thuyết. Đến mé sông, ai nấy xông xáo, chèo lên, xuống. Lục bình trôi phẳng phẳng từng giề to lớn. Đến mé bãi, tôi xắn quần cho khỏi ướt, lấy hai bàn tay vốc nước, rửa mặt, lằm bằm: Nước Hậu Giang ngọt và mát hơn nước U Minh, nước sông Cái Lớn. Vốc nước thử nhì sóng sánh giữa hai bàn tay, tôi thử nhìn, không thấy chút gì dơ dáy, những hạt bụi hạt cát mà mãi về sau này các người làm thơ làm văn ở phía Tây Nam gọi là phù sa. Rặng bần theo bờ sông khá dài, vài chiếc xuống câu buộc dây vào, chờ ăn cơm. Có sóng gió, nhưng lẫn tẩn, bình thường. Nhìn lên thượng nguồn phía Bắc, phía Long Xuyên- Châu Đốc, tôi bèn vận dụng mớ kiến thức sơ đẳng, học ở nhà trường và trong sách báo. Trên kia là

Nam Vang, trên nữa, giáp nước Cam Bốt là Lào, Thái Lan, rồi Miến Điện, Trung Hoa, nguồn sông ở tận Tây Tạng, cách nơi này đâu cũng hơn 4 ngàn kilômét. Tây Tạng được xem là “mái nhà của cả thế gian này”.

Ông Bảy Ngần cười tươi hỏi tôi vui không, thấy cái gì lạ không, tôi lại hỏi:

-Ông ơi, Tây Tạng là nguồn của sông Hậu Giang này, xa lắm, đọc báo tôi thấy kể lại rằng...trên đó nhiều vị Phật sống, huyền bí, bùa phép rất giỏi, nhiều thầy tu đắc đạo, không sống, không chết, tin đồ đặt trong quan tài, thỉnh thoảng dỡ nắp ra thấy thân xác còn nguyên vẹn, da thịt khô ran, lỗ mũi thì dường như còn thở nhẹ.

-Đó là chuyện mình chưa thấy nhưng người ta kể lại thì nó cũng có “cái gì đó”. Xa xôi quá, cao nguyên Tây Tạng dính vào dãy Hy mã Lạp Sơn, cao nhất thế giới. Chuyện hoang đường nhiều lắm nhưng cũng ảnh hưởng đến vùng Hậu Giang này. Pháp gọi nước Việt nam là khu vực Indochine, chịu ảnh hưởng lớn của Trung Hoa và của Ấn Độ. Mình nên học cho rõ hơn. Mình là người Việt khôn lanh và vui vẻ với mọi thứ văn minh.

Lên bờ về nhà trọ, lại nhớ đến một ý kiến mà lúc này chưa dám bàn bạc vì mình còn nhỏ tuổi ? Nam Bộ là đất sôi động, ngoài những loại phong tục của người Hoa, người Khome còn thêm của người Pháp mà mình phải hứng chịu. Pháp mở trường học lộ xe nhưng chúng giết bao nhiêu người lương thiện, người yêu nước.

Về nhà, lại thao thức khi nhìn tờ lịch thấy năm học gần chấm dứt. Muốn mở rộng kiến thức, phải học thêm theo chương trình giáo khoa. Có vài môn mà tôi thấy dị ứng, hấp thụ không được, đó là hình học, số học, hoá học. Về địa dư (địa lý), tạm dùng bản đồ thế giới. Nhưng hóa học thì cần phòng thí nghiệm, kiếng hiển vi...vì nhà trường không có đủ. Phải học, phải thi đậu để lên Sài Gòn tìm việc làm, mở rộng chân trời. Nhà nghèo, học một năm trường tư như thế này cũng đuối sức cha mẹ rồi, tiền ở trọ thiếu trước hụt sau, tóc để dài không tiền hớt. Đòi guốc bằng cây vông đi mãi, mỏng manh tưởng chừng có thể tét làm hai.

Phải đậu những hàng đầu ! Thi tuyển vào trường, khoảng 500 đứa mà đậu hạng thứ 20 mươi thì xem như không hy vọng nào được học bổng.

Nếu ngoan ngoãn học hành thì dễ quá. Nước mất, xã hội quá nhiều bất công. Là người của xứ U Minh, tôi nhớ mãi lời mẹ. Làm sao cho thiên hạ đừng khinh người đi khẩn hoang, ở vùng đất mới. Nhìn lại mấy xã lân cận ở quê nhà dường như chẳng ai có hoàn cảnh may mắn như tôi.

Phải thi đậu, hạng cao thì đỡ tốn tiền cha mẹ. Tôi quyết định: “Nên ở Cần Thơ, dường như người nuôi trợ không khó tánh cho lắm. Tôi ăn rất ít. Để luyện thi chung với các bạn”. Nhưng bối cảnh xã hội không như hồi năm ngoái. Đệ nhị thế chiến đã bùng nổ. Báo chí từ Sài Gòn đưa xuống Cần Thơ bán chạy hơn. Giới công chức qui tụ vào buổi chiều ở mấy quán bia đã thừa thớt, trông thấy. Vài người công chức già vẫn uống, mãi đến khuya. Ai nấy loan tin rằng tất cả các loại hàng tiêu dùng đều lên giá, nên mua để tích trữ. Nhưng thế chiến dường như chỉ bùng nổ bên Ba lan. Những tên Hítler, Mút-xô-lini được nhắc nhở trên trang báo với chữ in lớn. Riêng ở nước ta, cụ thể là Sài Gòn, vài tờ báo tiến bộ bị đóng cửa và một số người yêu nước bị bắt, đày ra Côn Đảo và Bà Rá (đầu ở Tây Ninh). Nhớ chuyện học ôn để dự thi tuyển, tôi chưa được yên tâm. Học tài thi mạng. Thi đậu cao vẫn là hay hơn thi rớt. Để được học bổng, để được bám chặt đất Cần Thơ này, vùng đất nhạy cảm. Theo chân người bạn học, tôi đi Bình Thủy rồi tò mò qua cù lao Khương Bình Tịnh. Ông này có hiệu thuốc Tây sang trọng nhất mà khi đi học, tôi chỉ dám nhìn qua. Uống thuốc tây là chuyện quá tốn kém, chẳng lẽ vào cửa hiệu của ông ta, nhìn quanh quần các tủ kiếng rồi trở ra. Có cây cân tự động, bước lên bàn là cây kim quây, chỉ rõ mình nặng mấy kilô, nhưng tôi cứ ngại. Trước cửa hiệu thuốc, nhà nước dựng cây trụ cao, xinh đẹp, nhằm

kỷ niệm các chiến sĩ trận vong giặc 1914-1919, chưa đầy 20 năm mà dường như chẳng ai còn nhớ. Những người Việt vô phước bị bắt lính đưa sang trời Âu, mất xác, gia đình chắc cũng còn giữ kỷ niệm mơ hồ. Vài người bạn bảo rằng: “Học thêm nữa, chưa chắc được làm quan to quan nhỏ, hoá chẳng là làm thầy giáo làng, thầy giáo tỉnh.” Đối với tôi, làm sao giải thích với cha mẹ về tình hình thế giới. Ở Cần Thơ này, nạn thất nghiệp lan tràn, đập xích lô còn khó sống. Phải đi học, có học mới yêu quê hương đúng mức được, về U Minh thì làm sao gặp được bạn tri âm như anh Hai, như ông Bảy Ngân. Và nhiều người khác nữa.

Anh Hai nói khi cùng đi bách bộ:

- Tụi thực dân rồi rầm tới mức rồi, nhiều người theo cộng sản mà chúng cho rằng không nguy hiểm cho lắm, hoặc chưa nắm được bằng cứ. Từ miền khác bị đưa về đây quản thúc lỏng, kêu là “chỉ định nơi cư trú”. Phải trình diện hằng tuần hoặc hằng tháng. Còn người nào có tiền án; bị tình nghi ở đây thì đưa qua tỉnh khác.

Đến nhà một nhân vật mà tôi nhớ mãi, ở trọ căn nhà lá, đầu to, mắt lộ, tóc hớt ngắn, ăn nói nghiêm nghị nhưng thân mật, đó là ông quản Bò, ở Đức Hoà, Tân An.

Ông quản ung dung nấu loại trà xanh, trong cái siêu sắc thuốc. Rót nước, ông mời, bình đẳng, mặc dầu khác xa tuổi đời và tôi là kẻ chưa có trình độ chính trị gì cả. Ông nói về cuộc Đệ nhị thế chiến mà thực dân Pháp ở chính quốc và ở Việt Nam phải vướng vào. Trục phát-xít Đức-Ý-Nhật đánh phe Đồng Minh. Người yêu nước Việt Nam đứng về phe Đồng Minh với Mỹ, Anh, Pháp vì phe này đứng về phía dân chủ, không độc tài. Ông khuyên tôi nên đọc qua mấy bài báo cũ, cái gì không rõ cứ hỏi.

Chương 3. Vào trường công lập Cần-Thơ.

Sau khi thi đậu vào trường công lập Cần Thơ, tôi phải về U Minh. Khó xử cho tôi và cũng là sự hoang mang cho cha mẹ. Tôi được đứng vào hạng 19 hoặc 20 gì đó, qua cuộc thi tuyển. Được học bổng hay không ? Trên lý thuyết, chỉ 10 người đứng đầu hưởng học bổng, thêm đôi người được phân nửa học bổng. Như vậy là đã thua cuộc. Vài người lớn tuổi bảo rằng còn điều tra lại, những đứa đậu cao có thể là con nhà giàu 12 hoặc 13 thì có thể hy vọng, nhưng hạng 20 thì quá xa. Đành trở về quê chờ xem, cho khỏi tốn tiền ở trọ. Cha mẹ cho tôi học để lấy bằng cấp làm sinh kế, chớ đâu phải học để bàn chuyện chính trị, hoặc quan sát “thiên văn địa lý”. Dè đâu, hơn tháng sau, nhà trường gọi về quê tôi cư ngụ một tập hồ sơ, hỏi về gia cảnh giàu nghèo và đồng thời yêu cầu ngày tựu trường, tôi phải chuẩn bị sẵn 6 bộ quần áo bà ba trắng, mền, 2 bộ Âu phục, 2 cà vạt, 2 đôi giày bố kiểu Bata, 4 khăn lau mặt, 6 khăn mù soa, vân vân...thêm nào bàn chải đánh răng, khăn tắm. Thật là quá mức, tìm đâu ra tiền ? Bây giờ, một giạ lúa (20 kílô) tương đương một mét vải dệt với bông vải ; nhập từ Singapo. Cái hồ sơ học bổng của tôi gửi về quận An Biên đã gây dư luận tốt, các viên thư ký gặp hương chức làng cho rằng tôi là một “nhân tài hiếm có” của vùng U Minh này. Tôi nhớ mãi bầu không khí của chợ Cần Thơ sống cực mà làm mở rộng tầm nhìn. Lại xảy ra chuyện bức dọc cho cha mẹ. Sau khi đi tận tận lý để dò hỏi giá cả của hai đôi giày bố trắng, thêm cái rương, cái mền, cha tôi về, không chần chừ gì cả:

-Phải đem cầm bộ lư và chân đèn trên bàn thờ ông bà ! Sau này chuộc lại, tiền lời khá rẻ vì là tiệm của nhà nước lập ra.

Bà con dòng họ nhón nháo lên. Đó là món thờ cúng do ông nội tôi đã mất, để lại. Cha tôi là người giữ phần hương hoả, chứ không được xem đó là của riêng để đem cầm cố. Cha tôi, từ lâu được anh em uỷ quyền giữ hương hoả, cứ lặng thinh, hồi lâu mới trả lời:

–Đâu phải tôi uống rượu, cờ bạc. Đây là người dòng họ được hưởng của ông bà. Con tôi là đứa cháu nội. Chẳng lẽ giữ bộ lư hương này để rồi con cháu phải sống với cây trầm, cây trầm bầu, lặn hụp bắt cá lóc ? Hơn nữa bà con mình có nghe gì chưa ? Bộ lư ở đình làng X mới đây bị ăn trộm rình mất. Chẳng lẽ dân làng đó bắt hiếu với ông thần. Thời buổi này rồi !

Mấy tiếng “thời buổi này rồi” mà tôi chẳng rõ hết nghĩa gọi lại chuyện qua sông Hậu, trên phà và lời của bạn bè ở Cần Thơ. Chẳng lẽ ba tôi lúc này lại tham gia vào chuyện “quốc sự”, nhận ra một viễn cảnh nào đó, khác hẳn với lúc thực dân còn mạnh mà giấc mơ của đại đa số thanh niên trung lưu là đậu bằng cấp để làm công chức ? Tôi chống chiếc xuồng nhỏ, quanh khu rừng trầm, nói là dạo quanh nhưng kỳ thật là du ngoạn theo bẽ dài khu rừng, gọi “rừng cấm” vì nhà nước đang bảo quản vì “quyền lợi nhà nước”. Rừng có nhiều con kinh nhỏ chảy xuyên qua, đi quanh về tắt, rải rác nhiều căn chòi của những người mang lý lịch mơ hồ từ phía Cần Thơ, Long Xuyên đến tạm trú để bắt cá, đốn củi lậu thuế. Nơi ven rừng phía Nam, chỗ cây xoài rừng và địa lạn, hiểu là ao nuôi cá, lâu ngày không nạo vét lên đã cạn, hai ba chàng trai đang đào xới mô đất bỗng gọi tôi :

– Cậu ba, xin chào cậu ba !

Tôi đến gần họ là người chòm xóm, sống với nghề bắt rắn, bắt trăn. Họ khen ngợi tôi đã đi học xa, tận Cần Thơ, làm hành diện cho khu rừng này. Tôi hỏi thì họ rí tai :

- Bòn vàng của vua chúa thời xưa để lại. Hy vọng tràn trề.

Quả thật, họ đã khai quật một mô đất khá cao, cuốc xẻng dựng vào gốc cây xoài. Nhìn xuống hồ, thấy nước đen lỏng lỏng, đất vừa xới lên còn xông mùi ẩm ướt, nồng nặc. Họ giải thích rằng những đất cao ráo khác thường ở rừng này thường là mồ mã của người vô danh từ ngàn năm, nào Chà Và, Mã Lai, Khome, hoặc Việt Nam. Bằng cớ là dưới lỗ hổng mà họ vừa đào thấy có mớ tóc dài và bầy cá trê vây quanh. Cá trê ăn thịt người. Hoặc là tóc của con người, chôn lâu đời lại hóa ra cá trê như lời đồn đại ?

Tôi thấy chưa tin, một cậu nói:

– Cậu ba đi học xa xứ, biết nhiều chuyện đời, vậy xin hỏi cậu biết Thiên linh chuối?

Dĩ nhiên, tôi biết. Lâu lắm rồi, thỉnh thoảng người nào đó nhận được lá thư, ghi vài câu cách ngôn, hoặc chuyện thất thiệt nào đó. Người nhận được phải sao y bản chánh khoảng 20 bản, rồi gửi cho người quen hoặc chưa quen. Cuối thư, bảo là ai không chịu sao y thì bị Thượng đế trừng phạt, còn như sao y thì sẽ được hưởng phước, tai qua nạn khỏi.

Tôi đáp:

– Thiên linh chuối mà người ta gửi đến nói chuyện gì?

Chàng trai nọ, nói giọng thật thà:

– Không biết đọc, không nhà cửa thì ai gửi cho, tôi không được biết. Một người trong xóm nói rằng trong đó chỉ ghi một câu thôi : “Ở núi Bà Đen, Tây Ninh, ngày mùng 7 tháng giêng, có một con heo bị trời đánh, hoá ra cục đá. “Ai tin thì tin, không tin thì thôi.

Chuyện đào đất tìm kho tàng, mớ tóc trong quan tài lâu ngày hoá ra cá trê, con heo hoá đá...phải chăng là kiểu loan tin của nhóm nào đó. Tôi cười thầm. Về nhà, chợt nghe tiếng heo kêu eng éc, đúng là con heo tơ mà mẹ tôi đang nuôi đã bị nhốt trong cái giỏ tre, người lái heo khiêng nhẹ nhàng, mẹ tôi đi theo sau, lấy tay chùi nước mắt.

Ghe heo đã đi, tôi ngậm ngùi hỏi:

-Má buồn làm chi dữ vậy?

-Thà rằng nuôi đúng tạ mà bán, ít buồn hơn. Con heo này mới bốn tháng, đang mập, nuôi thêm vài tháng nữa thì giá cao hơn. Tội nghiệp nó cũng tội nghiệp cho má.

Phải bán con heo tở để lo đồ đạc cho tôi đi học, gần ngày tựu trường rồi...Một hôm, ba tôi ngồi hút thuốc một mình tới nửa khuya. Tôi thức giấc, đến uống nước trà. Ba tôi nói, bình thản:

– Ba thấy cuộc đời không phải như vậy hoài. Tụi Nhật Bản lên phía U Minh Thượng, xa lắm, đưa tiền cho dân phá rừng để trồng đu đủ dầu, nói rằng để lấy hột đu đủ chế biến dầu nhót dùng cho máy bay. Ba hồ nghi tụi nó dò thám rồi làm cái sân máy bay. Nghe nói hai ba thằng lính Nhật, thêm đưa làm quan Hai đi tới đi lìa, chụp hình. Tụi mật thám của Tây đi theo, xua đuổi không cho dân mình lại gần.

Nghe nói còn nhiều người đi theo nó, mặt mày hung tợn lắm. Nó hứa sẽ đưa tiền để phá rừng.

Nên đi Cần Thơ gấp. Tôi mong đến ngày tựu trường. Cha tôi ra tận chợ Rạch Giá, vác cái rương bằng mây, sợ tốn tiền đi xe kéo. Thái độ tự tin khiến tôi mạnh dạn hơn, đầu sao đi nữa; mình cũng đã ở Cần Thơ được gần một năm rồi. Ba tôi hãnh diện, nói chuyện với số học sinh cùng lên xe đò. Nhiều năm, cả tỉnh Rạch Giá không một ai đậu vào trường công, huống chi lại được học bổng ! Phần lớn học sinh cùng đi chuyến xe với tôi là con nhà khá giả, họ học trường tư thục. Tỉnh Hà Tiên nhỏ bé, nhiều năm liên tục không một đứa nào đậu vào trường công.

Đến Cần Thơ ngủ tại nhà mà tôi đã trọ, tôi vẫn chưa yên tâm. Đến hôm sau, khi nạp cái hồ sơ được học bổng cho văn phòng, tôi như bị sét đánh. Chỉ được cấp phần nửa học bổng mà thôi ! Sáng, tự lo ăn sáng, đến trường vào lớp, trưa được ở lại ăn cơm, tan buổi học chiều là phải về nhà ở ngoài. Viên thư ký của nhà trường mỉm cười:

-Ráng học, rồi sẽ được ở nội trú “trăm phần trăm”.Mấy đứa đậu cao lắm khi là con nhà giàu, không nhận chế độ học bổng. Chừng đó sẽ “đôn” lên. Chờ 6 tháng.

Học với nhiều giáo sư, chia ra bộ môn rõ rệt, bài giảng toàn bằng tiếng Pháp. Một hai “bà đầm” trực tiếp dạy Pháp văn cho mấy lớp đệ tam, đệ tứ, hai năm chót chuẩn bị thi lấy bằng Trung học, gọi nôm na là bằng “đíp lôm”. Khôi hài nhất là giờ ôn bài tự do, lại cấm đọc sách chữ viết, hề muốn thì phải trình với vị giáo sư Việt văn để xin duyệt cho phép đọc. Tôi hiểu là muốn cấm các tựa sách mang tính chính trị, trực tiếp hoặc gián tiếp chống thực dân. Thỉnh thoảng, các vị giám thị cũng bắt gặp vài quyển, cảnh cáo hoặc đưa lên hội đồng kỷ luật, học sinh có thể bị đuổi, mặc dầu các sách ấy đã bán tự do ở hiệu sách ngoài chợ.

Học được một tháng, tôi được vị giáo sư Pháp văn gọi lên bục giảng để khen ngợi về bài luận văn, đại khái lấy đầu đề là Mùa gặt lúa. Tuần trước vị này khuyên học sinh nên tả thật, ghi lại sự kiện và tình cảm thật. Tôi đã tả vụ gặt lúa ở ven rừng, gần nhà, hồi ở U Minh. Phá rừng cây lúa, vì vậy trong thửa ruộng còn lờm chờm những gốc cây chừa lại, cao khoảng 50 xăngtimét, trên đó sẽ treo những bó lúa vừa gặt xong gom nhóp lại. Chim trời bay lượn, đủ loại vì gần biển, dưới chân người gặt thỉnh thoảng gặp rùa, rắn, lươn đang cựa quậy. Muỗi vo ve, mặc dầu đang giữ ban ngày. Người gặt đứng cô đơn, rải rác phía xa, vài người cũng gặt với tiếng ca Vọng cổ nghe thoáng hơi buồn. Tùy ý, ai thấy mệt thì về. Cảnh tượng này khác với ruộng vùng Cần Thơ, nơi dân đông, năm bảy người gom lại, đứng gần mà gặt, trông vui vẻ, tha hồ trò chuyện, kiểu vắn công, đối công. Để kết luận tôi cho người làm ruộng ở xứ U Minh là những “anh hùng vô danh”.

Về sử học, dạy lịch sử Pháp và Việt, nhờ đọc sách báo ngoài lớp, tôi ghi vào bài học những tình tiết rườm rà, vị giáo sư dạy sử ngạc nhiên, khen ngợi. Vị này đáng kính, ông Nguyễn

Thượng Tư. Lúc giảng bài về Nguyễn Tri Phương nhin ăn, không chịu cho thực dân băng bó thương tích, ông như rơm rớm nước mắt. Cũng như trường hợp Hoàng Diệu thất cố tự tử.

Buổi chiều, học sinh được giải trí, đá banh (bóng) trong sân to rộng của nhà trường, lại còn nơi dành cho bóng chuyền, bóng rổ. Nhưng một số đông thích âm nhạc, tập đàn hát những bản ăn Pháp phần lớn ca ngợi tình yêu trai gái của nhạc sĩ đang ăn khách là Tino Rossi. Nhiều học sinh dạo đàn măngđôlin hoặc ghita. Trong khi ấy, nhiều cậu mang đàn ghita, kiệu phím lờm để đàn Vọng cổ, có bạn tâm giao ca nghe mùi mẫn. Tên tổng giám thị, người Ấn Độ quốc tịch Pháp nổi danh nghiêm khắc đứng nghe, trên nguyên tắc, hắn không được quyền cấm, nhưng lời lẽ bài hát nói lên những gì hắn không hiểu; Hắn cười mỉa mai, cho đó là thứ nhạc du dương lạc hậu, yêu cầu người chơi dịch ra tiếng Pháp vài đoạn. Một học sinh nghiêm giọng:

- Đây là nhạc dân tộc, lời lẽ lãng mạn, không dịch được rõ nghĩa vì Đông phương khác với Tây phương. Thí dụ như Tây phương ôm nhau khiêu vũ trước đám đông, còn Đông phương thì nhìn mây bay, nghe gió thổi mà nhớ ông bà xưa, đời vua Tự Đức, khi chưa mất nước.

Tên giám thị hơi giận:

-Nên cẩn thận !

Anh bạn đang đàn Vọng cổ trọn mắt:

-Cha tôi là đại điền chủ, là hội đồng quản hạt của nhà nước thuộc địa Pháp, được phép sắm súng để phòng ăn cướp, có huy chương canh nông của Pháp, huy chương Vàng của vua Bảo Đại, huy chương Đồng của vua Sovath Monivong nước Cam bốt.

Khi tên giám thị bẽn lễn đi khuất, anh bạn cười giòn:

-Nó là thằng dân mất nước, ở cảng Bom Bay, Ấn Độ, nịnh Tây rồi qua đây làm trời. Tao nói dóc cho nó ngán chơi.

Ngồi chơi buổi chiều, tôi còn nghe chuyện vài người bạn ở lớp trên đang bí mật ra báo, làm báo bí mật thì nhất định bị đuổi. Mấy anh học cấp trên chuyện báo cho nhau, in xu xoa (thạch), chưa dám cho tụi con nít mới vô trường như bọn tôi xem. Sợ đổ bể.

Cuối niên học, được cấp học bổng trọn vẹn, tôi về quê, cha mẹ vui mừng khôn xiết. Quần áo khỏi sắm thêm. Tuy khiêm tốn nhưng mẹ tôi hằng hái bơi xuống, xuống xóm đình, nơi quần cư quan trọng nhất của làng, khoe rằng tôi được học bổng, vài năm nữa nhất định sẽ được làm thầy thông, thầy ký. Về nhà, má tôi nói trong bữa ăn :

-Nó còn nhỏ tuổi, đang đi học vậy mà bà hương chủ nói giòn rằng nếu đồng ý thì bà sẽ gả con gái cho.

Ba tôi cứ khẳng định rằng phải học “ba cái chữ nghĩa” rồi tính sau. Cỡ này ở đâu coi cũng “nhộn”.

Nhộn là tiếng mơ hồ, khó hiểu, nhưng tôi hiểu rằng “nhộn” trong bối cảnh xã hội bấy giờ là sắp xảy ra biến cố, cũng như đời sống đang yên lành chợt xảy ra dịch tễ, như thổ tả, giết chóc người trong đôi ngày, không thầy nào trị được. Đến ven rừng dạo chơi, gặp mấy đứa thanh niên lớn tuổi hơn mời uống rượu đế, chúng nó bảo với tôi :

-Sớm muộn gì, tụi này cũng...làm ăn cướp !

-Súng đạn đâu ? Coi chừng Tây bắt !

-Con ông cai tổng B. đứng ra lập đảng cướp, ai dám đụng. Đó là cậu Bảy, tính chuyện ăn cướp “làm nghĩa hiệp”, lấy tài sản nhà giàu chia cho nhà nghèo... Ông cai tổng có súng, bọn lính kín tới đây muốn bắt ai cũng phải hỏi ông. Ông đi Sài Gòn thăm bà con rồi trở về, mặt mày nhẵn nhụi, gom vàng bạc, lớp thì đem chôn sau vườn dừa, lớp thì gởi ngoài chợ Rạch Giá. Cậu Bảy, con trai ông cai tổng đã lanh tay ăn cắp khẩu súng trường của nhà nước phát cho, giấu trên ngọn

cây dừa. Đi theo cậu Bảy làm ăn cướp thì ai dám đụng tới mình. Vả lại cậu Bảy thề chỉ ăn cướp ở quận khác chứ tuyệt nhiên không khuấy phá làng mình. Đã đánh một trận rồi, bên Giồng Riềng. Tụi này ăn nhậu no nê, say sưa be bét, muốn mang bệnh.

Không bao giờ đời nay mà còn những người khờ khạo đi làm nghĩa hiệp. Bằng có là không nghe bọn trẻ này nói tài sản cướp giật được đã đem phân phát cho ai.

Về nhà, tôi đọc mấy tờ báo rách, dường như là Tiểu thuyết thứ Bảy hoặc báo chí chi đó lượm lặt từ Cần Thơ. Tôi thích và khâm phục tài năng của nhà văn Nguyễn Hồng, trong truyện ngắn nọ mô tả cảnh gia đình nghèo, ban chiều mẹ đem cái nồi ra, rang mấy hột bắp, bắp nổ tung vỏ trắng như bông, mẹ con quây quần lại mà ăn, vui vẻ lạ thường. Lại còn chuyện anh đánh xe ngựa chở khách, vất vả nhưng lạc quan, hành khách ít, nhưng đành lên xe, anh quát roi, xe lăn bánh trong cảnh hoảng hân, “Chuyến xe cuối cùng về Đờ Sơn.” Tiếp cận với truyện Kiều, đọc qua :

-Rằng nghe nổi trên cầm đài,

Nước non luống những lắng tai Chung kỳ.

Đơn giản mà sâu sắc, 14 chữ vượt lên cao, đến nơi cao nhất của tâm linh, bao quát cả không gian, thời gian.

Câu thơ thì hay, nhưng không khuấy khỏa được tâm hồn tôi. Linh tính như báo trước một cơn giông tố sắp đến, một cơn giông tố cần thiết. Phải tìm một trật tự mới kiểu khác. Rừng U Minh mà ông bà cư ngụ bấy lâu nay chẳng lẽ cứ mờ mịt, buổi chiều, ăn cơm tạm no rồi thì đốt lên bếp un cho tan muỗi, chờ lát nữa ngủ. Thiếu thông tin chính xác, thiếu sách báo, nếu có thì chẳng mấy ai đọc, chưa nói đến hiểu, muốn hiểu ít ra cũng biết mơ hồ về bản đồ thế giới. Giá sinh hoạt mỗi lúc mỗi cao, thêm đồng tiền càng ngày càng khó kiếm khiến ai nấy lo quanh quẩn. Đến như dịch sốt rét đã giảm từ lâu lại bộc phát, thuốc kí ninh nếu dám mua với giá cao cũng chẳng thấy bán.

Ngày tựu trường, tôi không tha thiết cho lắm, các giáo sư như mặc xuề xòa hơn, thích nói chuyện, đôi khi, đến giờ dạy mà vẫn còn nói chuyện riêng với bạn đồng nghiệp.

Tham ông quản Bò, ông mừng rỡ lắm, cứ khuyên :

-Thuận lợi để chống thực dân, nhưng ngày càng khó. Em còn nhỏ quá, chưa làm gì được. Thấy dễ mà khó lắm.

Năm ấy, bỗng dưng mặt bằng của trường trung học Cần Thơ bị giải tỏa hết phân nửa, dời qua dãy nhà dành cho trường tiểu học nữ. Phần lớn trường trung học dành làm trại lính tập, hiểu là lính chính qui người Việt, đủ súng đạn, tập dưới đảng hoàng, do vài sĩ quan Pháp và một số sĩ quan người Việt (thường mang quốc tịch Pháp chỉ huy). Hằng tuần, họ điều hành một buổi sáng, trông uy nghi lắm. Một sĩ quan Pháp cấp tá cưỡi ngựa, cầm gươm dẫn đầu, lính đi rập ràng theo tiếng kèn đồng. Theo sau, có vài khẩu trọng pháo. Quả là thực dân Pháp còn mạnh, họ muốn thị uy tại Cần Thơ, thủ phủ miền Tây Nam Bộ. Học sinh mãi mê nhìn xem diễu binh, quên chuyện học hành.

Nữ học sinh tiểu học (ở ngoại trú) học ở dãy sát bên. Hôm nọ, học sinh tiểu học ra chơi xếp hàng hai, trông thơ mộng lắm. Đi chân đất, áo bà ba trắng, quần đen. Vừa đi ra khỏi lớp, vừa đọc bài thơ rập ràng, ngân nga như bài dân ca:

Gió mây đuổi giấc mơ màng,

Tĩnh ra thấy ánh trăng vàng bên chăn.

Trước cửa sổ đầy sân những bóng,

Cành lá đen lay động dạt dờ,

Một cơn gió vội vàng qua,

*Hương bay ngào ngạt mấy tờ chuối xanh.
Gió lay động bức màn vắng vẻ,
Muỗi bên màn se sẽ than thân.
Sâu tường rủ rỉ âm thầm,
Nói muôn đêm, một tiếng ân hận dài.
Đế chân cỏ xiết mài bóng tối,
Bờ lau xa quốc gọi buồn theo,
Trời khuya rạng rỡ, đều hiu
Thoáng nghe lọt tiếng sáo điều trong trăng !*

Nghe hàng chục lần, tôi nhớ mãi, mỗi lần nghe càng thấy ám áp, tự tin. Mô tả cảnh đồng quê đầu ở miền đồng bằng sông Hồng nhưng quá thân thuộc, không xa lạ cho lắm mà lại giới thiệu được bối cảnh thơ mộng của Việt Nam cũng như của Đông Nam Á nhiệt đới. Có mặt đủ loại côn trùng vô ích như muỗi, đê, sâu. Cách diễn đạt như khó hiểu “sâu tường”, “đế siết mài bóng tối” nhưng cần gì thắc mắc để phân tích, hơi thở của thơ bằng bạc trong môi trường, ăn trực tiếp qua da thịt, vào xương máu, buồn buồn như nỗi “ân hận dài”. Các cô học sinh, giáo viên vào giờ ấy chắc không lý luận như tôi để hiểu, thả hồn vào thơ Việt Nam là đủ rồi. Đến nay tôi còn nhớ, chắc sai lệch vài chữ nhưng các cô đã 70 tuổi hơn, nếu còn sống chắc cũng nhớ thấp thoáng như tàu lá chuối khô còn vương vãn mấy giọt mưa đầu mùa, lúc còn xanh non. Sau này, được biết là thơ của Thế Lữ, trong Mấy vãn thơ. Đạo ấy để mị dân, Nha Học chính Đông Pháp bày việc cải cách chương trình Việt văn. Nhưng trễ quá rồi, cũng như để tác động chính trị cho dân Việt và giới học sinh, đặt thêm môn học Văn hoá Việt Nam, dịp cho học giả Đào Duy Anh biên soạn quyển Việt Nam văn hoá sử cương, đến nay vẫn còn giá trị, về cơ bản.

Vào lớp, tôi ngồi học cầm chừng, cứ chờ ngày chủ nhật xin phép ra chơi, ăn cơm ngoài cho đến 8 giờ tối mới vào trường. Đi thăm ông Bảy Ngân dưới phà, rồi thăm ông quản Bò người bị quản thúc. Dường như vì bệnh già, ông tránh tiếp chuyện một cách khó hiểu.

Lại đọc báo lén, trong trường cầm đọc báo. Hay tin cụ Phan Bội Châu đã mất, tin tức đăng vài hàng nhưng may thay, có kèm bài thơ chót của ông, nhiều học sinh chép chuyền nhau, đọc tới lui đến thuộc lòng: “Mạc sầu tiền lộ vô tri kỷ. Thiên hạ tùy nhân bất thức quân ? Bấy mươi tư tuổi trót phong trần...Nay đang lúc tử thần chờ trước cửa. Có vài ghi nhớ về sau.Chúc phùng hậu tử tiến mau.” Phùng hậu tử gồm người trẻ, trong đó có học sinh. Lại còn lời cụ Phan phúng điệu lấy mình: “Thiên hồ nhiên, địa hồ nhiên, tử dĩ đồ hư...tích hung trung mai Khổng Mạnh”. Trời làm sao, đất làm sao, chết luống đã phần, dưới đất tiếc vui lòng Khổng Mạnh ! Nghe qua, thì hiểu, nhưng làm sao hiểu hết tấm lòng của người chí sĩ quá cố. Mãn cuộc đời bôn ba, còn được mấy lời. Không ai đọc lớn, chỉ đọc thầm hoặc lẩm bẩm cho mình nghe. Nét chữ in đen đúa, thâm thấu vào tâm thức của một thanh niên gầy yếu mới 14 tuổi là tôi. Quên làm sao được !

Nếu tôi không lầm thì năm ấy bên Pháp thống chế Pê-tê (Pétain) đã được Đức phát xít dựng lên, tiêu biểu cho nhóm đầu hàng. Ở Đông Dương, phe đầu hàng Nhật cũng thắng thế. Lại có phong trào Quốc Gia phục hưng, Pháp Việt phục hưng, nhằm đề cao tinh thần “quốc gia thuần túy” mà tán thành mạnh nhất là giới điền chủ lớn tuổi, công chức, độc phủ sứ. Nói ra dông dài, làm phiền lòng giới trẻ “sống vội”. Gương Nguyễn Ánh cầu viện Pháp hồi cuối thế kỷ thứ 18 được nêu lên. Tội nghiệp cho ông Phan Thanh Giản. Trường trung học Cần Thơ được đổi là Phan Thanh Giảng (có chữ G) với buổi lễ tổ chức long trọng tại sân trường, với những bài diễn văn, giả như nước Việt Nam sắp sửa được ban bố độc lập. Những màn trình diễn thể dục trở

thành thời thượng. Quần cụt xanh, áo sơ mi trắng, giày bố trắng như một kiểu dân chủ bình đẳng, không phân biệt giàu nghèo. Đến như ông Á-lich-son Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes) bày ra chữ quốc ngữ, La tinh hóa, cũng đề cao là kẻ đồng loã với bọn phát-xít ! Nhưng che giấu làm sao được. Thực dân tự lột trần, còn hơn lột mặt nạ, với cuộc Nam Kỳ Khởi Nghĩa tháng 11 năm 1940. Lính cảnh sát đi đầy đường, tuần tiểu gắt gao nhất là về đêm, cũng về đêm, các giám thị theo dõi học sinh nội trú, khuyên nên đi ngủ sớm, đóng cửa sổ kín, không nên nhìn xuống đường phố. Chuyện gì xảy ra đây ? Vài hôm sau, vừa thức dậy, học sinh được khuyến cáo là không nên dụi lại trò chuyện, cứ tập thể dục, đá bóng, tắm rửa sơ sài, ăn buổi sáng. Vài học sinh đi cầu vệ sinh (bố trí sát tường rào) vội vã đến bên tường nhật và đọc những mảnh giấy in nét mực khá rõ, kiểu in phức bản với mực tím đậm viết trên lớp xu xoa (thạch). Lính cảnh sát từ ngoài đường vào đến lớp học, đứng sát cửa lớp trông vào, dáo dác. Viên hiệu trưởng đi tới lui, lạnh lẽo. Các giáo sư thì dụi năm dụi ba, nét mặt nghiêm nghị. Cảnh sát và giám thị ra lệnh :

-Ai thấy giấy gì khổ nhỏ, có in chữ thì đem nộp ngay cho văn phòng ! Đường như vài học sinh đã nộp. Một giáo sư người Việt nói với đồng nghiệp rằng đã thấy truyền đơn của Đảng Cộng sản rải trước phòng hiệu trưởng.

Vào lớp, học trò im lặng, lát sau, viên chức “chạy giấy”(planton, lonton) đến từng lớp, đưa tờ châu tri mà giáo sư đọc riêng rồi tóm tắt rằng: Ai lưu trữ truyền đơn thì bị đuổi, với hậu quả không đo lường trước được.

Nghe giảng bài lấy lệ, học trò nhìn ra cửa sổ, lính tập người Việt từng tập dượt hồi mấy tháng trước ngồi đầy xe ô tô. Trường trung học đã trở thành một trại lính, bây giờ mới thấy rõ nét. Buổi chiều, học sinh cũng đá bóng, đánh bóng chuyền nhưng uể oải. Tại sao không cho học sinh nghỉ học cho yên ổn ? Đến ngày chủ nhật, phần lớn xin ra ngoài, trọn ngày, 8 giờ tối trở vào trường. Dân chợ phố cũng ăn uống, nhưng dụi lại từng bàn, có lẽ để thông báo với nhau chuyện, gì đã xảy ra. Ngồi ăn gói xôi một mình trong quán, tôi thêm cà phê đen. Không thấy mùi vị gì cả. Đến thăm mấy “đàn anh” để hỏi han tình hình chẳng ? quá nguy hiểm cho các vị ấy. Đi dạo xem mầu bàn bida, thấy trống vắng, chờ một anh bạn học rủ rê.

Ngôi nhà việc Tân An là kiểu ủy ban thị xã, có lầu và rộng. Dân chúng qui tụ khá đông, nhưng không được đến gần phía mặt tiền. Hai chiếc xe nhà binh đậu từ bao giờ, trên xe nào heo, gà, vịt, những món mà bọn lính cướp giựt lúc đàn áp. Cây mình là học sinh trường trung học, mặc đồng phục trắng, thêm phù hiệu thêu 2 chữ C.C (collège de Cần Thơ), hai đứa tôi bước chậm rãi qua bên đường, sát mấy chiếc xe nhà binh. Mấy bánh xe quả thật đã cán trên máu thịt của người khởi nghĩa, còn mấy sợi dây khá dài cũng dính từng khúc, máu đông lại, trở ra màu đen. Hàng chục tên lính nai nịt gọn gàng, súng gom lại dựng đứng, đang ăn bánh mì. Anh bạn tôi hỏi vu vơ mấy chú lính :

-Bắn được chừng mấy người ?

Một người lính mang quân hàm ở cánh tay cần nhả:

-Hỏi chi vậy ? Mệt thấy mẹ. Hai đêm rồi không ngủ được.

-Tại sao bắn dân mình ?

-Hỏi chi vậy? Mấy ông xáp vô, đốt dinh chủ quận, giết lính mã tà. Bắn chỉ thiên mấy lần mà họ cứ ào tới. Diễn thuyết tại chợ, có một cô gái đứng trên cái ghế cao kêu gọi “tiêu diệt thực dân”. Dân đang nhóm chợ đã tản lạc nhưng cô ta diễn thuyết hoài, không còn ai nghe mà cứ rống cổ kêu gọi này nọ. Bắn mấy phát không biết chết cô ta hay không?

Bạn tôi nhìn mấy viên hạ sĩ Pháp đang hút thuốc :

-Ô- là-la !

Bọn Pháp khoát tay xua đuổi. Nhưng bạn tôi vẫn ung dung:

-Très bien. Très bien ! (Tốt lắm. Giỏi lắm)

Tối đến, vào phòng ngủ công cộng của bọn học sinh nội trú, tôi thấy ai nấy như trầm lặng, nói chuyện khẽ. Còn chừng mười phút nữa đến giờ tắt đèn ngủ, tôi hỏi một người bạn, kỳ kèo mượn cho bằng được tờ truyền đơn mà hôm trước tôi đọc quá nhanh.

Vào cầu vệ sinh, có đèn sáng. Ở góc tờ truyền đơn, vẽ sơ sài một đóa hoa, vài chiếc lá. “Hỏi các bạn học sinh, những đóa hoa của dân tộc !” Lại phân tích tình hình thế giới, khó hiểu quá. Có nhắc đến tinh thần tranh đấu đời bà Trưng, bà Triệu...Kết thúc lại, kêu gọi toàn thể đồng bào nổi dậy với lời chào quyết thắng ; Rồi một thời gian ngắn, lại nghe tin, do các bạn ngoại trú báo là sẽ xử tử công khai vụ Hòn Khoai ở mũi Cà Mau. Đã giết được tên quân đốc ngọn Hải Đăng. Người cầm đầu khởi nghĩa là thầy giáo Phan Ngọc Hiền bị bắt, sẽ xử tử, cho dân chúng xem. Hòn Khoai thuộc về cực Nam, liên quan về khu vực an ninh với Cần Thơ. Hôm ấy, như là ngày chủ nhật, một số học sinh nội trú xin ra trường chơi. Tôi và vài người bạn đến chứng kiến. Vào lúc hùng sáng, đồng bào qui tụ khá đông. Tôi nhớ là pháp trường dựng ở sân vận động tỉnh. Ráng chen vào nhưng khó chen. Thấy phía trước khá đông người, có đàn bà, ông lão, đoán chừng là thân nhân của tử tội. Lát sau, xe ô-tô đưa tới ba người, bị còng tay, dường như đã bị mất sẵn. Buộc vào ba cây trụ. Các tội nhân đi chậm rãi, tinh táo. Lính sắp hàng, bồng súng lên. Một sĩ quan Pháp rút gươm hô khẩu lệnh. Súng nổ, tội nhân ngã gục, họ được hưởng thêm phát súng lục “ân huệ”. Đồng bào từ từ về, nói chuyện rì rào. Có người báo thầy giáo Phan Ngọc Hiền là người đứng giữa, tại pháp trường. Người khác cần nhằn – đa số là vậy – nói khẽ và chửi nhanh, mơ hồ với hai tiếng Đ.m : “Tội nó giết dân mình.” Quả thật, suốt ngày ấy, đi dạo phố, vào quán cơm bình dân, toàn là tiếng cần nhằn, than phiền. Chẳng nghe ai nói tiếng nào nhìn nhận thực dân đã làm một chuyện “công bình”. Một số người khác thì thủ phận, ở nhà với vợ con và thường ngăn cản không cho con cái đi xem, e gặp chuyện bất trắc. Ở bót Hình cảnh lưu động, đặc trách về an ninh chính trị miền Tây Nam Bộ, nhiều chuyên xe bút bùng chở người để điều tra, từ khám Cần Thơ đưa đến. “Lời chào khởi nghĩa” trong tờ truyền đơn đã là hiện thực, là bài học lớn cho tôi. Bấy lâu, tận nơi xa xôi của Tổ quốc ta, lòng yêu nước của người dân quê, đa số thất học, chỉ dựa vào thần tượng Nguyễn Trung Trực, nay có thần tượng cụ thể là Phan Ngọc Hiền. Yêu nước nào phải là đọc sách nghiên cứu suông. Không thể dựa vào tư liệu mà chê khen. Không thể lý luận khô khan, khen ba điều, chê bảy điều, kiểu “chánh khách xa-lông”. Phải hội nhập.

Một anh bạn cùng lớp với tôi đã “hãnh diện”hôm vị giáo sư Pháp văn ra đầu bài đại khái: “Lớn lên, anh sẽ chọn nghề gì ?” Phần lớn theo kiểu sáo mòn, cho qua buổi, làm bài với sự lựa chọn hợp ý vị giáo sư, sẽ làm thợ mộc để xây nhà cửa, sẽ làm ruộng, nước Việt Nam sẽ trở thành khu vực nhiều lúa nhất thế giới, ao ước làm y tá để trị bệnh cho người nghèo ở chốn rừng sâu nước độc...Nhưng anh bạn của tôi lại viết một bài gây sừng sốt cho cả lớp học. Anh bảo rằng mình là con nhà giàu, tuy kém hơn giới “công tử Bạc liêu” nhưng muốn gì thì làm được nấy ! Lớn lên, không cần bằng cấp, học vị, anh sẽ đi chơi, với chiếc ô-tô và anh tài xế. Anh đã biết hút thuốc thấy vui và ngày chủ nhật, anh cũng uống rượu bia. Anh sẽ trở thành điền chủ lớn, thừa hưởng gia tài của cha mẹ. Sẽ dạo chơi ra Huế, đi Hà Nội, xem điện Ảng-co rồi qua Pháp cưới vợ người Pháp, một cô tài tử điện ảnh, rồi ăn chơi, làm chủ một tờ nhật báo lớn bên Pháp để hưởng cái tự do dân chủ ở xứ đã phá ngục Bắtti¹ năm 1789.

¹ Bastille.

Anh bạn cũng khen ngợi bọn lính Pháp, khi thấy mấy chiếc xe quân đội đi đàn áp ở Tam Bình về, với gà vịt, heo !

Vị giáo sư tóm tắt bài làm của bạn tôi, giọng mỉa mai. Học sinh lúc đầu còn che miệng, nhưng đến phần chót thì cười ầm lên và vị giáo sư Pháp vẫn cũng cười, lắc đầu. Lúc ấy, tình cờ viên hiệu trưởng đi ngang, ghé lại. Giáo sư ra sát cửa, nói qua lại vài câu rồi cười. Vào lớp vị giáo sư tuyên bố, giọng khá to:

-Gần như lạc đề ! Nhiều điều tưởng tượng điên khùng ! Nam Kỳ thuộc địa của Pháp chứ không phải là nước Pháp.

Anh bạn của tôi cười. Giáo sư trả lại bài tác văn đã làm. Anh bạn như không chú ý, về chỗ ngồi với bàn tay không.

Lễ Nôn năm ấy, tôi nhớ rõ, nhà trường ra lệnh cho học sinh nội trú không được về nhà nghỉ dài hạn. Họ phải ở lại nhà trường? Lệnh này áp dụng gắt gao cho những ai quê quán ở Vĩnh Long, Cần Thơ (Cầu Kè, Trà Ôn), chợ mới (Long Xuyên), Cao Lãnh (Sa Đéc). Ai cũng hiểu đó là những khu vực đã xảy ra khởi nghĩa, dân chúng bị giết, nhà cửa bị đốt quá nhiều. Cũng có nghĩa là những nơi mà quân khởi nghĩa đã đạt vài thắng lợi, công sở bị đốt cháy, đường sá, cầu cống bị hư hỏng. Rồi lại có tin vùng chợ Giữa (Vĩnh Kim) thuộc Mỹ Tho bị máy bay oanh tạc, lúc đang nhóm. Học sinh nhìn nhau, bàn tán. Nghỉ học nhưng vẫn vào lớp riêng để ôn bài vở. Tha hồ đọc tiểu thuyết, sách báo, các giám thị đi tới lui cầm chừng. Buổi chiều ra khỏi lớp, lại rộ lên phong trào đàn ca. Bản vọng cổ trôi lên, nhiều học sinh tập dượt, hòa tấu. Bản Vọng cổ quả là hợp thời, với nỗi buồn sâu lắng. Buồn mà không làm ai rơi nước mắt.

Thầy giáo Phan Ngọc Hiến, người lãnh đạo khởi nghĩa ở Hòn Khoai bị xử tại Cần Thơ. Hình ảnh ấy, tên tuổi ấy lần hồi trở thành trù tượng, khái quát. Đầu đội trời, chân đạp đất là vậy. Rồi với Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trở thành biểu tượng cao cả, trở thành một nhân cách lớn mà những người không biết chủ nghĩa cộng sản cũng nhìn nhận trong thâm tâm, lắm khi không nói ra, là có tư cách, có nhân cách. Sau ngày giải phóng 1975, cán bộ ta cố sưu tầm tư liệu, phát hiện thêm cho thế hệ sau biết lúc sinh thời, thầy giáo Phan Ngọc Hiến đã hăng hái viết báo, bênh vực quyền lợi của người dân mất nước.

Kháng Pháp rồi chống Mỹ, bao nhiêu chiến sĩ xuất hiện với tâm vóc ngày càng rộng lớn nhưng chuyện thầy giáo Phan Ngọc Hiến vẫn còn âm ỉ trong tâm tư người địa phương với nhiều chi tiết dễ gây xúc động. Mới đây, cuối năm 2000, trong cuộc thi truyện ngắn, tiểu thuyết (do NXB Trẻ và Hội Nhà Văn TP.HCM tổ chức), một tập truyện nhan đề Ngọn Đèn Không Tắt của nhà văn nữ Nguyễn Ngọc Tư đoạt giải nhất. Ngọn đèn không tắt kể lại chuyện của thầy giáo ở Hòn do một nữ sĩ trẻ thuộc thế hệ sau ngày giải phóng 1975. Cô kể một cách hồn nhiên, như đưa cháu nội nhắc nhở kỷ niệm xưa, gọi thầy giáo là Thầy, không có tên Phan Ngọc Hiến kèm theo, vì kính nể, vì chẳng làm lẫn với ai khác, vào bối cảnh xưa. Không phải tất cả dân dự buổi nói chuyện kỷ niệm khởi nghĩa, nhưng có đủ lứa tuổi tham dự. Người trong cuộc đã chết, người nghe trực tiếp thời ấy cũng chết vì quá già. Thế hệ trẻ chỉ mò mẫm, ráp nối với đôi chi tiết sống động, gây băng khuâng. Khi khởi nghĩa thành công trên đảo mà Pháp đặt ngọn hải đăng, Thầy rút lui và căn dặn mấy người Việt làm công ở đảo phải giữ ngọn hải đăng, đừng cho tắt. Về kỹ thuật bạo động, tôi suy luận, giữ cho hải đăng còn cháy để quân Pháp khi nhìn ra biển, ngỡ rằng ngoài đảo không có gì xảy ra. Nhưng ánh sáng của ngọn đèn ấy không bao giờ tắt lại là niềm tin mãnh liệt mãi đến mai sau.

Vài anh bạn lúc rảnh rang lại thích ca tài tử và có sáng kiến đem bài Tựa truyện Kiều chuyển ra lời Vọng cổ, hát ngêu ngao. Trong Quốc văn trích điểm của Dương Quảng Hàm đã trích bài tựa này, Chu Mạnh Trinh đặt ra, Đoàn Quì dịch :

-Than ôi, một bước phong trần, mấy phen chìm nổi, trời tình mờ mịt, biển hận menh mông... Hỡi ôi, hồn còn biết hay chăng, bóng hoàn bội tưởng ra vào nơi Lạc phố. Hiểu là Thúy Kiều, người đẹp đeo ngọc đã lên cõi tiên, bắt hủ.

Buổi sáng nọ, trước giờ tập thể dục, viên hiệu trưởng ra lệnh tập hợp học sinh tại sân lớn. Giới thiệu vài sinh viên Đại học Hà Nội vào, phổ biến bài hát mới, lời tiếng Pháp, (sau này dịch là Sinh viên hành khúc hoặc Tiếng gọi sinh viên rồi hỡi ôi, trở thành quốc ca của thời Diệm, đổi lời ca chút ít). Trong số sinh viên Hà Nội đến trường Phan Thanh Giản, tôi nghe giới thiệu nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, sinh quán Ô Môn, tỉnh Cần Thơ, đã học trường Cần Thơ này, đang học Đại Học Hà Nội. Ngoài ra còn đôi người nữa, tôi không nhớ. Lại nói thêm rằng Lưu Hữu Phước là học sinh ưu tú nay về thăm trường cũ. Lưu Hữu Phước hát, đánh nhịp cho học sinh hát theo. Bài này gây phấn khởi lạ lùng, học sinh được phân phát một người một bản để sau này sử dụng.

Một sự kiện lịch sử đối với tôi là đón tiếp vua Bảo Đại, do chánh quyền Pháp ở Cần Thơ tổ chức. Học sinh đóng vai chủ động, múa điệu thể dục nhịp nhàng, cầm cây gậy tròn, sơn màu cờ tam sắc, quơ qua quơ lại, nghiêng mình, quì gối, đại khái kiểu thể dục nhịp điệu của thiếu nữ ngày nay. Vua và Hoàng hậu đến, ai nấy phấn khởi, như dành cho thiên cảm vì tự trong tiềm thức, mình là nước mấy ngàn năm văn hiến mà không có ông vua thì vô duyên quá ! Lính mã tà xếp hàng rào danh dự chờ sẵn. Dân ngoài đường, ngoài cổng ung dung đứng xem, chấp hai tay sau lưng. Vài cụ già khăn đen áo dài, che dù đến, chấp tay xá khi vua đi ngang nhưng động tác ấy xem như lạ. Vua còn trẻ, mập mạp, mặc hoàng phục màu vàng, khăn vàng. Nam Phương hoàng hậu theo sau, bẽn lẽn. Cả hai ngồi xuống hàng ghế đầu, bên cạnh quan Pháp. Lại có người mặc áo xanh, khăn xếp, có lẽ là Phạm Quỳnh. Vua không nói gì cả, mỉm cười, nhìn thẳng Hoàng hậu cầm cây quạt, xoè ra che miệng, nghiêm nghị nhưng trông như vui. Nói chung, dư luận cho rằng bà Nam Phương mặt mày trông “phúc hậu”, xứng đáng hơn... ông vua. Dựng ý của thực dân và của bọn quân nhân Nhật đang lộng hành là muốn tạo dư luận về kỷ cương của “quốc gia”. Dân đứng phía xa cứ dùng tay chỉ chỗ, phải chăng nhà vua như thấy bức bối ? Quả thật, vua chỉ là khách, xứ này là thuộc địa Pháp, đến xem vì tò mò. Đọc báo thấy nước An Nam buổi ấy có bản Đảng đàn cung, một kiểu quốc thiều nhưng nhạc ấy có trôi lên hay không, chẳng ai biết ! Vài huấn luyện viên thể thao, do Pháp đào tạo ở Phan Thiết đưa về đã trình diễn, sắp hình Kim tự tháp, lớp dưới tám người, đứng trên vai họ là 6, là 4, là 2 người. Đến những thanh nữ mặc quần ngắn, sơ mi ngắn, diễu hành rập ràng, rồi thiếu nhi. Thực dân đang suy đồi, cố đàn áp cuộc khởi nghĩa, dường như bỗng dưng còn dạt dào sức sống ! Hằng tuần, học sinh diễu hành trên đường phố Cần Thơ, ca ngợi thống chế Pê-tê (Pétain), Thống chế này thắng Đức hồi Đệ nhất thế chiến (1914-1918) với trận Vécđon² lừng danh lại chịu đầu hàng quân Đức qua trận chiến vừa rồi, ngoan ngoãn làm tay sai. Nhưng cố giữ thể diện qua lời ăn tiếng nói: Nước Pháp cũng như nước Việt, thuộc địa Pháp, cần thức tỉnh, phục hưng luân lý quốc gia để cầu mong giữ được nước. Thanh niên nam nữ diễu hành khắp đường phố, đi rập ràng, phô bày thể lực. Hát rằng: “Ngài thống chế ơi, chúng con có mặt đây, trước mặt ngài là người đang cứu vãn nước Pháp. Xin thể theo chân ngài để phục vụ Tổ quốc”. Lại còn bài tươi trẻ hơn: Một đóa hoa tươi cài trên nón, một

² Verdun.

bài hát nở trên môi. Một con tim vui vẻ và thành thật. Với bao nhiêu điều kiện cơ bản ấy, chúng ta có thể tiến tới nơi xa vời nhất của địa cầu này.

Lại còn sự động viên khéo léo, đánh vào bản năng hiếu chiến như thời còn là bộ lạc, chưa văn minh. Thanh niên lực lưỡng xếp hàng chừng mười chàng, viên trưởng toán chọt la lớn bằng hai tiếng Pháp: “Chú ý. Chuẩn bị xông trận !” Đoàn thanh niên lập tức rùng hai gối cho thấp, hai bàn tay nắm chặt, như hạ quyết tâm ; Rồi cả bọn la lớn, rập ràng :

-Pi, Ha, Hi,

-Pi, Somi, Ladam...

Phải chăng đây là tiếng động viên của bộ lạc nào ở châu Phi, thời tiền sử. Mãi đến nay, đọc sơ qua vài quyển sách về văn minh cổ, tôi vẫn không hiểu. Muốn hỏi, hỏi ai bây giờ ?

Lại còn những cuộc thi khá ngoạn mục, gọi chạy Việt dã (cross country). Họ chạy tắt theo một lộ trình mơ hồ, chỉ biết nơi xuất phát và điểm đến. Ai đến trước thì thắng giải. Gay go lắm. Chạy băng ngang qua vùng đất hoang, nơi có đường sá, nơi sinh lầy, vượt chướng ngại vật, lắm khi phải băng qua vũng bùn đầy gai góc, bụi rậm. Kẻ thắng cũng như kẻ bại khi đến đích được reo hò, nhưng mình mẩy họ ướt mem, lem luốc.

Kiểu tập dượt quân sự chẳng ? Để khi hữu sự thì đánh giặc. Đánh cho ai, vì mục đích gì ? Đáng chú ý là phong trào này khá hấp dẫn đối với dân thành thị đang có khoảng trống tâm hồn. Người xem như thích thú. Nhưng cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ năm trước còn đó, với những chiếc xe lăm máu, với người bị bắt, xô nhượng, đưa lên Sài Gòn, nhốt dưới hầm xà lan, chờ đưa ra Côn Đảo. Những thường dân bị bắn giết, tra tấn dã man. Khám đường chật chội. Sau này được biết thêm ở Cao Lãnh, ở Cai Lậy xảy ra sự đàn áp bắt bớ khôn tả xiết, nhất là Cai Lậy với độc phủ Tâm người “quốc gia” cũng ghê tởm, vượt mức tưởng tượng, gọi hấn là “con hùm xám”. Nhộn nhịp ở học đường và cơ quan là phong trào “khỏe để phụng sự”, “Đoàn kết và mạnh khỏe về thể chất để phụng sự”? Nhưng ai đoàn kết với ai ? Mạnh khỏe để đi lính, phụng sự cái gì ? Phải chăng là cho thực dân Pháp đã lừng khừng, đầu hàng Nhật. Singapo một cửa khẩu và căn cứ hải quân, không quân của Anh từ lâu đã lọt vào tay Nhật, Nhật thảo kế hoạch lập khối Đại Đông Á, ra báo chữ Việt, lại có bài ca đại khái với lời lẽ “Ta là người Việt Nam... Á TẾ Á”. Á TẾ Á là Á châu, Anh gọi là Asia, viết theo chữ Hán. Lại có Nghĩa sĩ đảng do người Nhật thành lập, thủ lãnh ở Cần Thơ là người Việt với người đẹp luôn luôn đi bên cạnh. Vài người Nhật mang gươm, với quân hàm, theo sau là mười người Việt và một vài lính Nhật mà thiên hạ bảo đó là người Trung Hoa bị bắt đi lính ở Mãn Châu, hoặc người Mông Cổ (?). Lại đồn rằng mấy người này thuộc đảng Hắc Long có quyền tiền trạm hậu tẩu (?). Thanh niên cứ hát, đi đều bước, thêm số thanh nữ đẹp và khỏe. Ảnh thống chế Pétain biểu tượng của nước Pháp “phục hưng” được trưng bày khắp nơi. Về mặt nổi, bức tranh xã hội như sôi động, nam nữ đang tuổi dậy thì say sưa với lối suy nghĩ mới; phải đẹp, mạnh khỏe về thể xác, giỏi về thể thao, những chuyện lớn lao của cả nước thì đã có các bậc lão thành, các vị chính khách lo rồi. Nên tuân thủ, đừng bày ra lý luận viển vông. Nhưng hồi ôi, ai cũng thấy đó chỉ là bề mặt giả tạo, mỏng manh, lèo lẻo như bó hoa chung bày trong bình đã nứt trong căn nhà đang phá sản. Ai nấy lo toan, nhưng chưa biết lo toan chuyện gì ? Nhất định sắp có việc lớn xảy ra, không tránh được. Dưới biển, có những tảng băng chìm, to tướng đang trôi lơ lửng. Trên mặt biển, chim hải âu bay lượn nhưng sự yên lặng rõ ràng là giả tạo. Thối nát từ cốt lõi. Trong vở kịch của Séchpia³, dường như nhan đề là Hăm lét⁴, một nhân vật đã thốt câu lừng danh: “Có mùi gì thối rữa đang bốc lên từ vương quốc Đan

³ Shakespeare (111954)

⁴ Hamlet

mạch này”. Đến như thơ Lục Vân Tiên cũng được đề cao: Trung hiếu và tiết hạnh được nhìn qua khía cạnh là ngoan ngoãn, sống bám theo hình thức cổ truyền. Trung với nước Pháp, nghe lời nước Pháp đang đầu hàng ; Đến như ca dao, ngôn ngữ của Pháp và Việt cũng được gom góp, tuyển chọn, chứng minh rằng văn hoá Việt và Pháp rất tương đồng, siêng năng, ngoan ngoãn, an phận, tin vào luật quả báo. Nhưng lớp vỏ quảng cáo ấy quá mong manh. Bối cảnh lịch sử đã khác hẳn. Bản Vọng cổ xem như thôn dã, chữ nghĩa mơ hồ, xa thực tế nhưng chứng minh sự trong sáng của văn hoá Việt. Kinh nghiệm này, tôi thấm nhuần được nhờ xem qua Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh và Hoài Chân. Văn nghệ là sản phẩm đa dạng. Trong lúc bầu không khí nóng bỏng, nếu khó tách ta sẽ đánh giá đây là sản phẩm vụn vặt, cầu an, thậm chí gây tác động tiêu cực, ru ngủ...Nhưng nghệ thuật, cụ thể là quyền Thi Nhân Việt Nam theo tôi thấy, lúc bấy giờ quả thật là cần thiết, với mặt chìm, tiềm ẩn của nó. Nó chứng minh rằng người Việt Nam, đã triển khai tài năng của người xưa để lại, qua ca dao, qua chuyện Kiều. Thi Nhân của thế hệ mới chịu khó, chịu vấp vấp để cạnh tranh nhau, theo kiểu cạnh tranh lành mạnh ; Thử đọc lại vài tuyển tập thơ ca của cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, ta gặp nào thơ Đường luật, ca trù, kiểu văn chương thù tạc, lời lẽ công phu, nắn nót, đời sau chỉ nhớ đôi mươi bài hay. Thế kỷ 20 là thời kỳ mở tung với ảnh hưởng sâu đậm của Tây Phương, đặc biệt là văn hoá Pháp, không riêng về thơ ca mà cả về kiến trúc, âm nhạc, hội họa.

*Ngập ngừng mép núi quanh co,
Lung đèo quán dựng, mưa lò mái ngang.
Vi vu gió hút nẻo vàng,
Một trời thu rộng, mấy hàng mây nao.
Nghe man mác, sâu lắng, dễ hiểu, rất Việt Nam.
-Lốp lốp mây nao dùng núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa.
(Huy Cận)*

Hoặc :

Lời kỹ nữ :

*Xao xác tiếng gà
Tiếng ngà lạnh buốt
Mắt run mờ, kỹ nữ thấy sông trôi.
-Du khách đi,
Du khách đã đi rồi.
(Xuân Diệu)*

Phải hội nhập với trào lưu mới, thời đại của phi cơ, điện thoại, tàu chiến.

Tôi đã hiểu tại sao lúc gạo châu củi quế mà Thi Nhân Việt Nam bán giá cao đã thu hút độc giả. Một cuộc tính sổ của giai đoạn thực dân. Tôi nhớ ở trường Trung học Cần Thơ học sinh chỉ mua chừng mười cuốn, chuyền tay nhau mà đọc. Đọc rồi chép. Lứa trẻ luôn luôn lãng mạn, hâm mộ cả người làm thơ. Trong Thi nhân Việt Nam ghi tiểu sử, với ảnh, địa chỉ các nhà thơ, vài bạn thử gởi thơ làm quen, nói chung các thi nhân trả lời rất nhã nhặn.

Thơ Chế Lan Viên khóc số phận người Chăm, mới lạ mà quen thân:

*Chiều hôm nay ngồi đây trên bờ biển,
Ta lặng đếm thử bao nhiêu thế kỷ,*

*Đã trôi trong một phút vội vàng qua.
Ta lặng nghe cả thế giới bao la,
Tụ hợp lại trong lòng muôn hột cát.*

Hàn Mặc Tử được lưu ý và mến mộ với vài câu đơn giản mà trước ông dường như không ai nghĩ đến:

*Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên...
Gió theo lối gió, mây đường mây,
Cành trúc buồn thiu, hoa bắp lay,
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay.*

Rất tiếc là trong tuyển tập này, chỗ dành cho Thâm Tâm và Trần Huyền Trân gần như không có. Tại sao vậy ? Đó là hai nhà thơ đấng cay với thế sự, nhưng là điệu thảm não tích cực. Thí dụ như trong Độc hành ca, đăng báo xuân năm ấy, phải chăng đã nhắc đến Nam Kỳ khởi nghĩa 1940 qua hai câu :

*Ngáng đầu, núi quán mây tang,
Ngó đông lửa cháy, nhòm Nam khói mù...
...Cố nhân ai hỡi người xưa,
Dọn đi tâm sự, đây mưa về rừng !*

Cần Thơ là trung tâm văn hoá-hiểu theo nghĩa văn nghệ. Những năm ấy, sẵn cơ chế về pháp lý, bèn lập Hội khuyến học Cần Thơ với thành phần sáng lập viên là những người đáng cho nhà nước tin cậy: bác sĩ Lê Văn Ngôn (em học giả Lê Thọ Xuân), giáo sư Nguyễn Văn Kiết dạy trung học Phan Thanh Giản, thi sĩ Trục Thần (thơ ký sở Trước bạ)... Tổ chức buổi nói chuyện về Bùi Hữu Nghĩa, về Cử Trị là những nhà thơ có phần mộ ở Cần Thơ. Bùi Hữu Nghĩa gốc ở Bình Thủy. Hai vị này là sĩ phu yêu nước thời Pháp đến. Họ Bùi gốc nhà nghèo, gia đình chài lưới, tới lui vùng rạch Cái Khế, sau đi Biên Hòa học ở trọ nhà bà con, vợ ở Biên Hòa là bà Nguyễn Thị Tồn. Bà nổi danh với thành tích lớn: dám ra tận Huế kêu nài cho chồng khỏi án tử hình vì bị viên bổ chánh Trà Vinh buộc vào tội xúi giục người dân tộc Khơme nổi loạn. Bùi Hữu Nghĩa đã bênh vực quyền lợi khai thác cá tôm (gọi thủy lợi) của người Khơme địa phương. Ông Bùi làm tuồng cải lương ra đời, Kim Thạch Kỳ Duyên như chẳng còn tiếng vang. Ông về hưu khi Pháp đến, giữ tiết tháo, hoạ vận bài thơ của Tôn Thọ Tường (theo giặc), ca ngợi nghĩa quân ở chiến khu, xem bọn theo giặc là loài cáo.

*Hùm nương non rậm, toan chờ thuở,
Cáo loại vườn hoang thác có ngày.
Một góc cảm thương dân nước lửa
Đền Nam trụ cả dễ lung lay.*

Một chi tiết : Khi lâm bệnh nặng, ông khuyên người nhà sờ vào chân, thấy chân bắt đầu lạnh thì báo cho ông biết. Khi người nhà bảo đã lạnh, ông nói bình thản: “Thôi, ta đi”. Rồi tắt thở, êm ái. Hiểu rằng ông đã tu tiên từ lâu, không chủ động được trước tình thế nước mất nhà tan thì ít ra khi nhắm mắt, cũng chủ động trước số phận của cá nhân mình. Nhớ lại trường hợp Tiên Điền Nguyễn Du. Thích tiêu dao đó đây, câu cá ở biển Nam, săn bắn trên núi Hồng, đầu đội khăn màu vàng. Bất đắc chí vì Trịnh -Nguyễn phân tranh, khi gần hấp hối cũng căn dặn người nhà sờ thử

cho biết đôi chân đã lạnh chưa. Bùi Hữu Nghĩa có bài vị tại chùa Nam Nhã, chùa Đạo Minh Sư do ông lão (cũng như vị đại lão hoà thượng trụ trì) nổi danh là Nguyễn Giác Nguyên, một trong những lãnh tụ lừng danh của Nam Bộ hồi phong trào Minh Tân (Duy Tân). Minh Sư là dạng tu tiên khổ hạnh, cơ ngơ tu hành không gọi là Tự nhưng là Đường. Ngoài những buổi trình diễn thuyết về văn hoá dân tộc, hội còn mở cuộc thi văn học. Giải nhất thuộc về Phi Vân, với tác phẩm Đồng quê, gồm nhiều truyện ngắn gây ấn tượng sâu đậm (mãi đến nay, vẫn còn độc giả). Những chuyện vui tươi, gọn gàng. Bấy lâu, nhiều người nhận định ở Nam Bộ chỉ là “văn nói”. Với Đồng quê của Phi Vân, ta thấy “văn nói” nào phải lấy cái máy ghi âm để “thâu băng” rồi phát ra, viên thơ ký đánh máy lại là xong. Đó là một kỹ thuật riêng, đòi hỏi tay nghề, câu nào phải cải biên, nói theo người viết nhạc là “biến tấu” lại, tóm gọn hoặc kéo dài ra. Chữ nghĩa trên trang sách khó diễn đạt lại giọng điệu hoặc bộ tịch của người nói. Về mặt này, tôi thấy Phi Vân lúc bấy giờ đâu khoảng 30 tuổi đã thành công. So với văn phong của Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, luôn cả Hồ Biểu Chánh, ông đã cải tiến một bước dài với “văn nói”.

Phi Vân (nếu tôi không lầm) là người lai Hoa, làm xã trưởng, đã chịu thâm nhập vào dân vùng Cà Mau, đúc kết những nét điển hình, ghi lại những kiểu ăn nói duyên dáng của người Việt từ miền Nam Trung Bộ, người Hoa lai Việt đi khẩn hoang tận vùng Cà Mau. Họ góp phần vào giọng ăn nói đượm vẻ vui tươi nhất là hài hước, khi khẩn hoang, cực khổ, bết tắc những lạc quan. Thí dụ như câu hò dài, mỗi câu đâu cũng 50 tiếng, nói bắt vần, chắc là từ vùng Tiền Giang do dân khẩn hoang đem tới.

Lúc Hội khuyến học hoạt động, tôi buồn phiền vì ở Rạch Giá quê tôi có Huỳnh Mẫn Đạt giỏi về thơ ca. Có người trung bằng cứ về sự giao du thân mật giữa Huỳnh Mẫn Đạt và Bùi Hữu Nghĩa, và chứng minh rằng bốn tuồng hát bội Kim Thạch Kỳ Duyên có phần đóng góp đáng kể của họ Huỳnh. Huỳnh Mẫn Đạt quê Cái Bè (tỉnh Tiền Giang), làm chức tuần vũ ở Hà Tiên, Pháp đánh chiếm, ông về dưỡng nhàn ở Rạch Giá, bấy giờ tỉnh Hà Tiên gồm luôn Rạch Giá, ăn luôn vùng mũi Cà Mau. Bên vợ họ Huỳnh là điền chủ, nhờ vậy mà khi hưu trí ông thỉnh thoảng đi Sài Gòn tham quan cho biết sự đổi mới của “tân trào”. Bấy giờ, chỉ dùng đường thủy, sắm chiếc tam bản có mui, với ít nhất hai người chèo, ngày đêm cực khổ, đường thủy khoảng non 300 kilômét. Theo giai thoại phổ biến, thì khi đến Sài Gòn dạo chơi, họ Huỳnh tình cờ gặp Tôn Thọ Tường. Bấy giờ thắng thế là “Việt gian” nhưng Tôn Thọ Tường vội vã xuống xe song mã, với ít nhiều mặc cảm tội lỗi, xấu hổ. Huỳnh Mẫn Đạt làm bài bát cú, với những câu :

*Đã cam bít mặt cùng trời đất,
Đâu dám nghiêng mày với ngựa xe.
Hón hờ trẻ giống đường dậm liễu,
Lơ thơ già núp cội cây hòe.
Núp nom cũng hổ, chào thêm hổ.
Thà ẩn non cao chẳng muốn nghe.*

Tôn Thọ Tường vội phân trần:

*-Thế cuộc đời đà lắm lắm,
Thiên cơ mâu nhiệm hãy còn nhiều;
Nước non đường ấy, tình đường ấy.
Xe ngựa bao nhiêu, bụi bấy nhiêu.
Hăm hở nhạc Tây hơi trở mạnh,
Nghe qua ngùi nhớ giọng Tiêu thiều.*

Bấy giờ, chưa mở đường xe lửa Sài Gòn -Mỹ Tho, những kiểu tàu cuốc (xáng) chưa đưa qua Nam Bộ hòng mở mang kênh đào nhưng Tôn Thọ Tường dự đoán rất đúng rằng sức mạnh của thực dân nào phải chỉ có bao nhiêu, như đã thấy. Còn nữa và còn nữa. Năm xưa, khi Pháp mới đến, chiếm gò Cây mai, họ Tôn bắt đầu hợp tác với giặc, thấy xốn xang : “Tò le kèn lạ mặt trời chiều”. Nhưng giờ đây, họ Tôn thấy mình quả là có lý khi theo giặc, vì giặc quả là thật mạnh. Cũng là tiếng kèn đồng của quân đội Pháp nhưng nó không phải là “tò le”tro trên nhưng là tiếng kèn mạnh khỏe của thế lực đang lên ! Người theo giặc vẫn nhớ, qua tiếng kèn ấy, những bản Tiêu thiều với 3 hồi 9 chấp, dạng quốc ca của triều đình xưa.

Lũ học sinh trung học chúng tôi bấy giờ quả là cô đơn và rối rắm, chẳng biết nên làm gì. Học thêm quả là vô ích, xa vời, còn về tình hình thế giới và trong nước thì quả là mù tịt. Làm cách mạng kiểu nào đây? Gặp anh bạn bơi lội giỏi từng giới thiệu tôi qua phà Cần Thơ thì biết rằng các người chống Pháp, theo cộng sản đáng tin cậy dường như lần hồi dời chỗ ở vì một đôi người ở Cầu Kè, Tam Bình bị bắt, có thể cung khai. Anh bạn của tôi kết luận, buồn buồn:

-Tụi mình nhỏ quá, chưa được 15, 16 tuổi, không đủ trí tuệ và bản lĩnh cho anh em tin cậy, lúc khó khăn này. Dường như Pháp và Nhật đang bắt tay nhau đàn áp. Thậm chí, người theo đạo Cao Đài cũng bị tình nghi. Thôi thì cứ chờ.

Thôi thử đi xem một phiên xử án ở Tòa đại hình Cần Thơ, cấp cao của miền Tây Nam Bộ, còn gọi Tòa áo đỏ. Không gặp buổi xử tội nhân chính trị, vì nghe đâu tội chính trị thì do tòa án Quân sự xử lý sao đó. Buổi ấy, xử tội sát nhân. Tội nghiệp vô cùng. Sát nhân với tang vật là phảng phất cò, cán không uốn 90 độ so với lưỡi, tội nhân đã “kéo cổ”, tức là kéo lại cho lưỡi và cán nằm theo một đường thẳng, trông như lưỡi gươm dài. Chuông reo, chánh án, chường lý, toàn người Pháp, luật sư là người Ấn mang quốc tịch Pháp. Cáo trạng dài dòng, đọc lên toàn tiếng Pháp. Can phạm bị còng tay, đứng cúi đầu, buồn bã, ở hàng khán giả, dường như có thân nhân. Hơn một giờ sau, chánh án hỏi vài câu, qua thông dịch viên. Và can phạm trả lời, có thông dịch viên. Như vậy là công lý à ? Can phạm chẳng hiểu gì ráo để vào giờ chót, có thể tự bào chữa.

Lúc gọi phạm nhân đến trước vành móng ngựa, nói rõ tên họ và quốc tịch, nói tiếng Pháp, xin tạm dịch là người nước An Nam nhưng không phải đặt dưới sự cai trị của vua nước An Nam ở xứ bảo hộ Trung Kỳ. Mà là con dân tay sai của nước Pháp ở xứ Nam Kỳ ! Tôi thấy nản, nói theo ngày nay là kiểu “buồn nôn”. Bèn đi tìm anh bạn đồng môn để bàn tán băng quơ về Tôn Thọ Tường khi gặp Huỳnh Mẫn Đạt tại Sài Gòn. Tôi chê họ Tôn nhưng khen sơ sài. Anh bạn ngắt lời:

-Không thể so sánh chê khen người của thế kỷ trước, hồi Tây mới đến. Hoàn cảnh bây giờ đây có khác. Ai cũng sống với thực dân Pháp đâu từ hồi ông nội, chẳng lẽ mọi người đều đầu hàng giặc ? Nên suy nghĩ lại trước tình hình mới. Thực dân bắc cầu, bồi lộ, mở trường trung học...với thuế má và mồ hôi của dân mình. Nhưng tụi học trò như mình kém cỏi quá.

Tôi lại buồn. Học không ra học. Đánh thực dân là chuyện ôi thôi, khó quá. Nam Kỳ khởi nghĩa năm trước bị dập tắt quá nhanh, thêm người hy sinh.

Bạn tôi nói:

-Đọc báo thấy kể chuyện Nhật Bản đang chiếm nước Tàu. Bên ấy kêu gọi “Xếp bút nghiên lên đường tranh đấu” hoặc “Cởi áo cà sa khoác áo chiến bào”, hoàn cảnh đó chắc còn lâu mới xảy ra ở Cần Thơ !

Tôi rất yêu thơ vì thơ là sức mạnh âm thầm nhưng bền bỉ, vương vấn nhiều năm. Lòng yêu nước của tôi dính dấp với thơ, mông lung, lắm khi tiêu cực. Khó đoán về con người qua lời thơ do họ sáng tác hoặc thơ mà họ yêu thích. Một người bạn bỗng thử nghiệm dạng thơ tắc tị, khó hiểu, có lẽ ảnh hưởng của Xuân Thu.

Nhã Tập đã bỏ ra một tháng để làm mấy câu sau đây :

*Lạnh nhạt mai chiều duyên cỏ sương
Rót niêm cô tịch, mộng cô đơn.
Mắt xanh lãnh đạm người tay trắng.
Dú ép bên lòng quả nhớ thương.
Tình ngại sang sông đuối giữa dòng.
Đành cam lấp hận dưới chờ mong.
Ngày xanh đêm trắng buồn tơ đỏ
Hờ hững sông trong nắng rải hồng !
Siết tay cho chết niêm sương cỏ
Nuốt hết muôn đời lệ cỏ sương.
Xây nốt trường thành muôn bóng đỏ,
Ngăn hồn bướm đại mộng yêu đương.*

Tôi nhớ mãi vì người làm thơ này nhà rất nghèo, đi học mặc áo vá nhưng học quá giỏi, nhớ dai các bài học. Về sau, khi Cách mạng Tháng tám nổi lên, anh ta gia nhập quân đội Vệ quốc đoàn, chỉ huy một trung đội đánh trận Vàm Nhon (Cần Thơ), hy sinh oanh liệt, đơn vị của anh đầu chùng năm cây súng lửa, kiêu súng bắn chim tịch thu từ mấy vị điền chủ, vì họ được phép săn súng. Trong khi ấy, không ít anh bạn đồng lớp với tôi làm thơ nghe tràn “khẩu khí” nhưng chưa chi đã vội theo giặc, đánh phá cách mạng rất hung hăng. Học hành cầm chừng, chờ bãi trường, sáng chủ nhật nọ, vì không tiền dẫn túi, tôi ở lại trường để “đọc sách ngâm thơ”. Đột nhiên vào khoảng 7 giờ sáng, viên giám thị báo tin rằng cha tôi đến thăm và giám thị cho phép tôi ra ngoài chơi, trọn ngày chủ nhật. Tôi mừng thầm. Cha tôi còn mạnh khỏe nhưng ốm yếu hơn mọi khi, phải chăng vì ông mặc chiếc áo lãnh màu đen, mềm mại mà khi ở nhà tôi chưa bao giờ thấy. Áo hơi cũ, chắc là mượn của ai để khi lên thủ phủ miền Tây này thiên hạ không chê khen. Ở môi trường này, kiểu áo ấy rõ ràng là trở trên, chưa hài hòa, đứng ra, phải mặc áo sơ mi trắng, như bao nhiêu phụ huynh khác. Một ý nghĩ thoáng qua giây phút. Cũng hài hòa, còn hơn là vài phụ huynh giữ cái búi tóc. Một truyện ngắn nào đó khá cảm động đã kể lại, người viết truyện tỏ ra tự tin và hãnh diện.

Tình thế đất nước như vậy mà còn xúc động, tủi thân à ? Phải hãnh diện chứ. Trung nông ở rừng U Minh xa lơ xa lắc, nghe cái tên đất nhưng mấy ai đã đi đến?

Cha tôi và tôi đi bên cạnh, sát lề đường. Cha tôi bảo là tìm trường học này không khó vì Cần Thơ chỉ có một trường Phan Thanh Giản mà thôi. Cha tôi bảo là có chút ít tiền, muốn đi dạo một vòng chợ. Nó rộng rãi, đâu có khúm núm như chợ Rạch Giá, Long Xuyên. Trường học này Tây xây cất lớn quá, hồi năm nào ?

Vì Cần Thơ quá rộng, tôi bèn gọi chiếc xe kéo, hai cha con ngồi lên. Tôi chỉ dẫn vài dinh thự, nhà lòng chợ, ngân hàng canh nông rồi dừng lại để uống cà phê, ăn hủ tít. Bên cạnh quán cóc này là con rạch Cần Thơ, đổ ra sông Hậu. Tôi giải thích rằng sông Hậu này đổ ra biển, phía Sóc Trăng, nhưng nếu đi ngược lên phía tay trái của mình là phía Bắc thì nước đổ xuống từ nước Cao

Miên, Lào. Một bên là Lào, bên kia bờ là Xiêm, ăn lên nữa tới ranh Miên Điện, gặp Trung Quốc rồi lên Tây Tạng cao ráo và to rộng, nơi có dãy Hy Mã Lạp Sơn.

-Chùng bao nhiêu cây số ?

-Tới Hy Mã Lạp Sơn hơn 4 ngàn cây số.

-Xa quá chùng, như vậy sao ? Từ đây tới nhà mình ở U Minh đã xa rồi, nhưng mới được 160 cây số. Tao nghe nói ở Tây Tạng còn nhiều điều bí mật lắm. Thiên cơ bất khả lậu. Nhiều người tu luyện ở xứ đó sống vài trăm năm, nhịn đói mà mạnh khỏe, nhờ bùa phép, thần chú.

Rồi cha tôi nói tóm tắt rằng từ mấy tháng qua, nhiều người ăn mặc kỳ lạ, bới tóc, mái tóc quá dài, lắm khi quấn chung quanh cổ, đội nón vải màu ngũ sắc, tự xưng là dân Tây Tạng, truyền rao sắp đến lúc tận thế, muốn được cứu rồi thì cứ tụng câu thần chú : Úm-ma-ni bát-mi-hông, tụng mỗi đêm trước khi ngủ chừng mười lần... Năm nay, ít người chịu làm ruộng, phần lớn già trẻ đều mang bệnh sốt rét, thêm bệnh ghẻ hờm, lở loét.

Ăn điểm tâm rồi, cha tôi đi theo mé sông, như buồn rầu, cho biết gia đình dạo này túng bấn. Tôi nghĩ mình đã lớn khôn, buột miệng hỏi:

-Thưa cha, như vậy là nhà túng bấn, chắc cái bộ lơ thờ không bao giờ chuộc nổi. Bộ lơ đem cầm ở tiệm ngoài Rạch Giá hồi năm trước.

Cha nói tỉnh táo:

-Món thờ cúng, của ông bà để lại. Làm sao đủ tiền chuộc, cứ đợi ba tháng, mấy năm rồi, ba tới đóng tiền lời. Riết rồi ba xin bán rẻ cho tiệm cầm đồ, lấy mấy đồng bạc, ăn xài cũng hết.

Thấy tôi lặng thinh hồi lâu, ba tôi gật gù:

- Con là đứa có hiểu, còn nhớ chuyện bộ lơ. Học hành dở dang là do thời cuộc. Thí dụ như thi đậu thì đi làm công chức cho ai ? Tụi Tây coi bộ không còn lâu ! “Thần suy qui lộ” Hương quân là người giữ trật tự, bắt trộm cướp vậy mà từ mấy tháng nay lại chứa chấp bọn trộm cướp, đành rằng không phá phách làng mình nhưng lại đi phá làng khác, bày tiệc ăn mừng, om xòm trong xóm.

Đối với tôi, ba tôi khi gọi con, khi bằng mày, trong tình thân mật:

-Mày tính chuyện nghĩ học là vừa. Muốn học thêm nữa, ba cũng không có tiền gửi hàng tháng. Ba thấy đi học không ích lợi gì hết, mấy năm nay.

Tôi đáp thật tình :

-Coi vậy cũng ích lợi về văn chương Việt Nam và thế giới. Mình biết nhiều điều hơn hồi ở bậc tiểu học chữ Pháp giúp cho mình thấy chân trời quá rộng, tùy theo quyển sách mình đọc và mình hiểu.

-Mày thí dụ cho tao nghe.

Thật là khó tìm một vài thí dụ. Hồi lâu, tôi cố trả lời :

-Nhà văn Pháp nọ, Anatole France, được trích văn làm bài học trong lớp ghi lại rằng con đường mà học trò mỗi buổi sáng đi trước khi đến trường là bài học về cuộc sống. Học trò thấy nào xe cộ, người bán thức ăn, những món quà vật...ai ai cũng góp phần cho xã hội. Và học trò đã đi tung tăng ngang qua công viên cây xanh to rộng, nơi chung bày nhiều pho tượng đá xinh đẹp. Lớn lên, người học trò năm xưa trở thành nhà văn Anatole France. Hai chục năm qua, tác giả đã đi được phân nửa đường đời, trời vẫn như xưa, đất cũng như xưa, chỉ thiếu bóng dáng cậu học sinh là mình đây tươi trẻ, thuở nào. Tác giả ao ước đứa con trai của mình cũng hiền lành, lạc quan như cha nó ngày nào.

Nghĩ đến đó, tôi giựt mình, cúi mặt. Cha tôi mỉm cười, nụ cười hiền lành của một người lão thành:

-Tao có đi học hồi nào đâu mà viết văn tả lại cho mày đọc. Họa chẳng mày viết lại cho con mày. Hồi đó, rừng rậm vùng U Minh, không bao nhiêu căn chòi.

Không muốn xin lỗi cha, tôi nhớ, theo lời kể lại thì cha đã tự học chữ quốc ngữ rất khó khăn. Mãi đến sau này, ông viết chữ khá to, bỏ dấu kỷ lưỡng, quanh quẩn viết vài chữ như tỉnh Rạch Giá, làng Sóc Sơn, làng Đông Thái, giấy còn dư thì ông cứ ký tên nhiều kiểu, chữ tháo, gạch đứt ngắn hoặc dài, xem chữ ký như là tín hiệu biểu lộ nhân cách của mình.

Thế là xong cuộc đời nhà trường, nhà nước còn nuôi cơm, ngu dại gì mình không ăn. Về nhà sớm, ích lợi gì. Ở Cần Thơ, nhiều người bạn tốt, có sách báo đọc. Sách từ Hà Nội đưa vào khá nhiều, in trên giấy bản đen đúa, giá khá cao. Mấy đứa bạn yêu sách, nhờ gia đình khá giả đã chịu khó mua. Những người bạn mà chắc không bao giờ mình còn gặp được trên cõi đời.

Ngỡ rằng thực dân Pháp chừng vài tháng nữa sẽ bị lật đổ nhưng không phải vậy.

Mùa khô 2001.

Chương 4. NĂM TÔI 19 TUỔI

Mặc dầu nhà văn Sơn Nam đã 75 tuổi, nhưng ông viết vẫn sung sức. “Năm tôi 19 tuổi” là một đoạn ngắn trong Hồi ký Sơn Nam (NXB Trẻ sắp xuất bản). Ông nói: Bối cảnh xã-hội thời 1945 dĩ nhiên như xa lạ đối với bạn trẻ bây giờ. Nhưng, hãy đọc, ta sẽ gặp được nhiều điều thú vị, bổ ích, trong thời kỳ cả dân tộc chiến đấu giành độc lập cho đất nước, thời kỳ tiền cách mạng tháng Tám và cách mạng tháng Tám lịch sử. VNTP. HCM.

Phần 1.

*Kiều Thu hè, trọng kiếp thương
Sầu cao ngùn ngụt mấy đường tơ khô*

Đã làm việc từ mấy tháng qua, hôm nọ tan sở, anh tổng thư văn (tùy phái) thân mật nói đùa :

– Tôi làm ở tầng trệt này, buồn bức lắm, lắm khi ban đêm tôi phải vào trức, chỉ làm quen được với một người lạ mặt này.

Anh ta đưa tôi đến góc phòng, với mớ sách chữ Hán. Thoạt nhìn qua ngoài bì, tôi biết là kinh Phật, nhưng phía sau dòng sách nhô lên một tượng bằng cây: đầu trọc, ngồi theo tư thế một căn một chái. Anh ta hỏi:

– Biết ai không?

Tôi mỉm cười:

– Làm sao biết được, chắc là một nhân vật, một pho tượng ở trong chùa.

– Đúng vậy. Ông hòa thượng Đồng, ở chùa Tam Bảo, một đệ tử hâm mộ tác tượng ông lúc chưa bị bắt. Bây giờ thì bị đày ra Côn Đảo rồi. Chưa biết ra sao. Hỏi qua nơi chôn cất của Nguyễn Trung Trực, anh tổng thư văn chỉ vào mấy cây cổ thụ phía sau tòa nhà, nhưng chẳng ai đến gần được vì ở sát vài ngôi biệt thự của người Pháp. Tôi đoán chừng vào buổi xa xưa, cuối thế kỷ 19 (1868), Pháp muốn giấu xác ông, bảo vệ cẩn thận, đề phòng trường hợp nghĩa quân lên lấy xác, đem về chôn ở vùng Bảy Núi, An Giang hẻo lánh rồi bày lễ Tế cờ, tiếp tục khởi nghĩa.

Rời khỏi Tòa hành chính, trên đường về nhà, bỗng đâu anh bạn đã đưa tôi vào làm việc gọi to, anh ta ngồi trên xe kéo, chặn ngang đường, chỉ vào cái quán ăn khá to bên lề. Chúng tôi vào, ăn uống khá sang trọng. Anh hỏi:

– Làm việc được không. Nếu làm thêm nữa, chẳng ai rầy rà hết vì chú mày là nhơn viên phụ của tao.

– Làm cũng cực nhưng lương ít quá, không dư để gởi về cha mẹ. Anh bạn bảo là vừa bắt được mỗi làm ăn lớn. Quân đội Nhật thu mua cá biển ở vịnh Xiêm La, nước Cam Bốt, thêm cá nước ngọt ở Biển Hồ, chở lên Sài Gòn, đem đi đâu mình không cần biết. Ngày mai tao đưa mày tới gặp ông bang Hoa kiều thầu vụ này. Phải có ghe lớn năm, bảy chiếc, có vốn lớn mới làm nổi. Mày lo giấy tờ, giấy phép chở cá khô từ đây đi Chợ Lớn, đơn xin bản chữ Tàu thì tụi nó làm, bản chữ Tây thì mày cứ dịch lại cho nó ký rồi gom lại trình với Đoàn (hải quan) tỉnh là xong. Sắp xếp xong rồi, tiền bạc hồi lộ hai bên đồng ý, ăn tiệc hồi trưa này.

Tiền bạc thì rất cần, nhưng tôi vui mừng vì được cơ hội thấy rõ việc Nhật Bản và Pháp cấu kết nhau, Pháp tỏ ra ngoan ngoãn. Lần đầu tiên trong đời, tôi đã biết phân tích chuyện của xã hội, đã biết chính trị, thấy chính trị là chuyện cần thiết để tạm giải tỏa những thắc mắc. Công việc được giao phó riêng là làm giấy tờ bằng chữ Pháp để xin chuyển hàng hóa lên Sài Gòn. Trong số hàng hóa với khối lượng to, tôi thấy vài mặt hàng:

– Chankrasna, bó sẵn từng bành to, dường như là thứ vỏ cây nhẹ, màu trắng. Phu khuôn vác bảo đó là cây dó. Cây dó để làm giấy chẳng? Chắc không phải.

– Cá biển của vịnh Thái Lan, khai thác từ Cam-bốt là loại ghi tên trong hóa đơn là "plathou", hỏi thì biết là cá gọi Ba-thú, cá nhỏ con, đã hấp chín, để trong từng vỉ, muốn ăn, phải hấp lại. Cá nước ngọt đáng giá: cá tra, lớn con, xẻ làm khô, gọi là "cá tra chai", chai phải chăng là phương pháp muối, phơi gì đó.

– Lại có cá về xù, phơi khô, phải chăng là tiếng xù mà ngày nay ta gọi kiểu "cá chiên xù"? Chưa hết. Còn đưa về Sài Gòn loại dầu trong, ghi huile claire, dầu lấy từ cây dầu, chai bột tán nhỏ để trét ghe, trét tàu. Lại còn thêm loại đuốc kết với vỏ cây trầm, tẩm dầu chai.

Buổi ấy, những loại nói trên được xem là quốc cấm, nếu dự trữ với khối lượng lớn. Tôi hiểu quân đội viễn chinh Nhật đang lâm nguy, khánh kiệt, chúng đồn cây sao để đóng loại tàu nhỏ, trét chai, dùng vào việc quân sự. Hải viên thơ ký đàn anh của tôi, được trả lời:

– Cờ này tao làm tiền khá hơn hồi Nhật Bản chưa tới. Nhưng rồi đây, ra sau? Từ bốn tháng nay, tao ghìen á phiện. Hút với mấy người Tàu ở chành lúa, tụi nó làm giàu, rồi xúm nhau hút. Đời là vậy.

Bỗng dưng tôi nhớ đến mấy câu thơ của Vũ Hoàng Chương mà ngâm ngùi. Thế nhân ai cũng có chuyện vui buồn nhưng với nhiều lý do không khó hiểu cho lắm. Viên thơ ký đưa tôi vào Tòa Bó để làm trợ lý đường như được viên Phó Chủ tỉnh tin cậy. Thầy ta ra vào phòng của viên Phó như tự do. Ngoài tiền trợ cấp, thỉnh thoảng tôi được mấy ông Bang người Hoa thưởng đôi ba đồng, số tiền khá to. Một đồng bạc đổi ra 100 xu, với hai xu có thể mua cái bánh bao lớn, có nhân trứng vịt, hoặc với hai xu ta mua được ly nước đá bào, rưới thêm sữa đặc có đường.

Một buổi sáng, đầu giờ làm việc, bỗng các thơ ký loan tin, khá lớn tiếng:

– Có khách quý.

Rồi họ rỉ vào tai nhau, nghe rõ to:

– Ông Nguyễn Văn Tạo.

Buổi ấy, nhờ phong trào Mặt trận Bình dân loan tin rầm rộ rồi im hẳn, người đọc báo đã loan truyền trong thời gian dài về sự tranh đấu đòi dân quyền, dân sinh chống thực dân Pháp. Thế là

mặc nhiên tất cả các thơ ký đều đứng dậy, vì tò mò nhưng không phải thuần túy vì tò mò, động cơ lương tri dân tộc cần là chính. Không ai bảo ai, họ cúi đầu khẽ với nụ cười. Nguyễn Văn Tạo đến để trình diện, theo lịch của nhà cầm quyền Pháp. Ông bị giam quản thúc tại thị xã Rạch Giá, và ngày đầu tiên khi đến tỉnh, ông phải trình diện. Người tùy phái của Tòa Bố đứng cách xa ông vài bước. Ông trông yếu vì bị bệnh chẳng? Tay chống cây gậy ngấn mà thiên hạ đồn đãi rằng hồi bị giam thực dân đã chích thuốc cho ông bị tê liệt để cảnh cáo (?) lúc ông tuyệt thực trong khám đường. Cây gậy của ông ngấn, ông là người bẩm sinh mập mạp. Ông cười tươi, nhìn cử tọa hai bên.

Đằng kia, viên chánh chủ tỉnh bước ra khỏi phòng làm việc, bên cạnh là viên thơ ký riêng đặc trách an ninh. Khách và chủ vào phòng nói chuyện giây lát rồi khách trở ra, đi chậm rãi. Các thơ ký cũng đứng dậy, cúi đầu khẽ.

Bấy giờ, Nguyễn Văn Tạo với chút ít vốn mở ra một cửa hàng nhỏ bán sủ nước mắm Phú Quốc và Sơn Rái, trước sân nhà chồng chất đôi ba đồng tìn có khách hàng trả lại, như bao bì, trắng xóa vì bằng đất nung, bên ngoài phết vôi cho hợp vệ sinh. Hôm đó, ông chủ tiệm mà tôi làm việc lại được đặc quyền về xà- bông, đường cát trắng do hiệu Phước Lai chành tân ký ở Chợ Lớn làm trung gian. Ai muốn mua đường cát trắng phải xin phiếu do Tòa Bố cấp. Một phụ nữ ăn mặc đứng đắn đến xin phiếu mua đường cát, thay mặt chủ tiệm, tôi ra tiếp khách thì mới hiểu đó là bà Nguyễn Văn Tạo. Lập tức tôi bảo nhân viên bán cho bà, tôi chịu trách nhiệm đem sự việc trình lại với viên thơ ký ở Tòa Bố. Từ đó về sau, bà được quyền mua đường, như những công chức và nhân sĩ của tỉnh. Bấy giờ, dầu lửa, dầu xăng đều bị quản lý chặt chẽ, dầu xăng chỉ là rượu cồn chế biến lại, có màu tím dợt. Xe ô-tô chở khách phải dùng "ga ", hiểu là than củi tràm, bỏ vào cái thùng tròn đặt bên hông xe, phía sau, trước khi cho xe khởi động thì quẹt lên cho than tràm cháy, hơi ga ấy bị đốt, gây sức ép cho máy xe chạy, gọi "Autogène ", theo mô hình của kỹ sư Trịnh Hưng Ngẫu sáng tạo ở Sài Gòn.

Tình hình thế giới như biến chuyển mạnh. Buổi nọ, máy bay Mỹ, sơn màu trắng bay đến chợ, bắn phá kho dự trữ gạo của quân đội Nhật gần nhà vừa nước mắm của ông Nguyễn Văn Tạo, bắn vài loạt, hú vía. Ông ngỡ ý nhờ tôi dạy kèm chữ nghĩa cho hai đứa con bé bỏng, một trai một gái, đại khái theo chương trình lớp một (đồng ấu). Tôi hơi do dự. Ông bảo là dạy ở trước sân, trống trải để người hàng xóm và kẻ tò mò đừng nghi (...). Bản nhạc Sina no yoru của Nhật khá hay được phổ biến mạnh. Tại chợ, có lệnh chính thức cấm bọn thợ nhuộm (nhuộm quần áo, thường thường là nhuộm màu đen cho dễ giặt) không được chào hàng với cái trống nhỏ, lúc lắc nghe lung tung, thiên hạ bảo đó là kiểu làm gián điệp, ra dấu hiệu cho máy bay đồng minh (?). Lại có chuyện bọn quân cảnh Nhật lập tòa án tại chỗ để chặt tay một kẻ ăn trộm áo quần của bọn Nhật (quần áo phơi ngoài sào, gần nơi chúng trú đóng). Nghe nói vậy chớ tôi không thấy nhưng tôi tin là có thật.

Ngày lại ngày, tôi cứ chờ đợi, buổi chiều nọ, vì quá thèm đặc sản quê hương, tôi vào sạp chợ ăn tô bánh hỏi, tôm càng luộc, giá khoảng 3 đồng bạc. Tôm tươi, mới luộc còn bốc khói, lại chang nước mắm Phú Quốc. Hai ba người Hoa làm công trong tiệm đi ngang qua, chào tôi. Họ đang áp tải năm bảy bao gì đó, đoán chừng là đường cát trắng, đoán chừng là đưa xuống các chợ ở quận bán chợ đen. Lại thêm hai ba xe khác, loại xe bò, bánh lớn, do người đẩy, phía trước có người lực lưỡng dang hai cánh tay nắm lấy hai càng xe, toàn là bao bố đựng món gì căng đầy. Đến mé rạch để hóng mát, tôi hơi ngạc nhiên thấy vài chú lính mã tà nai nịt gọn gàng, xếp hàng xuống chiếc tàu nhỏ, theo sau là vợ con đứng meo máo, khóc trên bờ. Tàu chạy chậm rãi. Lính

được người Pháp đưa đến nơi nào, không rõ, nhưng theo lộ trình xuất phát từ phía khu vực nhà máy. Tôi đoán không lầm là phía Nam, vùng U Minh chăng?

Dân U Minh thừa thớt, thiếu tổ chức, cán bộ cách mạng xuống đó làm gì cho mệt, muốn vậy, phải xuất phát từ tỉnh Rạch Giá này mới có hiệu quả. Nghĩ vậy, tôi tự hào một mình rằng mình đã có trình độ, đúng hay sai thì chưa biết. Suốt ngày tôi cứ ngêu ngao ngoài quán cà- phê để trốn lánh công việc. Nhìn xéo về phía tiệm, bỗng nhiên thấy vài người lính Nhật mặt mày hung hãn đang tràn vào. Và đúng lúc đó, người chủ tiệm của tôi, đại lý phân phối đường cát, cà- phê ra ngoài, theo cửa bên hông, chiếc xe kéo đang chờ.

Người Việt Nam mặc sắc phục quân đội Nhật, có mang gươm đứng trong tiệm, múa men tay chân, lát sau được mời lên lầu của tiệm. Tôi đã hiểu: Họ đang điều đình, dứt lốt cho bọn Nhật số tiền hoặc vàng không nhỏ cho xong chuyện.

Tôi đến, tôi không về nhà, về tiệm tạp hóa gì cả, cứ rong chơi, nói theo danh từ ngày nay là "cảnh giác ". Rủi bị mật thám Pháp hay Nhật bắt lúc này, oan ức quá, hầu hết các tiệm quán lớn do người Hoa kiều làm chủ đều đóng cửa sớm, số người Việt Nam làm công chức cũng vậy, không thức khuya.

Rồi hùng sáng đến. Tiếng tàu thủy chạy xình xịch. Cầu bắc ngang rạch được quay lên cao, tàu chạy ngang qua. Tàu cỡ nhỏ, kiểu tàu dò ngụy trang lá dừa, không là lá dừa nước mọc ở mé rạch nhưng là tàu lá dừa ăn trái, chúng tỏ họ đã ngụy trang từ xa đến, ống khói tàu phun lên từng vầng khói đen đúa. Tôi đến xem, thấy rõ hai chữ LEE HUYỀN với chữ Hán Lợi Nguyên. Tàu đậu bên bờ đối diện, khu vực tòa tỉnh trưởng.

Chưa chi khoảng mười tên lính Nhật nhảy lên, hợp đồng với bọn Nhật đã phục kích từ bao giờ. Sau chừng mười phút, bọn Nhật trở xuống tàu, dắt theo chừng hơn 20 người Pháp, sắp hai hàng. Đi đầu là viên chủ tỉnh Pháp và vợ, theo sau là bọn chỉ huy Sở Trước Bạ, Địa Chính, Kho bạc cùng vài viên chức to người da màu làm việc ở Tòa án. Một người Pháp bị còng hai tay, không phải là chánh sở mật thám, ai nấy suy luận có lẽ họ đã chống cự bọn Nhật. Viên Chủ tỉnh mặc quần cụt, áo thun ngắn, đi đứng khoan thai, có vẻ tự trọng. Sau chót là những bà đầm và trẻ em Pháp. Mấy bà đầm mang theo nhiều gói to, có lẽ là quần áo.

Viên chủ tỉnh Rạch Giá lúc bấy giờ là M.V. thuộc vào hàng cấp bậc cao, già dặn kinh nghiệm, dạo trước ở Sài Gòn đã lắm khi thay mặt Thống đốc Nam Kỳ ký tên một số công văn. Ông ta đi chậm rãi, thỉnh thoảng nhìn về phía bên kia rạch, nơi ông biết chắc còn một số người đang theo dõi. Nhưng lát sau, đoàn người đầu hàng này xuống chiếc tàu LEE HUYEN nhỏ bé mà quân đội Nhật đã xung công.

Cùng lúc ấy, với sự yểm trợ của vài tên lính Nhật, vài người Việt mặc thường phục đem dân những yết thị chữ to, nội dung đại khái là kêu gọi mọi người nên giữ sinh hoạt làm ăn bình thường, công chức người Việt phải trở lại nhiệm sở như cũ, nước Việt Nam được độc lập, người Pháp đã đầu hàng, vân vân và vân vân.

Nhưng một vài tên lính mã tà bị Pháp bắt lừa đi hôm trước xuống phía rừng U Minh đã lén trở về, có đưa dẫn đường cho quân đội Nhật xuống U Minh vây bắt bọn Pháp đang lập "chiến khu ". Với giọng mỉa mai các người lính mã tà này kể lại:

– Bọn Pháp ở chợ Rạch Giá, chợ Cần Thơ và lính mã tà kéo xuống rừng quá hấp tấp, ngơ ngác. Súng đem theo khá nhiều nhưng chúng chẳng dám giao cho dân địa phương. Trước khi vào ven rừng, chúng đành ném bỏ hàng trăm cây xuống sông. Lát sau, có người đoán chừng là trộm cướp nhảy xuống sông mà lặn hụp, tìm được một mớ. Vừa vào rừng, bọn Pháp vừa chạy, vừa mang theo lương thực, nào cà-phê, thuốc lá và đôi ba thùng cây, thêm bao bì kín đáo. Đó là

những thùng giấy bạc mỗi tờ 500 đồng (tương đương với vài chục triệu ngày nay). Đó là loại bạc làm phát mà Pháp cho in hồi hải với tranh vẽ mấy người nông phu đang tát nước với gàu dai, do Phạm Ngọc Khuê vẽ. Thấy suốt ngày mà người Pháp cứ di chuyển gần xa. Nhiều người trong xóm ven rừng nghĩ rằng Pháp không có hoàn cảnh nấu cơm, thiếu nồi niêu nên thử nấu cơm, đổ ra trong thùng, đội đầu mang đến, hiểu là thương tình mà tiếp tế, cứu giúp. Nhưng thấy người Việt chúng khoát tay. Đành đặt thùng cơm xuống đất rồi rút lui, nhưng bọn Pháp cho người đến, đổ bỏ cơm vào những lỗ khoét dưới đất rồi lấp lại. Họ sợ người Việt Nam đánh thuốc độc để trả thù sự cai trị của chúng. Xế chiều, chúng vào mấy đám rẫy trồng khóm (loại dừa ngon), hái từng trái mà ăn thử. Nhưng khôn nổi dừa có lớp vỏ dày dính vào ruột. Không có cây dao gọt lớp vỏ, đành đưa lên miệng mà cắn. Khôn nổi, vỏ của khóm gồm những mảng tròn, tua tủa những gai nhỏ, dói quá đành ăn, miệng rướm máu. Vài người trong rẫy đem cây dao tới, loại dao nhỏ thôi, nhưng bọn Pháp lại dè dặt, sợ bị giết, liền trốn mất, huơ nòng súng. Rồi vài người dân khách thử lại gần, gọi là cứu giúp, thấy chúng quá dói, về nhà bảo vợ nấu cơm. Nồi cơm đem tới, chúng nhìn rồi khoát tay, phải chăng vì sợ bị đầu độc? Vài đứa bé trong xóm dạn dĩ hơn, nhổ mấy gốc khoai mì (sắn), đem nướng trước mặt mấy ông Tây bà đầm, mời ăn.

Các vị nhai ngón nghiền, đem ra tờ giấy bạc màu xanh 50 ngàn, vẩy tay cho trẻ con lại gần rồi cong ngón tay trở mổ xuống liên tục, miệng nhại giọng gà kêu "cót, cót". Gà đem đến, được trả cũng 50 ngàn. Chúng nó trao cho người Pháp để học pha chế, đại khái lột da, chặt hai chân, chặt đầu cổ đem bỏ, chỉ thích ăn đùi mà thôi. Nhưng chưa chi máy bay Nhật đã đảo vòng tròn trên đầu, lại đến lượt vài ba tên lính mã tà đi giày bố, đội nón ni chạy đến, gương mặt như phấn khởi. Họ đã trốn về chợ, gặp bọn lính Nhật, báo cáo tình hình, rồi sẵn sàng chỉ đường cho lính Nhật vào đây, với lực lượng nhỏ bé cũng dư sức bắt sống cả bọn.

Phần 2.

Tôi được may mắn chứng kiến cuộc đầu hàng có trật tự nọ, ở tại chợ Rạch Giá thân thương, nhỏ bé mà tràn ngập hào khí. Một chiếc tàu của Nhật chạy chậm chạp, như cố ý trình diễn cho dân "bồn phò" sự thắng trận này. Tàu cập bến phía dinh Chủ tỉnh, khu vực hành chánh đầu chừng đôi ba chục người lên bờ, có vài đứa trẻ con. Đồng bào ta sững sốt vì đa số "ông Tây" trông lem luốc, đặc biệt là râu của họ mọc quá nhanh, cái mặt đen thui, dưới cằm thì dài cỡ 10 xăng-ti-mét, vài người cổ mang đôi giày dơ dáy hoặc đi chân đất, "cà nhót" như vừa bị thương, mấy bà đầm không trang điểm, bước đi hớn hển, quần áo lem lấm, xách giày dép. Họ như không còn muốn giữ thể diện với dân chúng. Và người lớn tuổi ở chợ đã nhận ra: này là ông Cò rất hách dịch, nọ là viên Chủ sự sở đoan (hải quan), kia là viên xếp khám đường.

Cái chốn U Minh quả thật là bí hiểm. Về sau, ta đến trú đóng, lập căn cứ Thành đồng tổ quốc, tổ chức trẻ con học chữ quốc ngữ, lập nhà bảo sanh, đêm đêm tổ chức ca hát diễn kịch chống Pháp. Bình thơ Tôn Tử mà sách báo thường trích lại sáu chữ "Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa" là đúng, ở rừng U Minh, giặc Pháp đã thử lập một căn cứ chỉ thiếu hai chữ quan trọng nhất: Nhân hòa. Chúng nó và dân ta quả là xung khắc tới giờ phút chót. Rồi người Nhật hung hăng đến, lật đổ, như dễ dàng. Đồng bào ở xóm Dầu Doi cho biết chúng đã thượng lá cờ của Nhật, bay pháp phới ở kho lúa gạo tồn trữ từ hơn năm qua để dùng vào chiến tranh, lính Nhật hơn mười đứa, bố trí súng đại liên chống máy bay đồng minh.

Dân Rạch Giá đang xơ xác, ở miền quê, mặc áo quần với bao tải, với cà ròn, loại đệm đan với cỏ bàng. Nghe đâu ở ngoài Bắc, đồng bào ta chết đói khá nhiều, ở Sài Gòn đã tổ chức đưa gạo ra cứu trợ, gạo chở trên xe bò vì đường xe lửa đã hư, không an toàn.

Người trẻ như tôi suy nghĩ gì đây ? Uống cà phê trưa xong, đi dạo phố, chợt nghe tiếng gọi. Đó là đứa cháu của ông T., người Hoa kiều, chủ lò bánh mì. Tôi đã từng làm sổ sách chữ Pháp, theo qui chế, cho ông ta. Ghé vào, được đưa thẳng lên lầu, rồi vào phòng riêng.

Ông Hoa kiều này ngâm thơ, theo tiếng Hẹ, tôi không hiểu. Ông mời ngồi, lấy cái hộp to bằng chì, trút ra mớ trà mà nói:

– Trà này ở bên Tàu đem qua, để dành hai năm rồi, nó không quý bằng cái lon bằng chì này.

Hơn trăm năm rồi, ông nội tôi mua ở Triều Châu giữ tới bây giờ. "Phạm ảnh bôi trung lạc" chữ viết bên hông của cái lon nghĩa là... cái bóng của cái buồm ngoài biển, trên chiếc ghe dọi xuống cái chén uống trà. Tôi chợt hiểu ông nội của ông chủ tiệm này sang Nam Kỳ bằng ghe buồm, thủy thủ ngồi trên mũi ghe uống trà với gió biển tự an ủi rằng kẻ đi xa xứ cũng là khách phong lưu. Uống xong chén trà, tôi đã nôn nóng.

– Còn việc đang xảy ra, tụi Nhật Bản còn ở đây bao lâu ?

– Năm 1945 này ứng với số 9, Việt Nam là con Rồng... tu lâu năm, đủ sức bay lên cao.

Rồi như thích thú, ông chủ tiệm pha thêm tuần trà thứ nhì, lục trong tủ một quyển sách cũ, ngâm nga lớn tiếng, có lẽ theo giọng Phước Kiến chẳng. Lát sau, ông ta trao cho tôi quyển sách chữ Hán, chỉ vào trang giấy đã ố vàng. Với mớ chữ Hán "ba rọi", tôi cố đọc cho qua buổi.

Đó là bài từ của Lý Thanh Chiêu, làm theo điệu Lâm Giang Nam:

... Như kim lão đảo vô thành...

Ông giải thích:

– Tôi đây tuổi đã già để hưởng thú vui ngâm thi. Nhưng chưa chịu già vì mấy năm nay bức tức lắm. Nhật Bản gây chiến bên Trung Hoa mấy chục năm. Bây giờ, thấy vui thì tôi già tự nhiên, này giờ ngâm thi phú.

Tôi thử hỏi : – Nhật Bản tuy yếu nhưng chúng có máy bay. Làm sao cho chúng thua trận ? Quả thật, hồi ở Cần Thơ mấy anh em tiền bộ tuy mến tôi nhưng chưa giải thích chuyện gì cho cặn kẽ. Ngày càng lớn tuổi, tôi tự thấy vấn đề chính trị là khoa học khó khăn, đòi hỏi trình độ, biết đúc kết nhiều lượng thông tin toàn thế giới, biết địa phương mình.

Không thể cao hứng một cách thật thà như nhà thơ, nhà văn. Trẻ lắm cũng phải ở tuổi trung niên. Thử ghé nhà ông T. thấy dường như có khách lạ mặt đến. Bà vợ ra gặp tôi ngoài sân, bảo là không nên dạy mấy đứa bé, có dịp thì đem đến giùm bà vài ký lô đường cát trắng.

Văn chương thi phú "tiền chiến" được tạm dẹp một bên. Nhiều người dân quê từ vùng xa đến, khấp nép xin quần áo cũ, quần cụt. Thảm hại nhất là quá nhiều người mắc bệnh ghẻ lở, từng mụn tròn, thấy thịt đỏ hơi lộ ra, như vết thương cứ thế mà to dần, lấy vải bó lại để che bụi bặm thì cũng gây ngứa nhối. Bệnh viện của nhà nước không đuổi họ được, đành bắt họ ngồi chồm hổm, xếp hàng, thoa cho ít thuốc đỏ. Chẳng công hiệu gì cả, hại thêm thì có. Họ gọi đó là ghẻ khuyết vì thịt của bệnh nhân cứ hừng thêm vào phía trong xương. Lại đặt giả thiết rằng loại ghẻ ấy do con rận sinh ra, gây ngứa ngáy. Rận thì gần như người ở miền quê ai cũng mắc phải, nhỏ li ti, sinh đẻ ở những bộ phận kín đáo của con người, trứng rận bám vào những lần kim mũi chỉ của quần áo may bằng vải ta (nội địa), giặt nước lạnh không sạch, muốn cho rận chết phải trụng quần áo vào nước sôi. Rồi lại phát triển vì rận và trứng rận bám vào bàn ghế, giường chiếu, mùng mền. Đã trở thành chuyện bình thường trong nam giới bình dân khi đến chơi nhà bạn mà bỗng dưng lũ rận rộ lên cắn. Đành xin phép chủ nhà để cởi áo ra, trải lên bộ ván, dùng cái ve chai "xá

xì " mà lăn tròn như cái hủ lô (ống cán) của công chánh cán đá. Rận bị giết tại chỗ, nhiều đến mức vang lên tiếng lụp bụp khá thô bỉ, mất văn hóa. Vài người giải thích theo giọng của vị "thức giả " miền quê cho rằng rận dấy lên chẳng qua là trong xứ hết dầu hôi (dầu lửa), xưa kia rận phải chết vì mùi dầu lửa, mà dầu lửa là mặt hàng nhập từ các nước Tây phương. Dân miền quê, luôn cả thành thị đã dùng dầu trái mù u, dầu dừa, dầu cá thay thế.

Mấy anh bạn quen cùng học một lớp, một trường từ phía Gò Quao, ven rừng U Minh, bờ sông Cái Lớn cứ ra thăm tôi, với nụ cười và lòng tự tin mà tôi chưa có. Họ đưa tôi đến quán ăn trung lưu, của người Hoa, ăn toàn những "đặc sản " của miền nước phèn, bờ biển: cua biển xào mặn (với nước mắm Phú Quốc), cá chẻm chưng tương, bông hẹ xào tôm... Họ thủ thi rằng đang cần gấp, với khối lượng to giấy hoặc vải màu đỏ, màu vàng. Vải đỏ khó kiếm, luôn cả vải trắng, vải đen. Hồi kỹ thi các bạn thân mến bảo là để làm lá cờ nhỏ, càng nhiều càng tốt để phân phát cho nhiều vùng, phải giữ bí mật tuyệt đối. Suy nghĩ hồi lâu, tôi nói khê rằng không có vải, chỉ còn cách là làm cờ bằng giấy, việc gấp rút, tùy theo tấm lòng của mình. Nên mua giấy màu đỏ, loại giấy để viết liên đối dịp tết, có rải rác những đốm nhũ vàng. Còn màu vàng thì ta dùng loại giấy mà các pháp sư dùng để viết bùa chú, mua về, ta tùy hoàn cảnh mà cắt nhỏ hoặc lớn.

Anh em vui mừng khôn xiết, cứ gọi thêm rượu đến. Ba ngày sau, nhờ nhiều người mua lẻ tẻ, gom lại điểm hẹn. Bảo rằng đem về rừng U Minh nhưng vài tháng sau mới vỡ lẽ rằng anh em cho mấy người bạn tâm huyết làm cờ ở ngoại ô chợ Rạch Giá này chớ không ở đâu xa, chẳng qua là chia cắt công việc để giữ bí mật. Dịp này, anh em trao cho tôi một tập mỏng tư liệu nhan đề "Công tác cách mạng ", đại khái phải có năm bước Điều tra, Tuyên truyền, Tổ chức, Huấn luyện, Tranh đấu...

Tôi có tặng cho anh em hai mặt hàng thời thượng lúc bấy giờ. Một là thuốc nhỏ mắt Rhoto, hay tuyệt diệu, không cần sử dụng cái ống nhỏ giọt, cứ để sát mí mắt là thuốc tự chảy ra. Hai là loại bột ngọt hiệu Ajinomoto, thiên hạ bảo đó là kết tinh của vài trăm kí lô cá và thịt, bột này hột to. Rõ ràng là ngày nay loại bột ngọt này đã sản xuất đại trà, hột mịn màng hơn, sản phẩm ấy phải trải qua mấy mươi năm điều chỉnh mới được ổn định, pha chế từ bột mì (?), chớ nào có thịt cá nào trong đó.

Máy bay thả bom kiểu tối tân nhất của Mỹ lúc bấy giờ là B.26 và B.29 xuất hiện trên bầu trời chợ Rạch Giá, chẳng rõ từ đâu bay về đây rất cao nhưng trông tỏ rõ vì toàn thân có lẽ làm bằng nhôm hoặc kền gì đó, thu hút ánh sáng mặt trời, chói loà. Không thấy máy bay Nhật đuổi theo hoặc cao xạ bắn lên. Ngoài biển Rạch Giá, ngư dân đã vớt đôi ba lần những khúc gỗ giá trị (gỗ teck), thêm những bành cao su mủ, chưa chế biến, gọi cò- rếp. Rõ là những tàu của Nhật đã chìm, làm trôi những mặt hàng mà chúng đã vơ vét ở Thái Lan, Mã Lai. Cò- rếp để làm đế giày, cây giá tị quý và khó kiếm hơn, nghe đâu có đặc trưng là lâu mòn nên được dùng làm bá súng. Quân đội Nhật rất ít, vũ trang đầy đủ, chiếm giữ chiếc cầu sắt quan trọng của chợ và vài trục lộ, ở ngã ba, ngã tư. Lính cảnh sát của Pháp dạo trước vẫn làm việc cầm chừng, mất khí thế, trong khi ở Tòa bố, một đốc phủ sứ người Việt lên làm tỉnh trưởng, mặc nhiên dưới sự chỉ đạo của quân đội Nhật. Dân ở vùng sâu vùng xa ra chợ đông hơn trước, vì tò mò để "xem thời cuộc ".

Tuy không có lệnh chính thức, ai nấy cho rằng không còn chuyện xét giấy thuế thân như trước, ở vài tiệm hớt tóc, thanh niên tụ tập đồn ca vọng cổ, không hò hét. Bọn mật thám của Pháp để lại dường như "hiền lành " hơn, chúng đến nhà giàu có để bàn chuyện linh tinh rồi xin chút ít tiền. Tin tức từ Sài Gòn thì mơ hồ. Vài viên công chức già thì bảo rằng Pháp tuy yếu ở Việt Nam nhưng nhờ đứng theo phe Đồng minh nên có thể trở lại Việt Nam, với quân hùng tướng mạnh, của tướng Đờ Gôn (De Gaulle). Ngay tại ngoại ô chợ Rạch Giá, nhiều người từ

phía biên giới Bảy Núi đôi khi mặc áo ngũ sắc, xõa tóc, hoặc áo quần giống như đào kép hát bội đi rao giảng về cuộc "đổi đời", "ngày Tận thế". Dường như những phe phái này không thuận với nhau. Điều thú vị là còn học cấp I ở chợ Rạch Giá, ông Đạo Ngồi đã xuất hiện: ngồi xếp bằng trên mặt nước, ở trần, hai bàn tay thì vỗ mạnh xuống nước nghe âm âm, theo nhịp điệu không gấp, ấy thế mà thân ông đạo cứ nổi, giây lâu ông chấp tay như niệm Phật. Người xem có thể lội xuống kiểm soát để thấy hai chân của ông đạo xếp lại như ngồi thiền, không cựa quậy, chòi đạp để giữ sự thăng bằng. Thấy lạ, nhiều người đến xem, cho tiền bạc chút ít. Bọn đệ tử đi theo bảo rằng với tiền của bá tánh, ông sẽ xây dựng một "cõi tiên" trên vùng Bảy Núi. Nhưng lần này người trình diện được giới thiệu là đệ tử của ông đạo năm xưa. Bọn cảnh sát tới xem rồi xua đuổi theo lệnh của lính Nhật, phải chăng vì địa điểm ở sát bên căn cứ của tàu chiến loại nhỏ của Nhật, gần đó. Tôi hiểu đây là sự rối rắm ở vùng xa của Tổ quốc, nơi dân chúng cư ngụ chưa định hình. Nhưng đại đa số cá nhân, đứng về cuộc đời chìm nổi riêng rẽ cũng đã từ lâu rồi có một mẫu số chung là đánh đổ ngoại xâm, làm công việc lớn mà cha ông thời xưa đã ao ước, hy vọng rồi thất vọng.

Phần 3.

Nhật hứng chịu mấy quả bom nguyên tử, dân Nhật chết nhiều lắm. Tin tức chỉ nghe ngắn gọn như thế. Nhưng bản đồ của nước Nhật, bao nhiêu người biết, khái quát. Và người được ăn học, có tư liệu lúc ấy, chưa ít họ tham gia phong trào hăng hái như kẻ không biết tí gì. Bom nguyên tử ra sao? Nghe nói rằng nó... nguy hiểm lắm, nhiều người gọi nó là bom liên tử. Tuổi trẻ của tôi, cũng như nhiều người khác được may mắn chứng kiến ngày Cách mạng tháng Tám ở một tỉnh lẻ, nay thử ghi lại vài ấn tượng sâu đậm, nhưng rõ ràng là ghi lại vài sự kiện nhỏ. Về vấn đề văn nghệ, mãi về sau này— tôi chưa nói đến thời chống Mỹ, tôi thấy vài nhà phê bình, nghiên cứu mãi chê trách rằng giới văn nghệ không làm tròn nhiệm vụ, chưa mô tả được những phong trào lớn. Theo ý tôi, sự chê trách ấy không công bình. Người làm công tác nghiên cứu họa chẳng đúc kết được, với lý trí, tư liệu trong nước ngoài nước, nhưng người làm văn nghệ— hiểu theo nghĩa hư cấu, sáng tác— là người làm việc cá nhân, không sáng tác với một ban sáng tác tập thể. Sáng tác phẩm là một tiểu vũ trụ, khi hoàn chỉnh thì có thể hòa hợp với vũ trụ lớn. Không ai sáng tác về Thái Bình Dương cho trọn vẹn, nhưng chỉ cần mô tả một con cá ở đáy biển sâu với sức sống của nó là đủ, cũng như chỉ cần làm được một tác phẩm ngắn như "Ngư ông và biển cả" như Hemingway. Chỉ cần tác phẩm văn nghệ mang đầy đủ thần lực, thần lực của con người và thần lực của xã hội phải chan hòa nhau. Đóm lửa nhỏ và đám cháy lớn là một. Tiểu ngã và đại ngã là một. Thí dụ như gương tranh đấu bất khuất của Võ Thị Sáu, qua bức tượng dựng ở Đất Đỏ quả là đạt rồi. Mỗi người chỉ thông cảm, hấp thụ phong trào lớn qua công việc khiêm tốn của mình.

Một ủy ban khởi nghĩa đã đi ô tô đến Tòa Bố tỉnh để gặp Tỉnh trưởng, người do Nhật chỉ định. Sau vài phút cãi vã không gay go cho lắm, hắn ta chịu rút lui trong khi dân chúng kéo tới hô khẩu hiệu, gây sức ép như vũ bão. Lính Nhật còn lại rải vài đứm, phần lớn dường như đã tự động gom về Sài Gòn để đầu hàng Đồng minh. Riêng ở kho lúa gạo phía đầu Dơi, chừng năm tên lính Nhật cứ ở đó, tử thủ, đồng bào gần đấy cho biết thỉnh thoảng chúng dùng dây xích sắt khóa chân nhau, ngụ ý đe dọa sinh tử để bảo vệ, không một ai được chạy trốn. Mặc kệ. Hôm sau cử hành một cuộc mít tinh lớn, chưa từng có.

Bởi vậy bảo là dự mít tinh, được may mắn là dự mít tinh nhưng chẳng ai hiểu nó là tiếng gì, trừ một số rất ít cán bộ. Chứng kiến cuộc mít tinh ở Rạch Giá năm ấy (1945) có lẽ nhiều người

không còn, người còn sống phải ít nhất hơn 70 tuổi. Năm ấy, tôi 19 tuổi, với trí nhớ tôi còn giữ được vài ấn tượng cho riêng mình, và đây là sự hân diện. Nhớ những gì bây giờ ? Chẳng lẽ dùng chữ mô tả đám đông với khí thế như Hoàng Cầm sau này trong bài Đêm liên hoan: "Đầu nhấp nhô như sóng biển ngang tàng ". Đồng bào từ các vùng gần xa trong tỉnh lần lượt đến, tương đối có trật tự, phần lớn mặc quần áo đen, có trẻ em khoảng 15 tuổi, thêm nhiều bà, nhiều cô mặc áo dài tươm tất. Mặt bằng là sân đá bóng của tỉnh, luôn luôn bị gió biển thổi tắt vào đất liền. Sân quá rộng, thiên hạ chen chúc tràn sân. Trời cao, biển rộng rừng cây bản, cây giá, cây vẹt. Khán đài dựng lên, đơn sơ, với sự hiện diện của ủy ban Việt Minh, gồm khoảng 7 người, tham dự như khách quý còn có một vài nhà sư, linh mục, sư sãi Khơme... Không có máy vi âm, làm sao nói cho cả vạn người nghe ? đành dùng kỹ thuật thời xưa là nói trong ống nghe bằng thiếc. Sau phần giới thiệu, đến lượt diễn giả chính, không ai khác lạ, người mà từ hơn năm qua đồng bào đã nghe tên: Nhà báo Nguyễn Văn Tạo mặc nhiên được tự do, sau thời gian bị quản thúc. Nguyễn Văn Tạo mang kiếng trắng, chống gậy, nói không có giấy viết sẵn, giọng không to lắm, ấy thế mà cả khu vực nghe khá rõ. Nhờ gió biển thổi vào chẳng ? Theo tôi nhờ gió phần nào, nhưng điều quan trọng là ai nấy đều lắng tai nghe, trân trọng. Nói về độc lập và thống nhất đất nước, lấy chuyện cụ thể là Nguyễn An Ninh từng tranh đấu và hy sinh. Chuyện nhà báo Trương Cao Động viết báo chống thực dân ở Sài Gòn đã bị thực dân trục xuất về Trung kỳ. Nói thêm về trẻ con thất học, sưu cao thuế nặng... Khi kết thúc, ai nấy vỗ tay vang dậy. Có hô khẩu hiệu Việt Nam độc lập, đá đảo Việt gian bán nước và chánh quyền về tay Việt Minh. Nhưng buổi nói chuyện vẫn chưa giải tỏa nỗi thắc mắc lớn. Trong người dự thì thảo, loan truyền riêng rằng ông Hồ Chí Minh là người đứng lên lãnh đạo Mặt trận Việt Minh. Nhưng Hồ Chí Minh phải chăng là Nguyễn ái Quốc chưa muốn ra công khai ? Rồi sân vận động, về nhà, dọc đường gặp một ông lão quắc thước đang thao diễn để tập võ nghệ cho đám thanh niên. Vừa tập vừa xướng lên những câu "thiệu " để giữ nguyên tắc. Tôi nhớ mãi đại khái hai câu: "Bái tổ song âm, bái tầm lòng thế... ", hai bàn tay vỗ vào nhau để lấy khí thế. Đầu cũng hơn năm mươi năm sau, tra cứu bộ Minh Mạng Chánh yếu, bản dịch của Sài Gòn, thấy ghi lại và chú thích ở mục Thi võ. Nghĩa là bái tổ với hai tiếng vỗ tay, rồi quỳ xuống theo tư thế con rồng sắp dấy lên. Như kiểu tập quân sự ngày nay, lúc đi mấy bước đầu phải đệm "một, hai... " Hình ảnh xa xưa ấy giúp tôi sau này sáng tạo ra truyện ngắn "Đảng cánh buồm đen " trong "Hương rừng Cà Mau ". Đi ngang đình Nguyễn Trung Trực, thấy hai ông kỳ lão đứng khoanh tay trước cái lư đồ rực nhang và nến. Nào phải mời bà con đồng bào vào cúng tiền (vì không chưng bày cái thùng Phước sương) nhưng là bồn phần, ngày vui của đông đảo đồng bào, chắc hẳn linh hồn ông Nguyễn Trung Trực cũng hả hê. Trước sân đình, hai cần xé dây bánh tét, bánh ít và cái lư, cái gáo dừa để đồng bào tùy ý dùng. Cờ đồ sao vàng bay phất phới sau lái chiếc tàu tuần biển của Pháp mà ta cũng đã xung công. Vài tốp thanh niên xếp hàng hai đang tập đi, với phong cách quân đội chánh qui, vài cậu xách lựu đạn nội hóa, hình bầu dục, đúc bằng đồng, phía sau có cái đuôi khá dài, khi ném, nắm cái đuôi như nắm sợi dây, quay tròn, lấy trớn rồi buông tay, trái lựu đạn sẽ đi xa và rơi vòng cầu, nhờ cái đuôi điều chỉnh. Họ hát: "Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đảng ", mặc quần cụt, chân mang dép bằng nhựa cao su còn tươi, chưa sơ chế (cờ- rếp). Nhựa này cắt dễ dàng, khi cần ráp nối cứ để hai mí gần nhau rồi lấy búa đập mạnh thì dính khắn.

Ngày nay, nhớ lại, quả kiểu dép có quai hậu ấy giống như mô hình của dép râu mà cụ Hồ ưa thích. Nhiều công việc diễn ra dồn dập. Thí dụ như thành lập Quốc gia Tự vệ cuộc, tức là Công an của tỉnh. Ngành tuyên truyền, ngành thuế vụ, giao thông đường thủy, đường bộ, giữ liên lạc với trung ương, với quân đội ở chiến khu, tích trữ lương thực. Anh em lại mở cuộc hội nghị kiểm

điểm nội bộ, mời đích danh tôi. Tôi từ chối nghĩ mình còn quá trẻ, bảo gì thì tôi làm chớ tranh luận thì ngại quá. Rốt cuộc, tôi phải dự, anh em bảo rằng hội nghị ngắn lắm. Thật ra, phần thứ nhì của hội nghị mới là quan trọng và bí mật vì liên quan đến việc đón tiếp "bộ đội hải ngoại", đang mang khí giới từ Thái Lan về Rạch Giá, sau này tôi mới hiểu.

Cuộc kiểm điểm đối với tôi chỉ vấn tất vài lời. Anh em khen ngợi vì trong buổi gặp mặt viên chủ tỉnh (do Nhật chỉ định) để bắt buộc hẳn phải trao trả chánh quyền cho Mặt trận Việt Minh, hẳn giựt mình, như hoảng sợ, đứng dậy bắt tay từng người, trong đó có tôi là một thành viên trẻ nhất. Hẳn ta nhớ mặt tôi từng là thơ ký dưới quyền nên hỏi: "Bữa nay, em cũng đi theo hả ?" Tôi phản ứng lập tức, bảo rằng ngày hôm nay, tôi là đại diện cho những thanh niên đã nổi dậy, làm cách mạng, không ai được phép xem tôi là đứa em.

Anh em cán bộ cho rằng sự phản ứng của tôi rất đáng giá, chứng tỏ tôi là người yêu nước nồng nhiệt. Anh em lại bảo rằng tôi có tật ham chơi, khi cần, chẳng biết tôi đang ở đâu. Tôi trả lời rằng từ khi nước nhà độc lập, thấy cái gì cũng lạ. Thí dụ như ở bờ biển, hôm qua có mấy đứa bé nhờ người lớn hướng dẫn đang cố làm một con điều bằng vải, vẽ cờ đỏ sao vàng, thả lên cho bay thật cao. Vào chùa của người Hoa, cứ dạo để xem thờ ông gì, và tìm hiểu về thất tiên bát hiền. Lại xem mấy người bạn đang gọt nhiều trái khóm (dứa), bày ra cái bàn để ép nước, bán rẻ cho khách qua lại. Anh em trong hội nghị cứ cười và thúc hỏi :

– Làm việc phải có trọng tâm. Thôi, tỉnh mình mở thêm lớp học chống nạn mù chữ. Đi kiểm mấy người giáo viên, ban đêm dạy i, tờ cho người nghèo. Mai chiều, học thêm chủ nghĩa Mác Lê– nin vì làm cán bộ thì phải có "căn cơ".

Tôi được ra về sớm. Ngoài chợ đang chuẩn bị "Tuần lễ vàng". Không dám tò mò, tôi đi đến xóm "Nhà máy xay lúa", vì sức nhớ trước đó không lâu, đã có cơ sở dạy "bình dân học vụ". Mấy thầy giáo già và nhiều cô giáo đang gom lại, nôn nóng. Thấy tôi đến, họ mừng rỡ cho rằng tôi là một "cán bộ" đáng tin cậy vì có mặt trong ban đại diện của mặt trận Việt Minh để "lật đổ chế độ cũ". Đêm đến, đồng bào tập nập đến bờ rạch, chờ đón xem chuyện lạ, bí mật. Mãi đến hết canh một, một chiếc ghe to, phủ kín lá dừa nước, kiểu ngụy trang. Nhìn kỹ, đó là chiếc xà lan to, chở một vật gì to lớn, à, cây súng "đại bác thần công". Đưa về đây để gom về phía rừng U Minh. Chẳng lẽ ta đã tịch thu của giặc, bấy giờ Sài Gòn và vùng Mỹ Tho ? Hàng chục người ở trần, cố gắng chèo chống. Có người bàn tán : nó hư, ta đem sửa lại, nay mai, sẽ dùng nó mà đánh về mấy chợ bị chiếm đóng. Lại có tiếng cười dòn, từ một trong các nông dân lớn tuổi : Tây có món gì, mình có món đó. Một sự ngây thơ "có chiều sâu", lạc quan. Chính sự ngây thơ này đã là niềm tin của thế lực cách mạng đang lên.

Lại có tin nhắn riêng cho tôi rằng phải đến chợ, gặp anh em cán bộ, việc gấp. Vụ tiếp đón các anh em từ Côn Đảo về, đã đến Sóc Trăng, sẽ đưa qua Rạch Giá vài mươi người. Bố trí chiếu đệm, nhất là thức ăn cho anh em lấy lại sức khỏe, quần áo đã có người lo, quan trọng nhất là mừng mền. Nơi tập trung anh em là một biệt thự cũ của Pháp, khang trang nhưng đồ trang trí nội thất đã bị nhiều người tẩu tán tự bao giờ. Anh em tù vừa nghỉ dưỡng sức, vừa dạy chính trị tạm gọi là trung cấp cho cán bộ địa phương chân ướt chân ráo như tôi chẳng hạn. Đêm đến, trải chiếu trên nền gạch để nghe. Phần lớn anh chị em ở Côn Đảo về đều ốm o, bệnh tật, súng sinh trong bộ quần áo may không vừa ni tắc. Nhiều người trẻ nhưng tóc đã rụng, hư hỏng hàm răng, quê ở Rạch Giá chẳng mấy ai. Có cán bộ vốn là phu đồn điền cao su miền Đông, bị bắt thời phong trào Đông Dương Đại hội, đòi tự do báo chí, tự do hội hiệp hồi 1936-1939, nay khó về quê, nếu về thì vợ con đã thất lạc. Có anh quê ở tận Hải Dương, Nam Định bị địch đưa vào. Phần lớn bài học chính trị được các anh nhớ nằm lòng, nay giảng lại, vài anh ghi chép với nét chữ li ti, trong cuốn

giấy nhỏ, khổ giấy cuộn thuốc lá rời. Chương trình xem như dài dòng lắm, từ sự thành hình của giai cấp công nhân bên Anh đến triết học Đức, xã hội học Pháp. Mấy ai tiếp thu được nhưng ai nấy lắng nghe. Rồi đến Công xã Pa-ri, Đệ Nhị quốc tế, Đệ Tam quốc tế, sang Đảng Cộng sản Trung Quốc, rồi Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội... ở giữa biển khơi, mấy nước muôn trùng, ăn uống cực khổ, bị bệnh tật chết lúc nào không hay mà cứ giảng cho đồng chí nghe, để rồi Cách mạng tháng Tám thành công tận vùng đất xa xôi lại trở về. Thử hỏi, vào trình độ người người có cảm tình buổi ấy mấy ai tiếp thu được ? Cái ý chí vẫn là quyết định. Các anh buổi ấy, giảng chính trị cho một nhóm người ở ven biển Rạch Giá vẫn tin tưởng : một người chết, trăm người nổi bước. Hân hạnh cho tôi là người thỉnh thoảng đã chất vấn, phát biểu. Các anh cười vui, khuyên tôi nên học thêm về chính trị, để rồi sẽ giảng lại ở mức độ khác cho bà con nông thôn nghe. Sau mỗi buổi học, Tinh đã chu đáo lo lắng về cháo gà, cháo thịt... nhưng về thuốc lá, dường như không có. Thuốc lá khan hiếm từ lâu rồi.

Các anh ấy phần lớn chết bệnh, thêm chết vì giặc sát hại khi ra trận chống Pháp những năm đầu tiên. Chắc chẳng còn ai.
